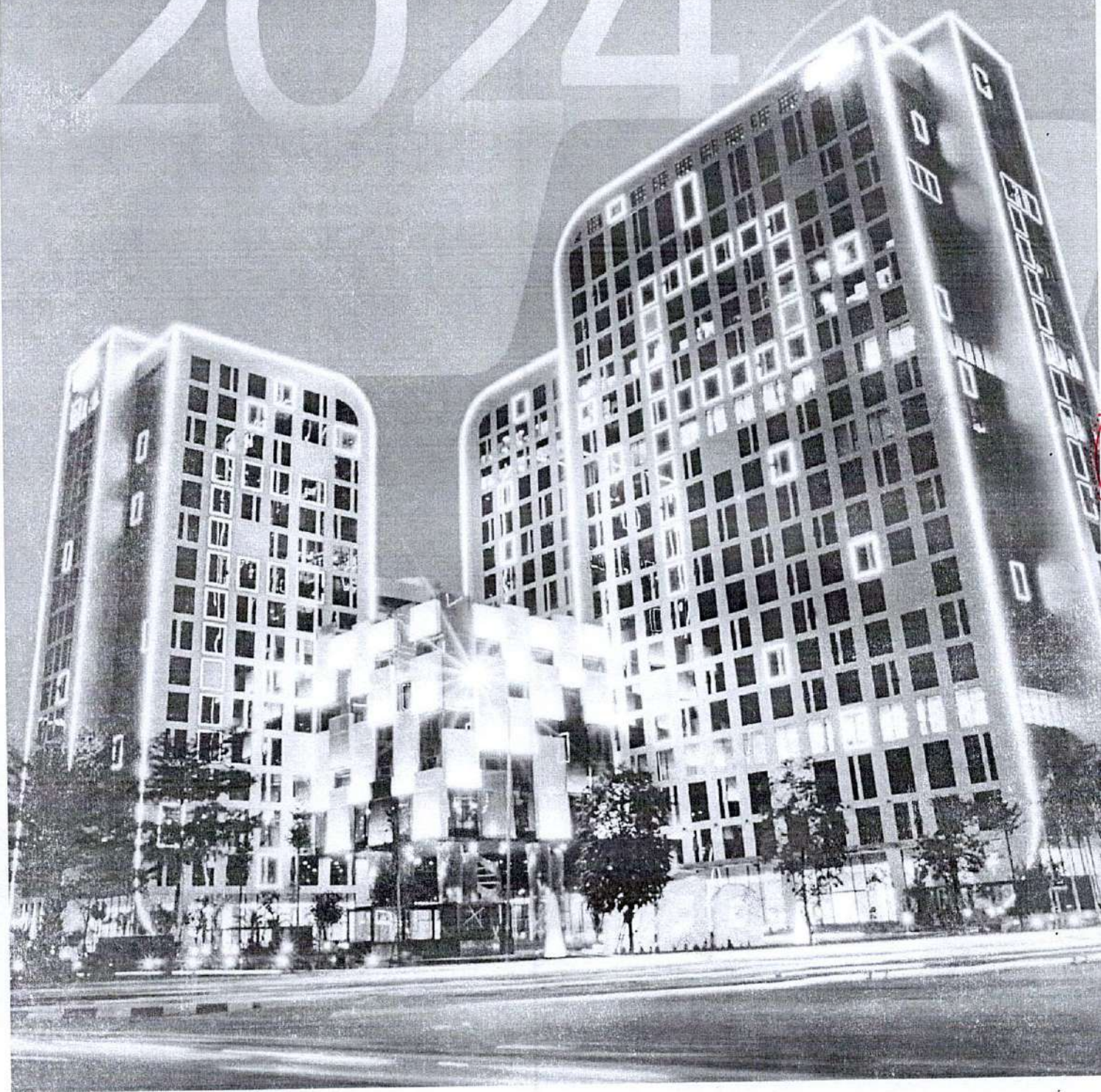
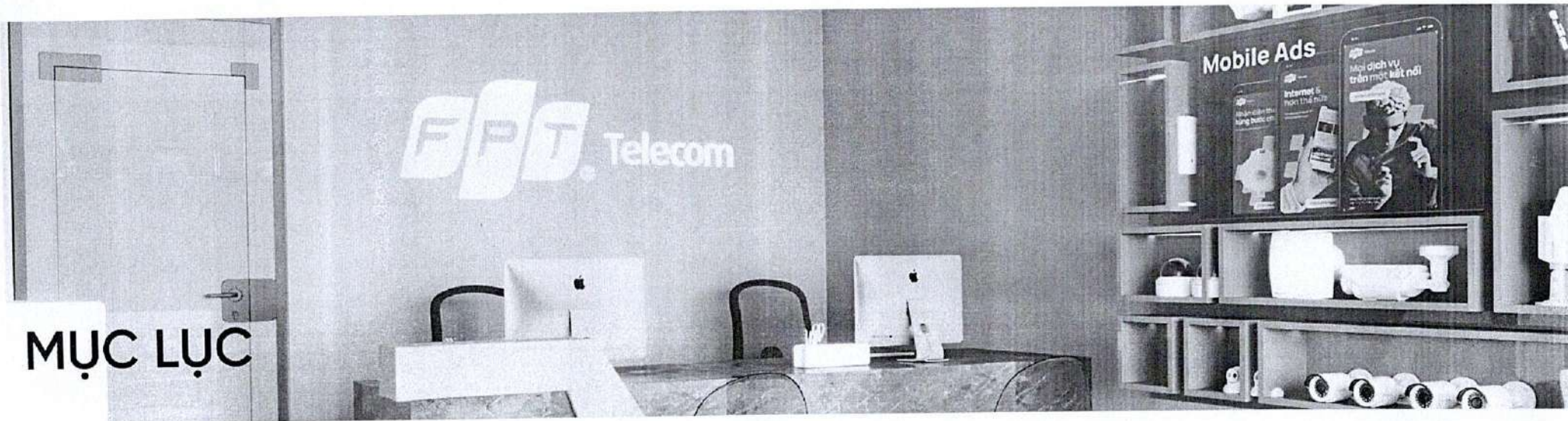




BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

2024





MỤC LỤC

01

Thông điệp của Chủ tịch Hội đồng quản trị

04. Thông điệp của Chủ tịch Hội đồng quản trị

02

Điểm nhấn FPT Telecom năm 2024

06. Điểm nhấn FPT Telecom
08. Các giải thưởng tiêu biểu
09. Các chứng chỉ tiêu biểu

03

Tổng quan về FPT Telecom

12. Giới thiệu công ty
14. Lịch sử hình thành & phát triển
16. Ngành nghề kinh doanh
18. Các dịch vụ chủ đạo
22. Cơ cấu quản trị và bộ máy quản lý
24. Công ty con
26. Giới thiệu Hội đồng Quản trị
28. Giới thiệu Ban Điều hành
29. Giới thiệu Ban Kiểm soát
30. Định hướng phát triển

04

Tình hình hoạt động năm 2024 & kế hoạch năm 2025

34. Tình hình tài chính nổi bật 2024
36. Báo cáo của Ban Điều hành
40 Báo cáo của Hội đồng Quản trị
42. Kế hoạch năm 2025

05

Quản trị công ty

46. Hoạt động của Hội đồng Quản trị
47. Hoạt động của Ban Kiểm soát
48. Quan hệ Nhà đầu tư
50. Phát triển bền vững
52. Tác động đến môi trường
53. Phát triển nguồn nhân lực
54. Các hoạt động phong trào tiêu biểu
57 Hoạt động vì cộng đồng

06

Báo cáo tài chính

06. Báo cáo tài chính

THÔNG điệp CỦA CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



Kính thưa Quý cổ đông, Nhà đầu tư và Quý Khách hàng!

Thay mặt Hội đồng Quản trị cùng tập thể lãnh đạo và cán bộ nhân viên Công ty Cổ phần Viễn thông FPT (FPT Telecom), tôi xin gửi lời chúc sức khỏe, hạnh phúc đến Quý vị. Chúng tôi chân thành cảm ơn sự tin tưởng và đồng hành của Quý vị trong suốt thời gian qua.

2024 là một năm đầy biến động trong bối cảnh thế giới và Việt Nam tiếp tục đối mặt với nhiều thách thức. Vượt qua khó khăn, FPT Telecom tiếp tục kiên định với mục tiêu phát triển, không ngừng tối ưu vận hành, hoàn thiện cơ cấu tổ chức và nâng cao hiệu quả kinh doanh.

Năm 2024, FPT Telecom tự hào là công ty tiên phong đưa Wi-Fi 6 vào hộ gia đình tại Việt Nam. Với tốc độ nhanh gấp 4 lần, độ trễ giảm 50%, vùng phủ sóng mở rộng 23%, Wi-Fi 6 mang lại kết nối ổn định, đáp ứng nhu cầu thời đại số hóa. Đến nay, FPT Telecom đã phủ sóng Wi-Fi 6 tới hàng triệu khách hàng trên toàn quốc, khẳng định vị thế dẫn đầu trong cung cấp dịch vụ Internet và góp phần hiện đại hóa hạ tầng mạng viễn thông Việt Nam.

FPT Telecom tiếp tục khẳng định năng lực sáng tạo với sự ra mắt bộ đôi cloud camera "Made in Vietnam" – IQ 3S và Play 3, được sản xuất tại Việt Nam theo tiêu chuẩn quốc tế về bảo mật dữ liệu. Sản phẩm tích hợp công nghệ AI và điện toán đám mây tiên tiến, đáp ứng nhu cầu an ninh hiện đại. Ngay từ khi ra mắt, bộ đôi camera đã thu hút sự quan tâm lớn trên thị trường, giúp FPT Telecom tăng trưởng ấn tượng trong phần khúc thiết bị an ninh và khẳng định vị thế thương hiệu "Made in Vietnam" trong công nghệ.

Với ứng dụng truyền hình FPT Play, chúng tôi không ngừng đầu tư vào kho nội dung chất lượng cao và các show sáng tạo, thu hút lượng khán giả tăng trưởng mạnh mẽ. Năm 2024, FPT Play là đơn vị sở hữu độc quyền bản quyền phát sóng giải đấu ASEAN Championship Mitsubishi Electric Cup. Với việc tổ chức gần 140 điểm trình chiếu công cộng trên toàn quốc, FPT Play đã mang lại những giây phút sôi động cho khán giả, góp phần tạo nên bầu không khí cuồng nhiệt, tiếp thêm sức mạnh cho đội tuyển Việt Nam giành cup vô địch đầy ấn tượng. Nỗ lực được ghi nhận, FPT Play là thương hiệu duy nhất được vinh danh "Nền tảng giải trí Việt của năm" tại Vietnam iContent Awards 2024. Cùng Wi-Fi 6, các sản phẩm thuộc hệ sinh thái FPT Life, FPT đã mang lại những giây phút sôi động cho khán giả, góp phần tạo nên bầu không khí

Trong năm qua, FPT Telecom International (FTI) đạt nhiều thành công lớn, thắng thầu dự án trị giá hàng trăm tỷ đồng, góp phần tăng trưởng lợi nhuận ấn tượng. FTI cũng vươn tầm khu vực khi gia nhập AseanConnect.One – liên minh viễn thông với mạng lưới hơn 10.000 km, kết nối Việt Nam và các quốc gia ASEAN như Hồng Kông, Thái Lan, Malaysia, Singapore, Indonesia và Campuchia. Điều này giúp FTI tối ưu kết nối khu vực, nâng cao trải nghiệm dịch vụ.

Với những nỗ lực đó, trong năm 2024, FPT Telecom đã ghi dấu ấn Top 10 doanh nghiệp công nghệ số xuất sắc Việt Nam với 3 hạng mục giải thưởng: doanh nghiệp cung cấp hạ tầng số; doanh nghiệp A-IoT; doanh nghiệp sản xuất, phân phối thiết bị viễn thông, công nghệ thông tin. Đồng thời, 6 sản phẩm trong hệ sinh thái của FPT Telecom đã được vinh danh tại Lễ công bố và trao Giải thưởng Sao Khuê 2024 do Hiệp hội Phần mềm và Dịch vụ công nghệ thông tin Việt Nam (VINASA) tổ chức.

Năm qua, FPT Telecom còn hướng tới mục tiêu đồng hành, nâng tầm nền thể thao điện tử Việt Nam. Điều này được thể hiện thông qua việc ký kết hợp tác chiến lược với Hội Thể thao Điện tử Giải trí Việt Nam (VIRESA), mở ra nhiều cơ hội thúc đẩy phát triển eSports hàng đầu Việt Nam như team Flash và GAM Esports, góp phần hỗ trợ các tài năng trẻ khẳng định vị thế trên đấu trường quốc tế. Bên cạnh đó, FPT Telecom đã tài trợ hạ tầng internet chất lượng cao cho nhiều giải đấu eSports lớn trong nước, phát triển gói internet chuyên biệt dành riêng cho game thủ giúp mang lại trải nghiệm chơi game mượt mà và ổn định. Những nỗ lực này không chỉ thể hiện cam kết của FPT Telecom đối

với cộng đồng eSports mà còn góp phần từng bước đưa thể thao điện tử Việt Nam vươn xa trên bản đồ thế giới.

Trong lĩnh vực trách nhiệm xã hội, FPT Telecom tự hào triển khai chiến dịch "Internet an toàn cho học đường", phủ sóng internet an toàn tới 1.000 trường tiểu học trên toàn quốc. Chiến dịch này không chỉ tạo ra môi trường trực tuyến an toàn mà còn mang lại cơ hội học tập công bằng và bền vững cho trẻ em Việt Nam. Đặc biệt, chiến dịch đã lọt vào top 5 đề cử "Dự án vì Việt Nam tôi" của giải thưởng WeChoice Awards 2024 do cộng đồng bình chọn, ghi nhận những đóng góp tích cực của FPT Telecom cho xã hội.

Kết thúc năm 2024, doanh thu thuần của toàn Công ty đạt 17.610 tỷ đồng, hoàn thành 100,1% kế hoạch. Lợi nhuận trước thuế của toàn Công ty đạt 3.588 tỷ đồng, tăng trưởng 179% so với năm 2023 và hoàn thành 102,2% kế hoạch đề ra. Doanh thu dịch vụ viễn thông tăng trưởng 11,3% và hoàn thành 100% kế hoạch đặt ra; doanh thu mảng nội dung số tăng trưởng 13,6% so với năm 2023 và hoàn thành 100,6% chỉ tiêu kế hoạch đề ra.

Năm 2025, FPT Telecom hướng đến mục tiêu đạt doanh thu 19.900 tỷ đồng, tăng trưởng 13% so với năm 2024, củng cố lợi nhuận trước thuế 4.200 tỷ đồng, tăng 17,1%. Chúng tôi cam kết tiếp tục phát triển bền vững, không ngừng cải thiện chất lượng dịch vụ và mở rộng các hoạt động trách nhiệm xã hội, mang lại giá trị cao nhất cho Quý cổ đông, Nhà đầu tư và Khách hàng. Đồng thời, FPT Telecom sẽ đẩy mạnh ứng dụng công nghệ tiên tiến, đặc biệt là trí tuệ nhân tạo, nhằm nâng tầm sản phẩm, dịch vụ và góp phần xây dựng một xã hội an toàn, văn minh và thịnh vượng."

Chúng tôi rất mong tiếp tục nhận được sự ủng hộ và đồng hành của Quý vị trên chặng đường sắp tới.

HOÀNG VIỆT ANH
Chủ tịch Hội đồng Quản trị

ĐIỂM NHẤN NĂM 2024

17.610 TỶ ĐỒNG

Doanh thu thuần



23.768 TỶ ĐỒNG

Tổng tài sản



3.588 TỶ ĐỒNG

Lợi nhuận trước thuế



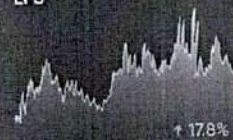
10.646 TỶ ĐỒNG

Vốn chủ sở hữu



5.119 ĐỒNG / CỔ PHIẾU

EPS



9.986 NHÂN VIÊN CHÍNH THỨC



294 VĂN PHÒNG VÀ ĐIỂM GIAO DỊCH



CÁC GIẢI THƯỞNG TIÊU BIỂU



6 sản phẩm, giải pháp đạt giải Sao Khuê 2024

- Ứng dụng FPT Play
- FPT Smart Home
- FPT Camera Cloud AI
- Tính năng Ultra Fast
- FPT Camera AI Retail
- Ứng dụng Hi FPT



3 sản phẩm, giải pháp đạt Top 10 doanh nghiệp công nghệ số xuất sắc Việt Nam 2024

- Top 10 Doanh nghiệp cung cấp hạ tầng số với trung tâm dữ liệu
- FPT Life - Camera AI và Smart Home đạt Top 10 Doanh nghiệp AI-IoT
- Ultra Fast - Top 10 Doanh nghiệp sản xuất, phân phối thiết bị viễn thông, CNTT



3 năm liên tiếp vào Nhóm Doanh nghiệp Cầu lạc bộ CNTT nghìn tỷ Việt Nam



Nhà sáng tạo nội dung số Việt Nam - Vietnam iContent Awards 2024



FPT Play nhận giải Hạng mục Nền tảng giải trí Việt của năm



Top 25 thương hiệu niêm yết dẫn đầu năm 2024 do Forbes Việt Nam bình chọn



Nhà tuyển dụng được yêu thích nhất ngành Viễn thông 2024

- FPT Telecom là "Nhà tuyển dụng được yêu thích nhất ngành Viễn thông 2024"
- "Top 2 nhà tuyển dụng được yêu thích nhất khối doanh nghiệp lớn" do Career Viet thực hiện với sự phối hợp của Công ty Nghiên cứu thị trường Amco Việt Nam



3 giải thưởng tại Asian Technology Excellence Awards 2024

- FPT Camera tại hạng mục AI - Safety & Security
- FPT Smart Home tại hạng mục AI - Safety & Security
- FTI tại hạng mục Trung tâm Dữ liệu - Viễn thông



CÁC CHỨNG CHỈ TIÊU BIỂU



03

TỔNG QUAN VỀ FPT TELECOM

Việc phát huy các giá trị văn hóa truyền thống lấy con người làm trọng tâm và sức mạnh công nghệ đã giúp FPT Telecom phát triển nội lực và niềm tin để thực thi Chiến lược mang tới Trải nghiệm tuyệt vời cho Khách hàng và Nhân viên – Amazing Experience, từ đó tiên phong trở thành Digital Service Provider có trải nghiệm vượt trội, tốt nhất tại Việt Nam.

Giới thiệu công ty	12
Lịch sử hình thành & phát triển	14
Ngành nghề kinh doanh	16
Các dịch vụ chủ đạo	18
Cơ cấu quản trị và bộ máy quản lý	22
Công ty con	24
Giới thiệu Hội đồng Quản trị	26
Giới thiệu Ban Điều hành	28
Giới thiệu Ban Kiểm soát	29
Định hướng phát triển	30

GIỚI THIỆU CÔNG TY

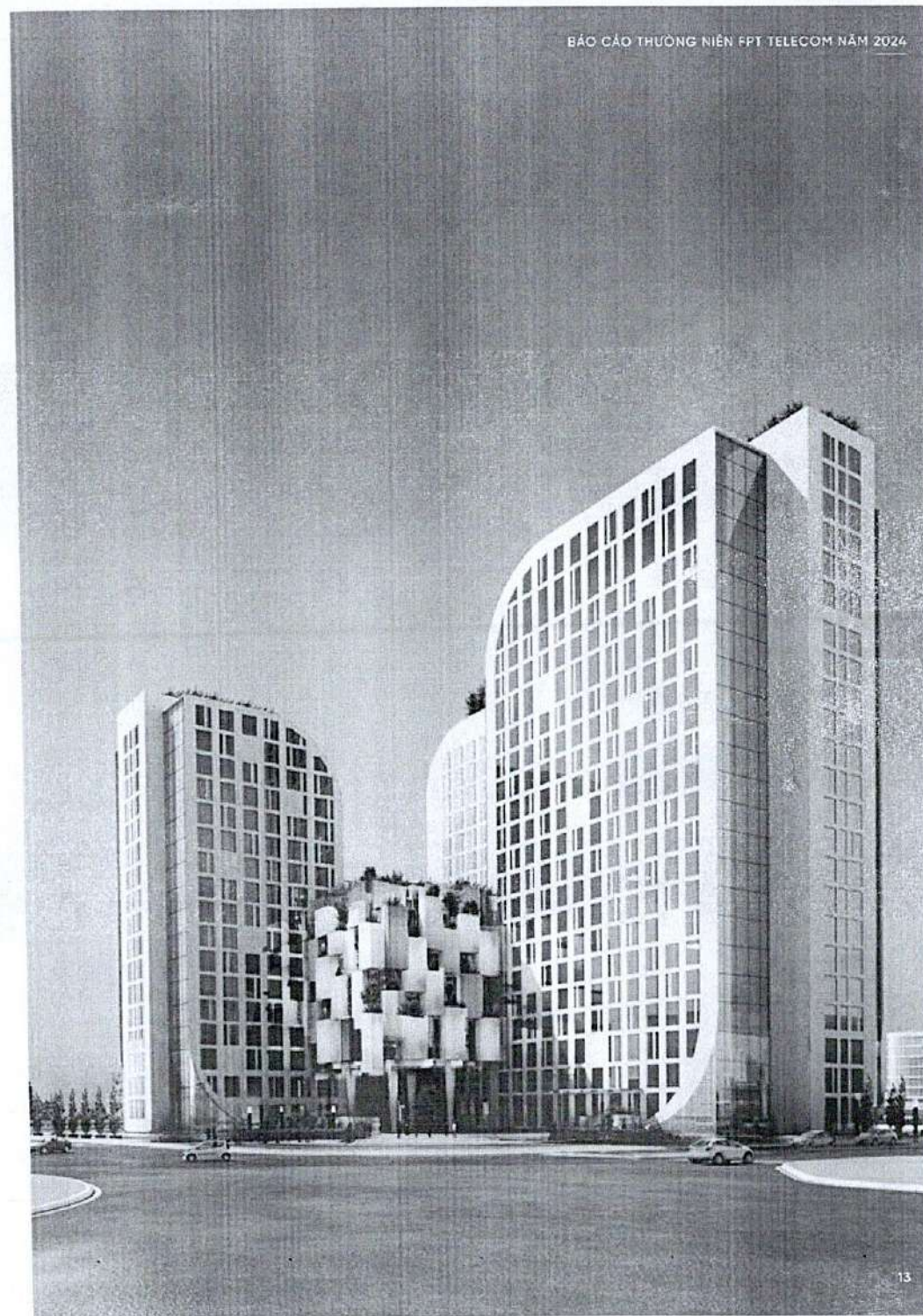
Thông tin chung

Tên Công ty:	Công ty Cổ phần Viễn thông FPT (FPT Telecom)
Mã Chứng khoán:	FOX
Vốn điều lệ:	4.925.091.640.000 đồng
GCNĐKDN:	0101778163
Trụ sở chính:	Tầng 2, Tòa nhà FPT Cầu Giấy, số 17 phố Duy Tân, Phường Dịch Vọng Hậu, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội.

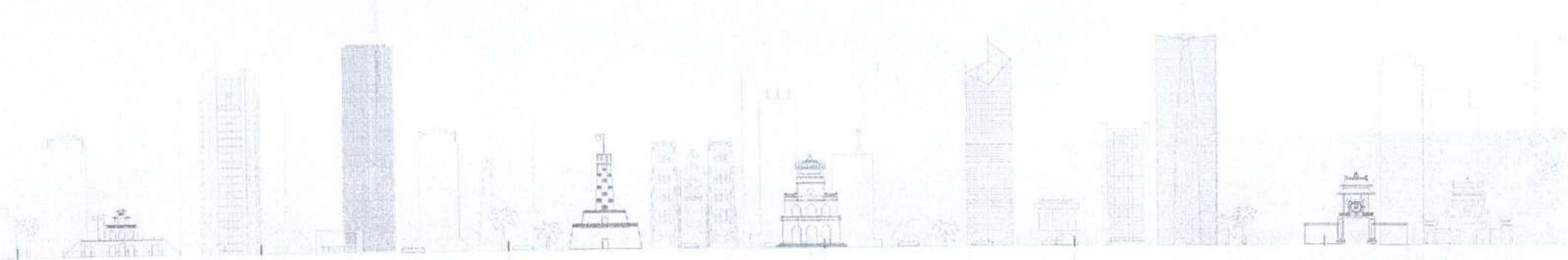


Liên hệ

Văn phòng Hà Nội:	Tầng 8,9,19,20 Tòa Nhà FPT số 10 Phạm Văn Bạch, Phường Dịch Vọng, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội
Văn phòng Đà Nẵng:	Lô A4-1 KĐT Công Nghệ FPT Đà Nẵng, Phường Hòa Hải, Quận Ngũ Hành Sơn, Thành phố Đà Nẵng
Văn phòng Hồ Chí Minh:	Lô L29B-31B-33B Đường Tân Thuận, Khu chế xuất Tân Thuận, Phường Tân Thuận Đông, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh
Điện thoại:	(84-24) 7300 2222
Fax:	(84-24) 3795 0047



LỊCH SỬ HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN



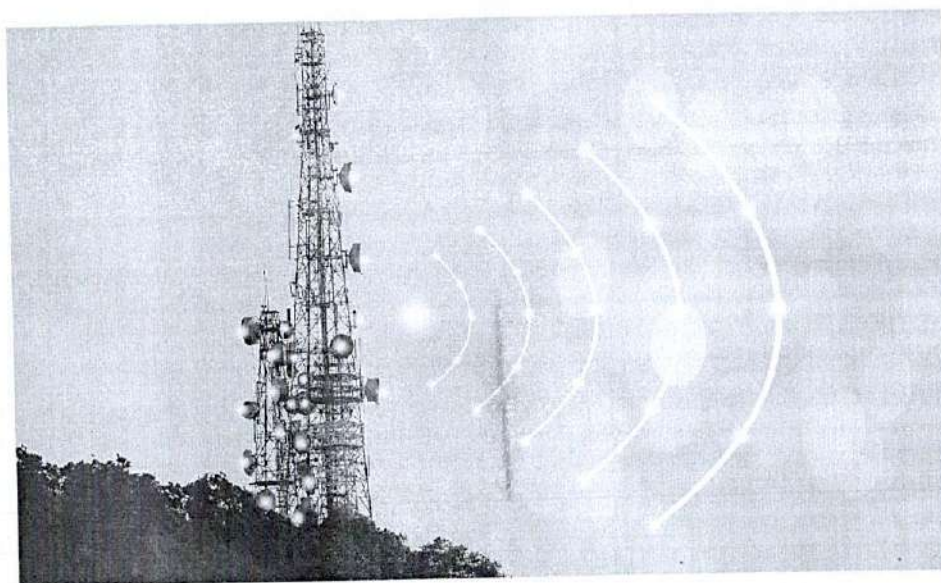
<p>1997</p> <p>Ngày 31/01/1997 trung tâm FPT Internet (FPT Online Exchange - FOX - tiền thân của FPT Telecom) được thành lập tại Hà Nội với sản phẩm mang trí tuệ Việt Nam.</p>	<p>2007</p> <p>Trở thành thành viên chính thức của liên minh AAG.</p>	<p>2014</p> <p>Có mặt tại Myanmar. Là một trong những đơn vị dẫn đầu trong chuyển đổi IPv6. Triển khai chiến lược quang hóa trên phạm vi toàn quốc.</p>	<p>2018</p> <p>Hoàn thiện việc quang hóa hạ tầng trên phạm vi toàn quốc. Ra mắt Box truyền hình 4K, Voice remote.</p>	<p>2021</p> <p>Hợp nhất FPT Play và Truyền hình FPT thành Truyền hình FPT Play. Ra mắt sản phẩm FPT Play Box S, ra mắt giải pháp Camera SME cho doanh nghiệp vừa và nhỏ.</p>	<p>2023</p> <p>Ra mắt 3 gói cước dịch vụ FTTH Giga - Sky - Meta, mở băng thông không giới hạn cho khách hàng.</p> <p>Ra mắt tính năng F-Safe Go và gói cước F-Game dành cho game thủ.</p> <p>Ra mắt FPT Camera Play, FPT Camera IQ3, FPT Camera SE.</p>
<p>2001</p> <p>Ra mắt báo điện tử đầu tiên tại Việt Nam VnExpress.net.</p>	<p>2008</p> <p>Trở thành nhà cung cấp dịch vụ Internet cáp quang băng rộng (FTTH) đầu tiên tại Việt Nam.</p>	<p>2016</p> <p>Khai trương Trung tâm dữ liệu chuẩn Uptime TIER III lớn nhất miền Nam.</p> <p>Được cấp phép triển khai thử nghiệm mạng 4G tại Việt Nam.</p>	<p>2019</p> <p>Ra mắt hàng loạt các sản phẩm dịch vụ nổi bật: FPT Camera, iHome, HBO GO, Foxy...</p>	<p>2022</p> <p>Ra mắt gói Lux tích hợp công nghệ Wifi 6 và Bộ giải mã đầu tiên tại thị trường Việt Nam tích hợp hai công nghệ IPTV và OTT là Box FPT Play 2022.</p> <p>Khai trương 2 Data Center: Fornix HN02 và Fornix HCM01 với công suất 800 rack.</p>	<p>2024</p> <p>Phủ sóng Wi-Fi 6 toàn quốc, mạng Internet an toàn đến 1.000 trường học trên cả nước.</p> <p>Hợp tác chiến lược cùng Team Flash, GAM Entertainment, tham gia tổ chức các sự kiện eSports tầm cỡ.</p> <p>FPT Play độc quyền phát sóng AFF Cup 2024.</p> <p>Ra mắt FPT Camera IQ 3S và FPT Camera Play 3, giải pháp tiết kiệm điện cho Smart Home.</p>
<p>2002</p> <p>Trở thành nhà cung cấp kết nối Internet IXP (Internet Exchange Provider).</p>	<p>2012</p> <p>Hoàn thiện tuyến trục Bắc Nam với tổng chiều dài 4.000 km.</p>	<p>2017</p> <p>Chính thức niêm yết trên sàn chứng khoán UPCOM.</p> <p>Ra mắt gói dịch vụ Internet tốc độ nhanh nhất Việt Nam SOC - 1Gbps.</p>	<p>2020</p> <p>Ra mắt nhiều sản phẩm lớn: Foxpay, F.safe, F.work, F.Drive, bộ giải mã FPT TV 4K FX6 của Truyền hình FPT, cùng nhiều giải pháp hỗ trợ mùa dịch Covid 19.</p>		
<p>2005</p> <p>Chuyển đổi thành Công ty Cổ phần Viễn Thông FPT (FPT Telecom).</p>	<p>2013</p> <p>Ra mắt dịch vụ Truyền hình IPTV với thương hiệu Truyền hình FPT.</p>				

NGÀNH NGHỀ KINH DOANH

1

Cung cấp hạ tầng dịch vụ viễn thông

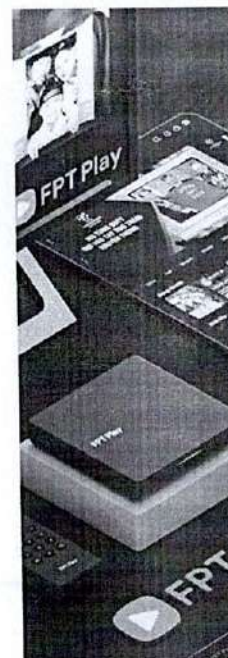
- Cung cấp dịch vụ viễn thông qua các kết nối viễn thông hiện có như VOIP (điện thoại Internet).
- Hoạt động của các điểm truy cập Internet.
- Dịch vụ viễn thông giá trị gia tăng: Dịch vụ thư điện tử, dịch vụ thư thoại, dịch vụ truy cập dữ liệu và thông tin trên mạng, dịch vụ fax gia tăng giá trị, dịch vụ trao đổi dữ liệu điện tử, dịch vụ chuyển đổi mã và giao thức, dịch vụ xử lý dữ liệu và thông tin trên mạng.
- Dịch vụ viễn thông cố định quốc tế, dịch vụ viễn thông cố định đường dài trong nước.
- Dịch vụ viễn thông cố định nội hạt: dịch vụ điện thoại, fax, dịch vụ truyền số liệu, dịch vụ truyền dẫn tín hiệu truyền hình, dịch vụ thuê kênh, dịch vụ telex, dịch vụ điện báo.
- Thiết lập hạ tầng mạng và cung cấp các dịch vụ viễn thông, Internet.
- Đại lý cung cấp các sản phẩm, dịch vụ viễn thông, Internet.
- Cung cấp hạ tầng mạng viễn thông cho dịch vụ Internet băng thông rộng.
- Hoạt động viễn thông có dây.



2

Dịch vụ truyền hình, giải trí, dịch vụ giá trị gia tăng và nội dung số

- Đại lý cung cấp các dịch vụ truyền hình, phim ảnh, âm nhạc trên mạng Internet, điện thoại di động.
- Dịch vụ tin nhắn, dữ liệu, thông tin giải trí trên mạng điện thoại di động.
- Dịch vụ giá trị gia tăng trên mạng Internet, điện thoại di động.
- Đại lý, cung cấp trò chơi trực tuyến trên mạng Internet, điện thoại di động.
- Hoạt động phát hành phim ảnh, phim video và chương trình truyền hình: dịch vụ phát hành phim ảnh, giải trí, giá trị gia tăng trên mạng viễn thông Internet, dịch vụ truyền hình cáp công nghệ IPTV theo Giấy phép 239/GP-BTTTT.
- Hoạt động sản xuất phim điện ảnh, phim video và chương trình truyền hình.
- Hoạt động hậu kỳ, hoạt động chiếu phim, hoạt động ghi âm và xuất bản âm nhạc.
- Xử lý dữ liệu, cho thuê và các hoạt động liên quan.
- Thi công, dịch vụ lắp đặt hệ thống truyền hình cáp, tư vấn, thiết kế lắp đặt chuyên gia công nghệ máy móc thiết bị phát thanh truyền hình, điện, điện tử và viễn thông.
- Quảng cáo
- Hoạt động truyền hình cáp



3

Các hoạt động khác

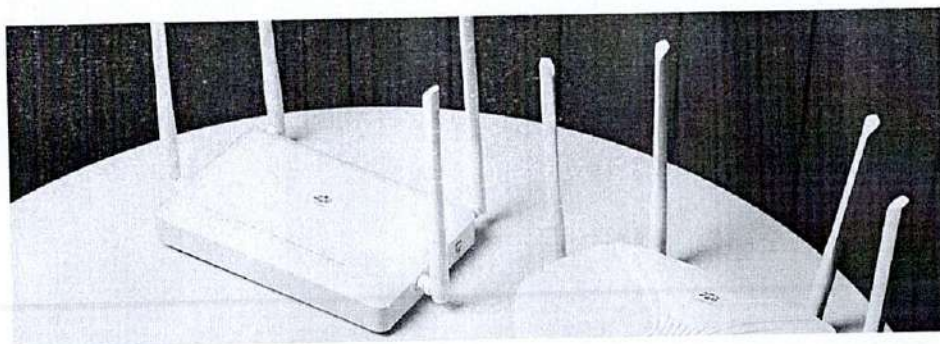
- Xuất nhập khẩu thiết bị mạng viễn thông và Internet.
- Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông, bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm, bán buôn vật tư máy móc chuyên dụng, dân dụng về phát thanh truyền hình, điện, điện tử và viễn thông, bán lẻ máy vi tính, thiết bị ngoại vi, phần mềm và thiết bị viễn thông trong các cửa hàng chuyên doanh.
- Xuất bản phần mềm, dịch vụ thông tin qua điện thoại, các dịch vụ tìm kiếm thông tin qua hợp đồng hay trên cơ sở phí.
- Hoạt động dịch vụ công nghệ thông tin và dịch vụ khác liên quan đến máy vi tính, tư vấn máy vi tính và quản trị hệ thống máy vi tính, cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác.
- Sản xuất thiết bị truyền thông, cổng thông tin, quảng cáo.
- Hoạt động cung ứng dịch vụ trung gian thanh toán.
- Xây dựng công trình công ích khác: xây dựng, lắp đặt, bảo dưỡng các công trình viễn thông, công nghệ thông tin và truyền thông.
- Cung ứng dịch vụ trung gian thanh toán
- Bán buôn máy móc, thiết bị y tế; bán buôn dược phẩm & dụng cụ y tế; bán buôn thực phẩm chức năng. Bán lẻ thuốc, dụng cụ y tế, mỹ phẩm & vật phẩm vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh; bán lẻ thực phẩm, thực phẩm chức năng...

CÁC DỊCH VỤ CHỦ ĐẠO

1

Internet FPT

Dịch vụ mạng cáp quang FPT được nhiều cá nhân, tổ chức đánh giá là nhà cung cấp dịch vụ Internet có chất lượng đường truyền dữ liệu cáp quang siêu tốc, ổn định, bảo mật tuyệt đối thông tin người dùng, không bị ảnh hưởng bởi thời tiết... FPT Telecom cung cấp các gói cước cáp quang theo chuẩn Wi-Fi 6 - chuẩn Wi-Fi hiện đại nhất; đem tới trải nghiệm tuyệt vời hơn cho khách hàng với tốc độ truy cập từ 150Mbps trở lên, vùng phủ sóng mở rộng, độ trễ giảm.



2

FPT Play

FPT Play mang đến cho người dùng các Gói dịch vụ truyền hình đa dạng, trên đa nền tảng, đa hạ tầng. Thông qua website fptplay.vn và ứng dụng FPT Play được cài đặt trên các thiết bị đầu cuối, người dùng tại Việt Nam có thể tận hưởng kho nội dung đặc sắc, với gần 200 kênh truyền hình trong nước và quốc tế, các tựa phim truyền đa quốc gia hàng đầu, nhiều giải đấu thể thao đỉnh cao và những chương trình giải trí theo xu hướng mới nhất.

Tháng 9/2021, truyền hình FPT và dịch vụ FPT Play hợp nhất làm một, dưới tên gọi chung là FPT Play, đánh dấu bước chuyển mình sau gần một thập kỷ phát triển.

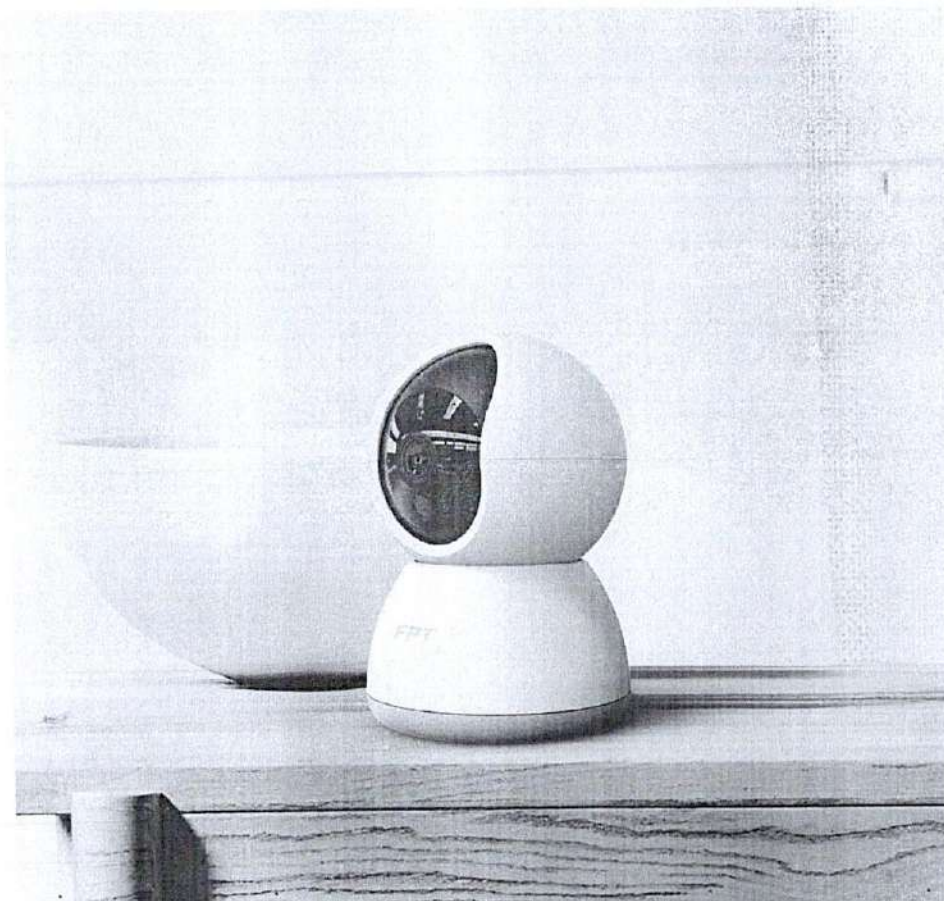


3

Smart Life

FPT CAMERA - Cung cấp giải pháp camera an ninh đồng bộ ứng dụng AI, cho phép giám sát, lưu trữ dữ liệu người dùng trên nền tảng điện toán đám mây. FPT Camera đã được triển khai ở nhiều tỉnh thành trên cả nước, góp phần đảm bảo an ninh trật tự, ngăn ngừa và giảm tỷ lệ tội phạm và vi phạm giao thông.

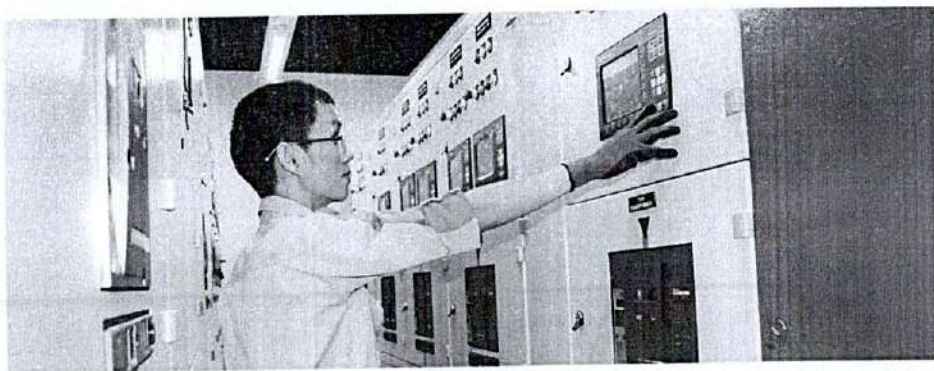
SMART LIFE là nền tảng nhà thông minh điều khiển bằng giọng nói tiếng Việt hàng đầu Việt Nam, Smart Life hiện cung cấp 4 giải pháp thông minh gồm: Điều khiển, Chiếu sáng, An ninh, Truyền hình nhằm mang đến một không gian sống hiện đại, tiện nghi và phù hợp với tất cả mọi người dân Việt Nam.



4

Kênh thuê riêng Leased Line

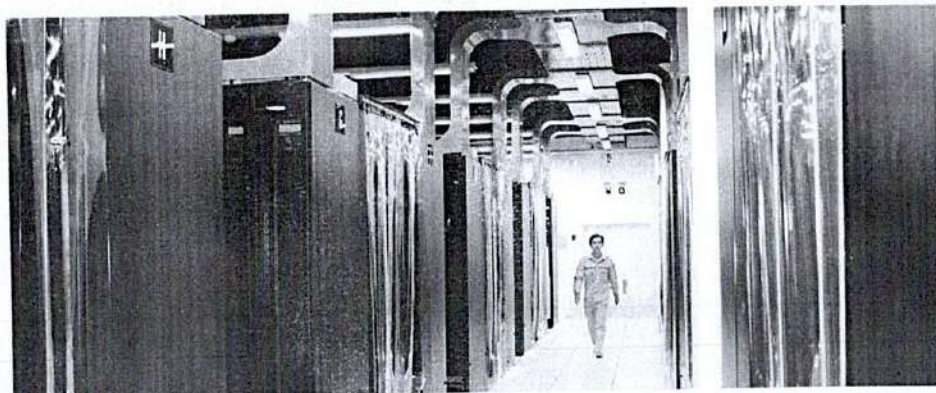
Internet Leased Line là dịch vụ cung cấp kết nối Internet trực tiếp ra Quốc tế (GIA) và Internet trong nước (NIX). Khác với các kết nối Internet thông thường, đường truyền Internet Leased Line có thể cung cấp mọi tốc độ từ 01 Mbps đến hàng chục Gbps với cam kết tốt nhất về độ ổn định, tốc độ kết nối, tính riêng biệt cùng với chế độ chăm sóc khách hàng đặc biệt.



5

Trung tâm dữ liệu (Data Center)

Dịch vụ cung cấp các loại máy chủ chuyên dùng, không gian đặt tủ rack, không gian đặt máy chủ và các kết nối từ máy chủ ra môi trường Internet hay kết nối riêng trực tiếp đến văn phòng (khách hàng thông qua môi trường Intranet với hệ thống Trung tâm dữ liệu (Data Center) chuẩn Uptime Tier III quy mô lớn hàng đầu Việt Nam.



20

6

Hi FPT

Cung cấp những tính năng phục vụ khách hàng trong việc quản lý toàn trình các dịch vụ Internet. Chỉ bằng vài thao tác, khách hàng có thể chủ động mọi giao dịch ngay tại nhà, hỗ trợ xử lý sự cố nhanh nhất hoặc quản lý Modem Wi-Fi từ xa, đảm bảo an toàn Internet, tận hưởng các tính năng nâng cao cũng như nhận những ưu đãi độc quyền cho "Khách Hàng Thân Thiết" của FPT Telecom.



7

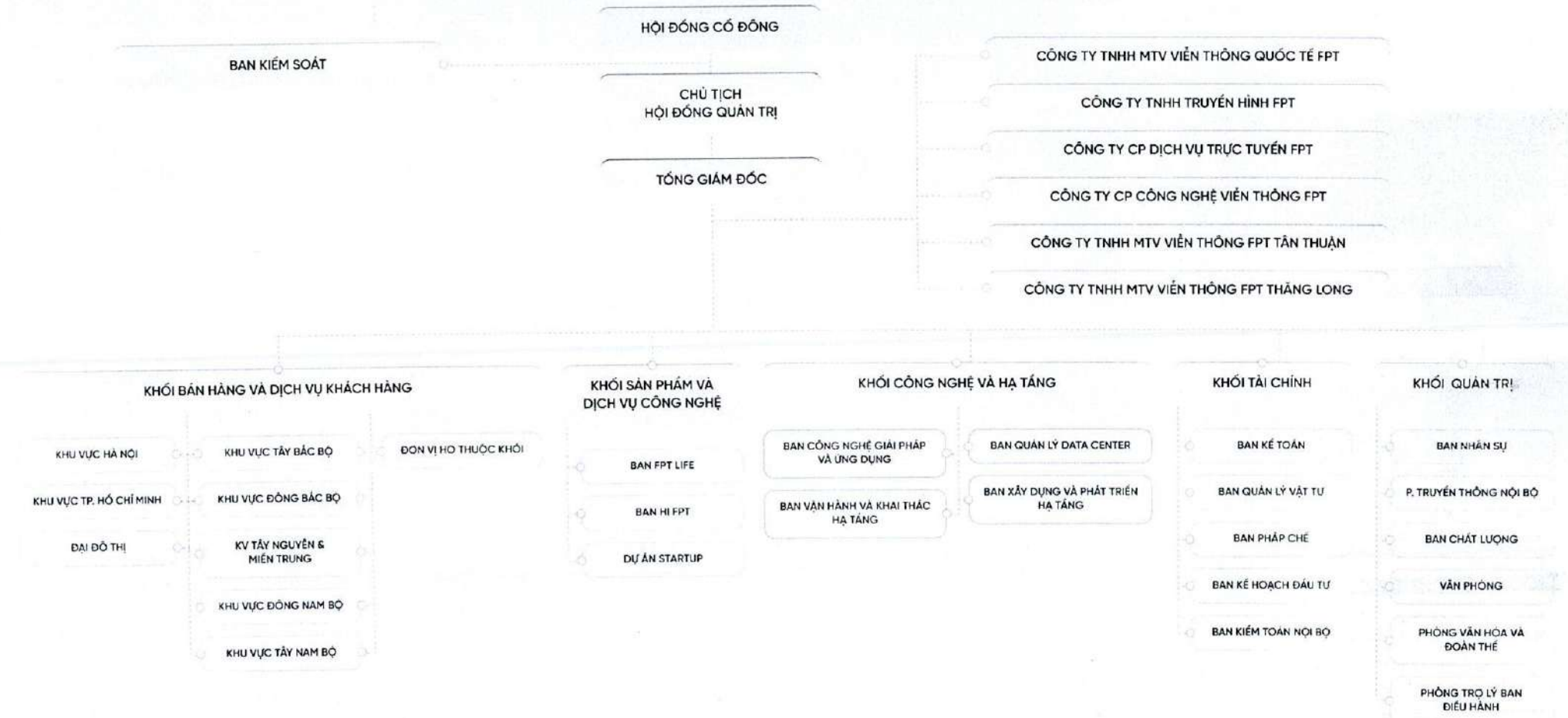
Online Media

Hệ thống báo điện tử VN-Express duy trì vị thế báo điện tử số 1 Việt Nam, hiện diện thường xuyên ở 193 quốc gia và vùng lãnh thổ.

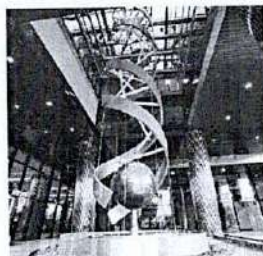


21

CƠ CẤU QUẢN TRỊ VÀ QUẢN LÝ BỘ MÁY



CÔNG TY CON



Công ty TNHH MTV Viễn Thông Quốc Tế FPT

Vốn điều lệ:	30.000.000.000 đồng
Tỷ lệ sở hữu:	100%
Lĩnh vực hoạt động:	Cung cấp dịch vụ Internet, đại lý cung cấp các dịch vụ viễn thông và các dịch vụ khác



Công ty TNHH MTV Viễn Thông FPT Thăng Long

Vốn điều lệ:	224.315.000.000 đồng
Tỷ lệ sở hữu:	100%
Lĩnh vực hoạt động:	Cung cấp các dịch vụ Internet tốc độ cao và các dịch vụ viễn thông khác



Công ty TNHH MTV Viễn thông FPT Tân Thuận

Vốn điều lệ:	70.000.000.000 đồng
Tỷ lệ sở hữu:	100%
Lĩnh vực hoạt động:	Cung cấp các dịch vụ Internet tốc độ cao và các dịch vụ viễn thông khác



Công ty CP Dịch Vụ Trực Tuyến FPT

Vốn điều lệ:	184.712.750.000 đồng
Tỷ lệ sở hữu:	56,51%
Lĩnh vực hoạt động:	Cung cấp dịch vụ Game Online, Báo điện tử, thanh toán điện tử



Công ty CP Công Nghệ Viễn thông FPT

Vốn điều lệ:	276.000.000.000 đồng
Tỷ lệ sở hữu:	99,99%
Lĩnh vực hoạt động:	Cung cấp các dịch vụ Internet tốc độ cao và các dịch vụ viễn thông khác



Công ty TNHH Truyền Hình FPT

Vốn điều lệ:	15.000.000.000 đồng
Tỷ lệ sở hữu:	100%
Lĩnh vực hoạt động:	Cung cấp dịch vụ truyền hình

GIỚI THIỆU HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



Hoàng Việt Anh

Chủ tịch HĐQT
Năm sinh: 1975
Trình độ chuyên môn: Kỹ sư Công nghệ thông tin

Ông gia nhập FPT từ năm 1993 và đảm nhiệm nhiều vị trí quan trọng tại FPT. Ông từng giữ chức Tổng Giám đốc của FPT Software, và được bổ nhiệm vị trí Tổng Giám đốc FPT Telecom từ tháng 03/2018. Trong cùng năm đó, ông được bổ nhiệm là Phó Tổng Giám đốc Tập đoàn FPT. Tháng 04/2023 ông được bầu làm Chủ tịch FPT Telecom. Ông có nhiều kinh nghiệm chỉ đạo các dự án quy mô hàng triệu USD với khách hàng tại Singapore, Malaysia, Mỹ, trong lĩnh vực dầu khí, hàng không, truyền hình vệ tinh, tài chính – ngân hàng – bảo hiểm. Năm 2007, ông là một trong 10 gương mặt tiêu biểu được nhận Giải thưởng Quả cầu Vàng CNTT do Trung ương Đoàn và Bộ Khoa học Công nghệ tổ chức nhờ nỗ lực đưa hình ảnh CNTT Việt Nam ra thế giới.



Trần Thị Hồng Linh

Thành viên HĐQT
Phó Trưởng Ban đầu tư 4, Tổng công ty Đầu tư và Kinh doanh Vốn nhà nước (SCIC)
Năm sinh: 1979
Trình độ chuyên môn: Thạc sĩ

Bà có 14 năm kinh nghiệm công tác tại Tổng Công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn Nhà nước. Bà hiện giữ chức vụ Phó Trưởng ban – Ban Đầu tư 4 thuộc Tổng Công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn Nhà nước. Bà có bằng thạc sĩ Kinh tế tài chính – ngân hàng cấp bởi Đại học Kinh tế Quốc dân. Bà được bổ nhiệm vị trí Thành viên Hội đồng Quản trị FPT Telecom từ tháng 04/2023.



Nguyễn Văn Khoa

Thành viên HĐQT
Năm sinh: 1977
Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kinh tế

Ông có 24 năm kinh nghiệm phát triển các mảng Dịch vụ Viễn thông và từng đảm nhiệm nhiều vị trí quản lý quan trọng tại FPT Telecom: Phó Giám đốc Kinh doanh khu vực phía Bắc, Giám đốc Trung tâm Quản lý hạ tầng, Tổng Giám đốc Công ty TNHH MTV Viễn thông Quốc tế FPT và giữ vị trí Tổng Giám đốc FPT Telecom trong giai đoạn 2012-2017. Tháng 01/2018, Ông được bổ nhiệm Phó Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần FPT, Tổng Giám đốc công ty Hệ thống thông tin FPT. Tháng 03/2019 ông được bổ nhiệm Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần FPT, Ủy viên Ban chấp hành Hội tin học TP. HCM. Ông là Ủy viên HĐQT Công ty FPT Telecom, Chủ tịch Hiệp hội Phần mềm và Dịch vụ CNTT Việt Nam. Ông là Phó chủ tịch ASOCIO nhiệm kỳ 2023-2024, Chủ tịch Hiệp hội Phần mềm và Dịch vụ CNTT Việt Nam, Phó Chủ tịch Hội Doanh nhân trẻ Việt Nam, thành viên Hiệp hội Internet Việt Nam, Hiệp hội Truyền hình cáp Việt Nam, Ủy viên Ban chấp hành Hội Tin học Tp.HCM.



Trương Gia Bình

Thành viên HĐQT
Năm sinh: 1956
Trình độ chuyên môn: Phó Giáo sư, Tiến sĩ Toán – Lý

Sáng lập FPT năm 1998, ông là nhà tổ chức, người tập hợp lực lượng của FPT. Với tầm nhìn nhà lãnh đạo tiên phong, ông không ngừng khai thác ý tưởng sáng tạo, bắt nhịp xu hướng công nghệ hiện đại, dẫn dắt FPT vững vàng tăng trưởng. Ông được bình chọn một trong 10 nhân vật tiêu biểu của ngành công nghệ thông tin & truyền thông (ICT) Việt Nam giai đoạn 2000-2009 do các nhà báo lĩnh vực ICT bình chọn. Năm 2013, ông được Tập đoàn Nikkei (Nhật Bản) trao Giải thưởng Nikkei Asia vì đóng góp quan trọng sự phát triển của ngành CNTT Việt Nam. Ngày 07/04/2022, ông tiếp tục được bầu vị trí Chủ tịch Hội đồng quản trị FPT nhiệm kỳ 2022-2027. Ông cũng đang đảm nhiệm vai trò Trưởng Ban Nghiên cứu phát triển kinh tế tư nhân thuộc Hội đồng Tư vấn cải cách thủ tục hành chính của Thủ tướng Chính phủ, Phó Chủ tịch Hiệp hội An ninh mạng Quốc gia, Thành viên Ban cố vấn - Temasek Đông Nam Á, Đồng Chủ tịch Hội đồng Doanh nghiệp Hàng đầu Việt Nam, Chủ tịch Ủy ban Phát triển Công nghiệp Bán dẫn Việt Nam thuộc VINASA.



Phan Thế Thành

Thành viên HĐQT
Phó Chánh Văn Phòng điều hành, Tổng công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn nhà nước (SCIC)
Năm sinh: 1983
Trình độ chuyên môn: Thạc sĩ

Ông có 15 năm kinh nghiệm công tác tại Tổng Công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn Nhà nước. Ông hiện đang giữ chức vụ Phó Chánh Văn phòng – Văn phòng Điều hành thuộc Tổng công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn Nhà nước. Ông có bằng thạc sĩ kinh tế tại trường Học viện Tài chính. Ông được bổ nhiệm vào vị trí Thành viên Hội đồng Quản trị của FPT Telecom từ năm 2023.



Chu Thị Thanh Hà

Thành viên HĐQT
Năm sinh: 1974
Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ Quản trị Kinh doanh

Bà từng giữ chức Phó Tổng Giám đốc Công ty CP FPT từ năm 2011 đến 2015. Bà là một trong 4 thành viên sáng lập của Công ty Cổ phần Viễn thông FPT. Bà dẫn dắt, quản trị và lãnh đạo FPT Telecom trong suốt thời gian từ ngày đầu thành lập công ty (1997) đến đầu năm 2020, trải qua nhiều vị trí lãnh đạo chủ chốt như Phó Tổng Giám đốc, Tổng Giám đốc, Phó Chủ tịch và Chủ tịch HĐQT FPT Telecom (2015-2020). Dưới sự lãnh đạo của Bà, FPT Telecom trở thành một trong những doanh nghiệp viễn thông, Internet uy tín và vị thế vững chắc tại thị trường Việt Nam. Từ tháng 3/2020, Bà bổ nhiệm vào vị trí Chủ tịch HĐQT FPT Software và thời giữ vị trí Chủ tịch HĐQT FPT Telecom.

GIỚI THIỆU BAN ĐIỀU HÀNH



Nguyễn Hoàng Linh

Tổng Giám Đốc
 Năm sinh: 1978
 Trình độ chuyên môn: Thạc sĩ Quản trị Kinh doanh

Ông gia nhập FPT năm 2008 và giữ chức Phó Tổng Giám đốc phụ trách tài chính Công ty TNHH FPT Telecom Miền Nam. Từ tháng 7/2009 đến tháng 12/2012, Ông là Giám đốc Tài chính FPT Telecom. Tháng 1/2013, ông được bổ nhiệm vị trí Phó Tổng Giám đốc FPT Telecom. Từ tháng 4/2023, ông được bổ nhiệm vị trí Tổng Giám đốc FPT Telecom.



Vũ Thị Mai Hương

Phó Tổng Giám Đốc
 Năm sinh: 1971
 Trình độ chuyên môn: Kỹ sư Tin học

Bà gia nhập FPT từ năm 1993 và từng đảm nhiệm nhiều vị trí quan trọng tại FPT Telecom như Chủ tịch Công ty TNHH MTV Viễn thông Quốc tế FPT, Phó Ban nhân sự FPT Telecom, Tháng 4/2011, bà được bổ nhiệm làm Phó Tổng Giám đốc FPT Telecom.



Chu Hùng Thắng

Phó Tổng Giám Đốc
 Năm sinh: 1978
 Trình độ chuyên môn: Thạc sĩ Quản trị Kinh doanh

Ông gia nhập FPT từ năm 2001, ông làm việc tại Công ty TNHH Hệ thống Thông tin FPT với các vị trí Trưởng phòng Kỹ thuật triển khai, Phó Giám đốc Trung tâm FIS 3. Năm 2008, ông chuyển sang FPT Telecom giữ chức vụ Giám đốc chi nhánh Hà Nội 3. Ông lần lượt đảm nhiệm qua nhiều vị trí lãnh đạo tại FPT Telecom: Giám đốc điều hành kinh doanh vùng 2 (Tây Bắc Bộ), vùng 3 (Đông Bắc Bộ) và vùng 1 (Hà Nội). Tháng 12/2013, ông được bổ nhiệm chức vụ Phó Tổng Giám đốc FPT Telecom.

GIỚI THIỆU BAN KIỂM SOÁT



Trần Khương

Trưởng Ban Kiểm Soát
 Năm sinh: 1990
 Trình độ chuyên môn: Cử nhân

Ông gia nhập FPT từ năm 2019 và đảm nhận vị trí Chuyên viên Kế toán tổng hợp. Từ tháng 11/2023 đến nay, ông giữ chức vụ Kế toán trưởng tại Công ty TNHH Hệ thống thông tin FPT. Ông được bổ nhiệm vị trí Trưởng Ban Kiểm soát của FPT Telecom ngày 25/04/2023.



Phạm Xuân Hoàn

Thành viên Ban Kiểm Soát
 Năm sinh: 1986
 Trình độ chuyên môn: Thạc sĩ

Ông gia nhập FPT Telecom từ năm 2017 với vị trí Trưởng phòng Pháp chế. Tháng 11 năm 2022, ông được bổ nhiệm vị trí Trưởng ban Pháp chế của FPT Telecom. Ngày 25/04/2023, ông được bổ nhiệm vị trí thành viên Ban Kiểm soát của FPT Telecom.



Đỗ Xuân Phúc

Thành viên Ban Kiểm Soát
 Năm sinh: 1985
 Trình độ chuyên môn: Cử nhân

Ông hiện đang công tác tại Ban đầu tư 4 thuộc Tổng Công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn Nhà nước. Ông được bổ nhiệm vào vị trí thành viên Ban Kiểm soát của FPT Telecom từ ngày 25/04/2023.

ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN

Năm 2024 là một năm đầy biến động với bối cảnh kinh tế còn nhiều khó khăn, sức mua giảm do khách hàng thắt chặt chi tiêu.

Bước sang Tháng 9, siêu bão Yagi tàn phá miền Bắc và để lại những ảnh hưởng lớn chưa từng có trong lịch sử 60 năm. Dù vậy, đội ngũ Ban lãnh đạo FPT Telecom cùng toàn thể cán bộ nhân viên, dưới sự đồng hành của Hội đồng quản trị đã kịp thời tìm được hướng đi hiệu quả, linh hoạt tối ưu nguồn lực và chi phí cũng như tăng cường ứng dụng công nghệ trong kinh doanh và vận hành. Nhờ đó, doanh thu thuần và lợi nhuận trước thuế năm 2024 của toàn Công ty duy trì tăng trưởng lần lượt 11,4% và 17,9% so với năm 2023.

Tăng trưởng so với năm 2023

11,4%

DOANH THU THUẦN

17,9%

LỢI NHUẬN TRƯỚC THUẾ

Trong năm 2024, FPT Telecom đã tiên phong triển khai Wi-Fi 6 tại Việt Nam và tham gia tổ chức các sự kiện eSports tầm cỡ quốc gia. FPT Play chiếm lĩnh mảng thể thao và giải trí khi trở thành thương hiệu duy nhất được trao danh hiệu "Nền tảng giải trí Việt của năm" tại lễ trao giải các nhà sáng tạo nội dung số Việt Nam.

FPT Telecom cũng vươn tầm khu vực, trở thành thành viên chính thức của AseanConnect.One – liên minh hợp tác giữa các doanh nghiệp viễn thông tại ASEAN. Ngoài ra, theo thống kê của VNNIC trong tháng 8/2024, FPT Telecom dẫn đầu về tốc độ băng rộng cố định trên toàn quốc, là minh chứng cho việc chất lượng hạ tầng – dịch vụ của công ty liên tục được cải thiện nhằm đáp ứng nhu cầu ngày càng tăng của khách hàng.



Mục tiêu tăng trưởng năm 2025

13%

DOANH THU THUẦN

17.1%

LỢI NHUẬN TRƯỚC THUẾ



Năm 2025 được dự báo tiếp tục là một năm có nhiều biến động và thách thức khi tình hình địa chính trị phức tạp trên thế giới có thể ảnh hưởng đến nền kinh tế trong nước. Việt Nam bắt đầu bước vào "Kỷ nguyên mới - Kỷ nguyên vươn mình của dân tộc", đồng thời, Nghị quyết 57 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển công nghệ đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia sẽ mở ra cơ hội phát triển mạnh mẽ cho các doanh nghiệp công nghệ.

Trước bối cảnh đó, FPT Telecom đặt ra mục tiêu tăng trưởng hai chữ số cho năm 2025. Cụ thể, mục tiêu doanh thu và lợi nhuận trước thuế của Công ty tăng trưởng lần lượt là 13% và 17,1% so với 2024. Để đạt được điều đó, FPT Telecom cam kết trong năm 2025 tiếp tục tăng cường đầu tư và hoàn thiện hạ tầng, chủ động nghiên cứu ứng dụng công nghệ và khoa học, đặc

biệt là AI tạo sinh vào trong công việc kinh doanh và vận hành. Công ty sẽ chú trọng đào tạo và phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao, đồng thời có chiến lược thu hút nhân tài, đặc biệt là các chuyên gia về công nghệ.

Amazing Customer Experience – chiến lược Trải nghiệm Khách hàng Tuyệt vời sẽ tiếp tục là kim chỉ nam giúp công ty đạt được những mục tiêu thách thức. Bước sang năm 2025, đồng hành cùng với chiến lược Tập đoàn FPT và định hướng của Chính phủ Việt Nam, FPT Telecom chú trọng gia tăng, thúc đẩy chuyển đổi Xanh và phát triển bền vững nhằm bắt kịp xu hướng Viễn thông Xanh đang diễn ra mạnh mẽ trên thế giới."

04

TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG NĂM 2024 & KẾ HOẠCH NĂM 2025

Tình hình tài chính nổi bật 2024	34.
Báo cáo của Ban điều hành	36.
Báo cáo của Hội đồng Quản trị	40.
Kế hoạch năm 2025	42.

TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH NỔI BẬT 2024

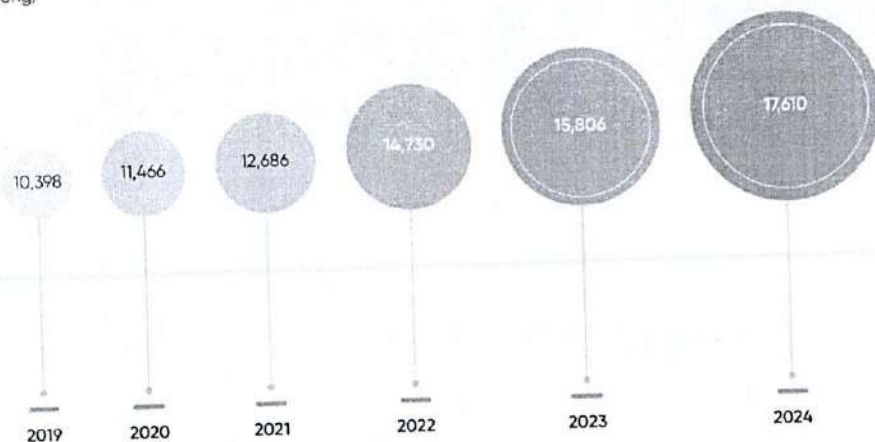
Năm 2024, tổng trưởng Doanh thu thuần của công ty là 11,4% so với năm 2023 nhờ vào việc tiên phong đột phá với công nghệ chuyển đổi sang Wi-Fi 6, nâng cao chất lượng dịch vụ, sản phẩm, mở rộng hạ tầng, băng thông, đáp ứng nhu cầu ngày càng cao của khách hàng.

Doanh thu thuần của công ty là

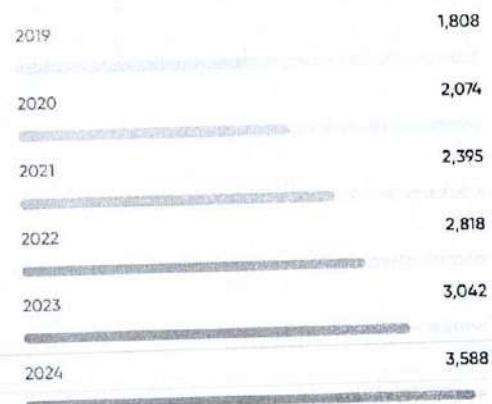
17.610 tỷ đồng

Tăng trưởng 11,4% YOY

Doanh thu thuần
(tỷ đồng)



Lợi nhuận trước thuế
(tỷ đồng)

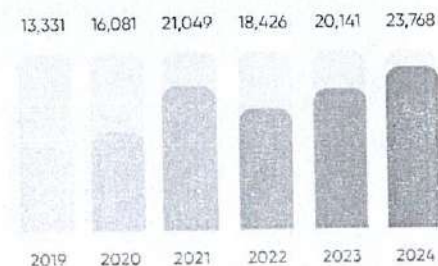


3.588 tỷ đồng

Tăng trưởng 17,9% YOY

Năm 2024, cùng với việc tổng trưởng Doanh thu, kết hợp với các biện pháp tiết kiệm, kiểm soát chi phí, nhờ đó, Công ty có mức tăng trưởng lợi nhuận cao so với năm 2023.

Tổng tài sản
(tỷ đồng)

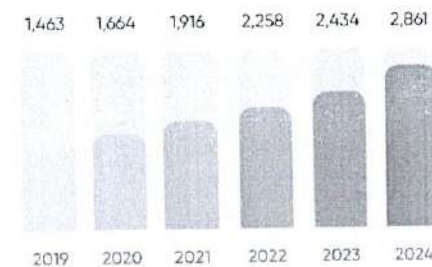


23.768 tỷ đồng

Tăng trưởng 18% YOY

Năm 2024, Tổng tài sản của Công ty tăng 18% so với năm 2023 do Công ty thực hiện các khoản đầu tư ngắn hạn nhằm gia tăng khả năng sinh lời.

Lợi nhuận sau thuế
(tỷ đồng)

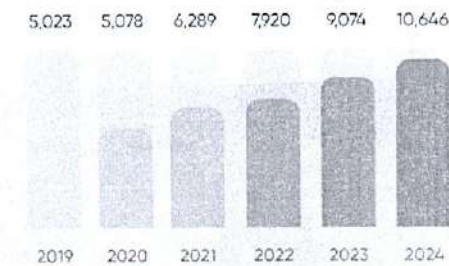


2.861 tỷ đồng

Tăng trưởng 17,6% YOY

Năm 2024, cùng với mức tăng Doanh thu, Lợi nhuận sau thuế của Công ty tăng trưởng tương ứng với mức 17,6% so với năm 2023.

Vốn chủ sở hữu
(tỷ đồng)

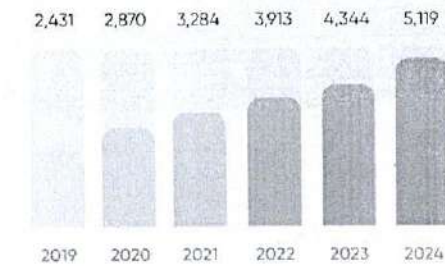


10.646 tỷ đồng

Tăng trưởng 17,3% YOY

Nguồn vốn tăng trưởng mạnh so với năm 2023, cho thấy Công ty đẩy mạnh nguồn lực sẵn có, là nền tảng cho sự phát triển bền vững của FPT Telecom.

Lãi cơ bản trên cổ phiếu (EPS)
(đồng/CP)



5.119 đồng/CP

Tăng trưởng 17,8% YOY

EPS của Công ty tiếp tục tăng trưởng với mức ấn tượng 17,8% so với năm ngoái, cho thấy hoạt động kinh doanh năm 2024 của Công ty tiếp tục đem lại hiệu quả tốt cho Cổ đông Công ty. (EPS được điều chỉnh hồi tố cho tỷ lệ chi trả cổ tức bằng cổ phiếu)

BÁO CÁO CỦA BAN ĐIỀU HÀNH

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2024	Năm 2023	% tăng giảm
1	Doanh thu từ hoạt động kinh doanh	Tỷ đồng	17.610	15.806	11,4%
2	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	Tỷ đồng	3.633	3.035	19,7%
3	Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	3.588	3.042	17,9%
4	Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng	2.861	2.434	17,6%
5	Lãi cơ bản trên cổ phiếu (EPS)	Tỷ đồng	5.119	4.344	17,8%

Tăng trưởng so với năm 2023

11,4%

DOANH THU THUẬN

17,9%

LỢI NHUẬN TRƯỚC THUẾ

17,6%

LỢI NHUẬN SAU THUẾ

Năm 2024, FPT Telecom tiếp tục giữ vững tốc độ tăng trưởng, các chỉ tiêu đều tăng trưởng mạnh so với năm 2023. Doanh thu hợp nhất toàn Công ty đạt 17.610 tỷ đồng, tăng trưởng 11,4% so với năm ngoài. Lợi nhuận trước thuế đạt 3.588 tỷ đồng, lợi nhuận sau thuế đạt 2.861 tỷ đồng, tăng trưởng lần lượt 17,9% và 17,6% so với năm 2023. Lãi cơ bản trên cổ phiếu thực tế đạt 5.119 đồng/cổ phiếu, tăng 17,8% so với cùng kỳ. Tổng tài sản của Công ty tính đến cuối năm 2024 đạt 23.768 tỷ đồng. Vốn chủ sở hữu đạt 10.646 tỷ đồng, tăng trưởng lần lượt 18% và 17,3% so với năm 2023.



Tài sản ngắn hạn và dài hạn

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2024	Năm 2023	% tăng giảm
I	Tài sản ngắn hạn	Tỷ đồng	15.257	11.508	32,6%
1	Tiền và các khoản tương đương tiền	Tỷ đồng	679	424	60,2%
2	Đầu tư tài chính ngắn hạn	Tỷ đồng	11.377	8.652	31,5%
3	Phải thu ngắn hạn	Tỷ đồng	1.815	1.447	25,5%
4	Hàng tồn kho	Tỷ đồng	1.196	808	48,0%
5	Tài sản ngắn hạn khác	Tỷ đồng	190	177	7,3%
II	Tài sản dài hạn	Tỷ đồng	8.511	8.633	-1,4%
1	Các khoản phải thu dài hạn	Tỷ đồng	26	27	-4,6%
2	Tài sản cố định	Tỷ đồng	5.688	6.023	-5,6%
3	Tài sản dở dang dài hạn	Tỷ đồng	390	417	-6,6%
4	Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	Tỷ đồng	6	6	0%
5	Tài sản dài hạn khác	Tỷ đồng	2.401	2.159	11,2%
III	Tổng tài sản	Tỷ đồng	23.768	20.141	18,0%

Tài sản ngắn hạn: Trong năm 2024, Tài sản ngắn hạn tăng 32,6% so với năm 2023 chủ yếu là do Công ty thực hiện đẩy mạnh đầu tư tài chính ngắn hạn (Các khoản tiền gửi có kỳ hạn dưới 12 tháng) nhằm gia tăng khả năng sinh lời

Tài sản dài hạn: Tài sản dài hạn giảm nhẹ 1,4% so với năm 2023, chủ yếu do Công ty tập trung khai thác tối ưu Tài sản cố định hiện có, đầu tư Tài sản cố định mới tăng trưởng chậm hơn so với cùng kỳ.

Nguồn vốn và nợ phải trả

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2024	Năm 2023	% tăng giảm
I	Nợ phải trả	Tỷ đồng	13.122	11.067	18,6%
1	Nợ ngắn hạn	Tỷ đồng	13.000	11.028	17,9%
2	Nợ dài hạn	Tỷ đồng	122	39	215,3%
II	Vốn chủ sở hữu	Tỷ đồng	10.646	9.074	17,3%
I	Vốn chủ sở hữu	Tỷ đồng	10.646	9.074	17,3%
III	Tổng nguồn vốn	Tỷ đồng	23.768	20.141	18,0%

Tổng nguồn vốn của công ty

23.768 TỶ ĐỒNG

TĂNG TRƯỞNG 18,0% YOY

Nợ phải trả: Tổng nợ phải trả của Công ty năm 2024 tăng 18,6% so với cùng kỳ chủ yếu do nợ ngắn hạn tăng 17,9% so với năm 2023. Công ty tăng cường sử dụng các khoản vay ngắn hạn để bổ sung vốn hoạt động, gia tăng đòn bẩy tài chính, đồng thời, tận dụng nguồn vốn thanh toán chưa đến hạn thanh toán để tối ưu chi phí sử dụng vốn.

Vốn chủ sở hữu: Tăng 17,3% so với năm 2023, chủ yếu từ nguồn lợi nhuận sau thuế giữ lại trong năm 2024.



Các chỉ số tài chính cơ bản

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2024	Năm 2023
I	Chỉ tiêu về khả năng thanh toán			
1	Khả năng thanh toán ngắn hạn	Lần	1,17	1,04
2	Khả năng thanh toán nhanh	Lần	1,08	0,97
II	Chỉ tiêu về cơ cấu vốn	Lần		
1	Hệ số Nợ/Tổng tài sản	Lần	0,55	0,55
2	Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	Lần	1,23	1,22
III	Chỉ tiêu về năng lực hoạt động			
1	Vòng quay khoản phải thu	Lần	10,80	11,27
2	Vòng quay tổng tài sản	Lần	0,80	0,82
IV	Chỉ tiêu về khả năng sinh lời			
1	Hệ số LNTT/Doanh thu thuần	%	20,4%	19,2%
2	Hệ số LNST/Doanh thu thuần	%	16,2%	15,4%
3	Hệ số LNST/Vốn chủ sở hữu	%	29,0%	28,6%
4	Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	%	13,0%	12,6%
5	Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần	%	20,6%	19,2%

Khả năng thanh toán: Các chỉ tiêu về khả năng thanh toán cao hơn so với năm trước cho thấy Công ty có đủ nguồn lực để thanh toán các khoản nợ trong tương lai

Cơ cấu vốn: Các chỉ số về hệ số nợ trong năm 2024 nhìn chung không thay đổi nhiều so với năm trước, Công ty kiểm soát và duy trì hệ số nợ ở mức ổn định, hệ số nợ/Tổng tài sản chỉ ở mức 0,55 lần, Công ty luôn sẵn nguồn lực để thanh toán các khoản nợ, tránh nguy cơ rủi ro tài chính.

Năng lực hoạt động: Các chỉ số về năng lực hoạt động của Công ty nhìn chung không biến động nhiều so với năm 2023 cho thấy Công ty vẫn quản lý và sử dụng hiệu quả Tài sản

Khả năng sinh lời: Các chỉ tiêu về khả năng sinh lời cao hơn so với năm trước cho thấy Công ty tiếp tục hoạt động hiệu quả, sử dụng tối ưu các nguồn lực sẵn có cũng như tận dụng nguồn vốn bên ngoài để gia tăng hiệu quả sinh lời.

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

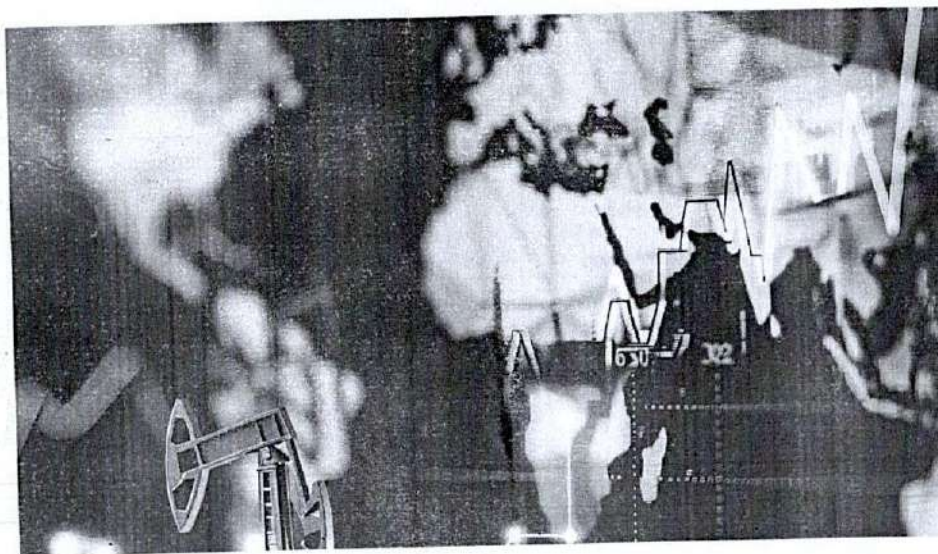
Năm 2024, tình hình thế giới tiếp tục diễn biến phức tạp, khó lường với yếu tố rủi ro, bất định.

Xung đột quân sự tiếp tục leo thang, cạnh tranh chiến lược giữa các nước lớn diễn ra ngày càng gay gắt, nhiều quốc gia tăng cường chính sách bảo hộ thương mại, nợ công và thâm hụt ngân sách gia tăng, sự tụt dốc của một số nền kinh tế lớn, chuỗi cung ứng toàn cầu đứt gãy cục bộ tác động đến hòa bình, ổn định và tăng trưởng kinh tế thế giới.

Cùng với đó, thiên tai, thời tiết cực đoan ảnh hưởng nghiêm trọng đến cuộc sống của dân cư và phát triển kinh tế - xã hội tại nhiều quốc gia. Tuy nhiên, kinh tế thế giới đang dần ổn định khi thương mại hàng hóa toàn cầu được cải thiện trở lại, áp lực lạm phát giảm dần, điều kiện thị trường tài chính tiếp tục được nới lỏng, thị trường lao động phục hồi tích cực.

Mặc dù bối cảnh quốc tế và trong nước vẫn còn nhiều khó khăn, thách thức: Lạm phát tăng cao, xung đột địa chính trị kéo dài, sự tăng trưởng chậm lại của các nền kinh tế lớn, nhưng kinh tế Việt Nam đã vượt qua khó khăn để đạt được những thành tựu nổi bật

An ninh năng lượng, an ninh lương thực được bảo đảm; thị trường lao động phục hồi tích cực. Việt Nam vẫn nằm trong nhóm các nước có tăng trưởng kinh tế cao nhất khu vực. Thành công của Việt Nam chứng tỏ sự hiệu quả của các chính sách kinh tế vĩ mô của Chính phủ.

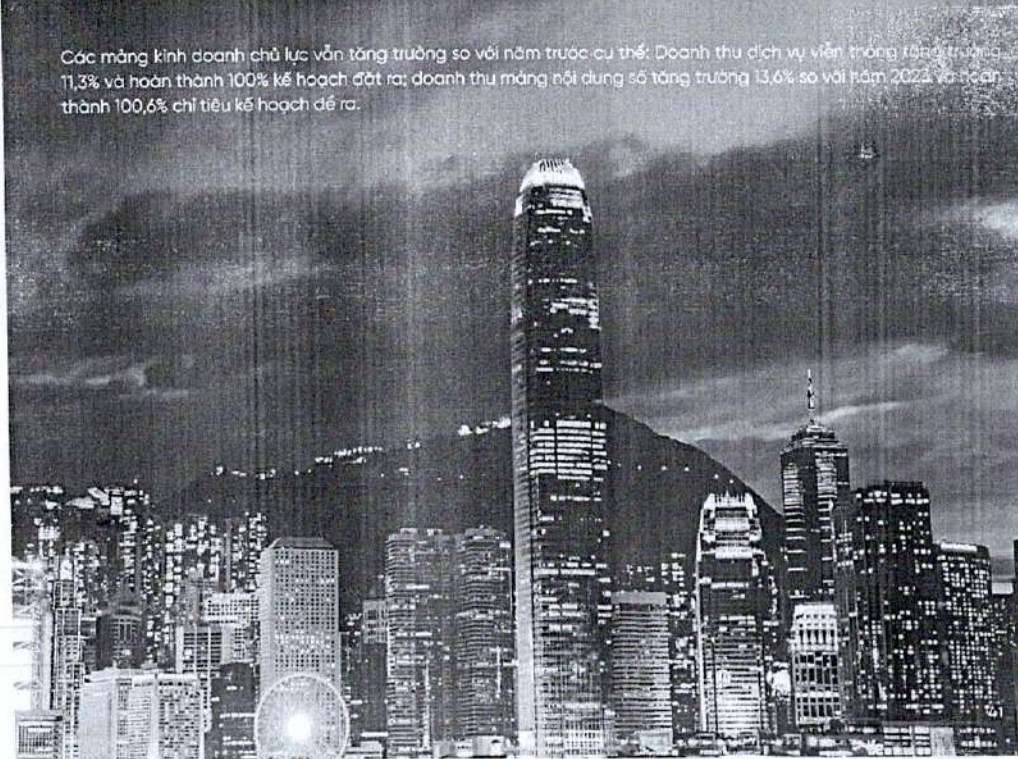


Trí tuệ nhân tạo (AI) là cuộc cách mạng tạo nên làn sóng công nghệ nổi bật nhất trong năm 2024, thay đổi toàn bộ hoạt động kinh doanh, quy trình sản xuất của các Doanh nghiệp. Việc Chính phủ Việt Nam, các Tập đoàn, Công ty Công nghệ như Viettel, FPT... ký kết với NVIDIA xây dựng trung tâm AI, hợp tác trong lĩnh vực trí tuệ nhân tạo góp phần mở đường, định hình xu hướng công nghệ và được dự đoán sẽ tiếp tục phát triển bùng nổ hơn nữa trong năm 2025. Bên cạnh đó, điện toán lượng tử, điện toán đám mây, Internet vạn vật (IoT), ứng dụng dựa trên 5G, công nghệ thực tế ảo (VR) và thực tế tăng cường (AR) sẽ là những công nghệ nổi bật trong tương lai.

Doanh thu hoạt động viễn thông năm 2024 ước đạt 355,4 nghìn tỷ đồng, tăng 4,0% so với năm trước (nếu loại trừ yếu tố giá tăng gần 4,0%). Tổng số thuê bao điện thoại tại thời điểm cuối năm 2024 ước đạt 120,7 triệu thuê bao, giảm 4,6% so với cùng thời điểm năm trước. Số thuê bao truy nhập internet băng rộng cố định tại thời điểm cuối năm ước đạt 23,9 triệu thuê bao, tăng 5,1% so với cùng thời điểm năm trước, trong đó thuê bao truy cập qua hệ thống cáp quang (FTTH) có xu hướng tăng nhanh và thuê bao qua hình thức xDSL tiếp tục giảm.

Tận dụng lợi thế, cũng như luôn đi đầu, nắm bắt xu hướng công nghệ mới, Ban lãnh đạo FPT Telecom cùng toàn thể nhân viên, dưới sự đồng hành của HĐQT đã thực hiện đầy mạnh ứng dụng trí tuệ nhân tạo, số hóa quy trình, cải thiện chất lượng dịch vụ cũng như nghiên cứu, phát triển các sản phẩm, dịch vụ mới. Nhờ vậy, doanh thu truyền hình toàn Công ty đạt 17.610 tỷ đồng, hoàn thành 100,1% kế hoạch. Lợi nhuận trước thuế của toàn Công ty đạt 3.584 tỷ đồng, tăng trưởng 17,9% so với năm 2023 và hoàn thành 102,2% kế hoạch đề ra.

Các mảng kinh doanh chủ lực vẫn tăng trưởng so với năm trước cụ thể: Doanh thu dịch vụ viễn thông tăng trưởng 11,3% và hoàn thành 100% kế hoạch đề ra; doanh thu mảng nội dung số tăng trưởng 13,6% so với năm 2023 và hoàn thành 100,6% chỉ tiêu kế hoạch đề ra.



KẾ HOẠCH NĂM 2025

Kế hoạch kinh doanh

Trong năm 2025, Công ty tiếp tục đặt mục tiêu tăng trưởng 2 chữ số, cụ thể, mục tiêu Doanh thu là 19.500 tỷ đồng, tăng trưởng 13% so với năm 2024 (trong đó, doanh thu từ dịch vụ viễn thông là 19.100 tỷ đồng, tăng trưởng 13% và doanh thu từ dịch vụ nội dung số là 800 tỷ, tăng trưởng 13,6%). Kế hoạch lợi nhuận trước thuế của Công ty là 4.200 tỷ đồng, tăng trưởng 17,1% so với năm 2024.

Với chiến lược lấy khách hàng là trọng tâm, FPT telecom đẩy mạnh ứng dụng trí tuệ nhân tạo trong hoạt động kinh doanh, công nghệ chuyển đổi sang Wifi 6 tiếp tục triển khai nhằm nâng cao chất lượng dịch vụ, trải nghiệm của khách hàng, tối ưu chi phí cho Công ty. Đồng thời, nắm bắt xu hướng công nghệ mới, nghiên cứu sản phẩm, dịch vụ mới nhằm gia tăng giá trị mang lại cho Khách hàng, cũng như thực hiện mục tiêu mở rộng thị phần.

Kế hoạch đầu tư phát triển

Công ty tiếp tục thực hiện xây dựng trung tâm dữ liệu tại Hà Nội, Thành phố Hồ Chí Minh, nhằm đáp ứng nhu cầu ngày càng cao của thị trường.

Đầu tư tuyến cáp biển ALC, đồng thời tiếp tục tìm kiếm các cơ hội hợp tác, đầu tư tuyến cáp biển khác nhằm đa dạng hóa các tuyến cáp quốc tế

Đẩy mạnh đầu tư, nâng cấp hạ tầng để nâng cao trải nghiệm khách hàng, tăng khả năng truyền tải, giảm thiểu sự cố, rủi ro

Đẩy mạnh ứng dụng trí tuệ nhân tạo, số hóa quy trình nhằm tối ưu năng suất lao động, nghiên cứu sản phẩm dịch vụ mới, đa dạng hóa sản phẩm, dịch vụ Công ty.

Mục tiêu tăng trưởng năm 2025

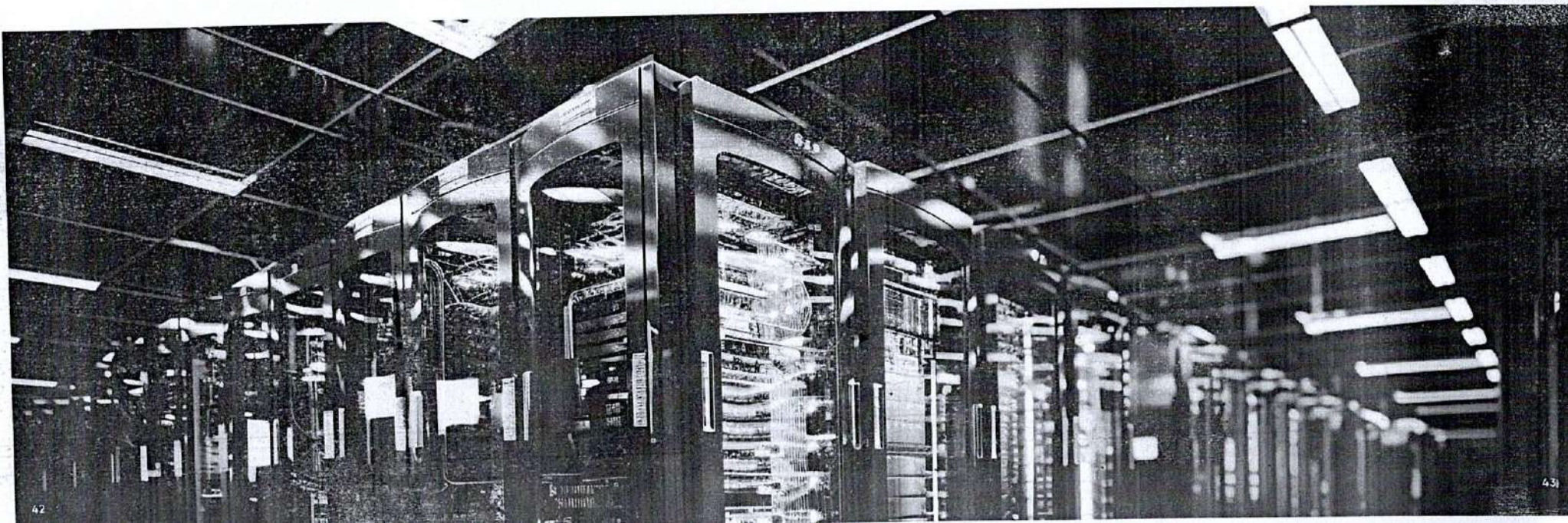
13%

DOANH THU THUẦN

17.1%

LỢI NHUẬN TRƯỚC THUẾ

"Tiếp tục thực hiện xây dựng trung tâm dữ liệu tại Hà Nội, Thành phố Hồ Chí Minh, nhằm đáp ứng nhu cầu ngày càng cao của thị trường"



05

QUẢN TRỊ CÔNG TY

Hoạt động của hội đồng quản trị	46.
Hoạt động của ban kiểm soát	47.
Quan hệ nhà đầu tư	48.
Phát triển bền vững	50.
Tác động đến môi trường	52.
Phát triển nguồn nhân lực	53.
Các hoạt động phong trào tiêu biểu	54.
Hoạt động vì cộng đồng	57.

HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

STT	Thành viên HĐQT	Chức vụ	Ngày bắt đầu là thành viên HĐQT	Số buổi họp HĐQT tham dự	Tỷ lệ tham dự
1	Ông Hoàng Việt Anh	Chủ tịch HĐQT	25/04/2023	1	100%
2	Ông Trương Gia Bình	Thành viên HĐQT	25/04/2023	1	100%
3	Ông Nguyễn Văn Khoa	Thành viên HĐQT	25/04/2023	1	100%
4	Bà Chu Thị Thanh Hà	Thành viên HĐQT	25/04/2023	1	100%
5	Bà Trần Thị Hồng Lĩnh	Thành viên HĐQT	25/04/2023	1	100%
6	Ông Phan Thế Thành	Thành viên HĐQT	25/04/2023	1	100%

Trong năm 2024, Hội đồng quản trị Công ty đã thực hiện họp và quyết định những vấn đề chính sau:

- Thông qua việc tạm ứng cổ tức đợt 1 năm 2023 bằng tiền mặt với mức 2.000 đồng/cổ phiếu
- Thông qua việc tổ chức ĐHĐCĐ thường niên năm 2024 của FPT Telecom
- Thông qua kết quả kinh doanh quý IV/2023 và cả năm 2023
- Thông qua kế hoạch kinh doanh và đầu tư năm 2024, kế hoạch trả cổ tức và trích lập các quỹ năm 2024
- Thông qua phương án giải thể các chi nhánh và chuyển thành các địa điểm, kinh doanh trực thuộc Công ty. Sáp nhập các bộ số kế toán từ các khu vực tỉnh về thành phố Hà Nội và thành phố Hồ Chí Minh
- Thống nhất thông qua các nội dung trình ĐHĐCĐ năm 2024
- Phê duyệt chủ trương đầu tư dự án Trung tâm dữ liệu FPT Telecom HN03
- Thông qua việc phê duyệt giao dịch của Công ty với người có liên quan năm 2024
- Thông qua kết quả kinh doanh quý I/2024 theo báo cáo của Ban Điều hành Công ty
- Phê duyệt các giao dịch với các bên có liên quan theo tờ trình của Ban Điều hành Công ty
- Thành lập Công ty TNHH MTV Viễn thông FPT Thăng Long với 100% vốn góp của Công ty Cổ phần Viễn thông FPT để thực hiện Dự án Trung tâm Dữ liệu HN03
- Thống nhất thông qua đề xuất đầu tư Dự án "Xây dựng tòa nhà văn phòng FPT Telecom Tower, Quận 7, thành phố Hồ Chí Minh"
- Thông qua kết quả kinh doanh quý II/2024 và 1H2024 theo Báo cáo của Ban Điều hành Công ty
- Thông qua quy định về việc phân cấp thẩm quyền của Hội đồng quản trị cho Tổng Giám đốc
- Thông qua kết quả kinh doanh quý III/2024
- Thông qua nội dung dự thảo quy chế Quản lý tài chính của Công ty

HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT

Ban kiểm soát đã nghiêm túc thực hiện chức năng và nhiệm vụ của mình theo đúng Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty, kiểm soát thường xuyên các hoạt động kinh doanh thông qua hồ sơ, chứng từ, tham dự các cuộc họp của Hội đồng quản trị, Ban Điều hành Công ty và đưa ý kiến của Ban Kiểm soát về các chủ trương, kế hoạch sản xuất kinh doanh, tài chính, công bố thông tin theo quy định, cụ thể:

- Đảm bảo Hội đồng quản trị đã thực hiện quyền hạn và nhiệm vụ theo đúng nội dung trong Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty, thực hiện triển khai các Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông
- Đảm bảo Hội đồng quản trị tổ chức các cuộc họp thường kỳ hàng quý và bất thường theo đúng quy định của Pháp luật và Điều lệ Công ty
- Đảm bảo các Nghị quyết của Hội đồng quản trị được ban hành phù hợp với chức năng và quyền hạn theo quy định của Pháp luật và Điều lệ Công ty
- Đảm bảo Tổng giám đốc cung cấp các thành viên Ban Tổng giám đốc đã triển khai thực hiện đầy đủ và kịp thời các quyết định, Nghị quyết của HĐQT và ĐHĐCĐ, thực hiện tốt kế hoạch kinh doanh của Công ty, chủ động lập kế hoạch quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh, phát huy hiệu quả của bộ máy tổ chức, quản lý của Công ty
- Đảm bảo việc thực hiện quyền bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức các chức danh quản lý trong Công ty theo đúng quy định
- Đảm bảo Ban Tổng giám đốc thường xuyên tổ chức các cuộc họp để trao đổi việc thực hiện kế hoạch kinh doanh của Công ty và các Công ty con, đưa ra chỉ đạo, chấn chỉnh và biện pháp khắc phục những tồn tại, thiếu sót
- Đảm bảo Báo cáo tài chính năm 2024 được lập và trình bày đảm bảo tuân thủ yêu cầu các chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán hiện hành



QUAN HỆ NHÀ ĐẦU TƯ

Thông tin cổ phiếu

492.509.164 cổ phiếu

Số lượng cổ phiếu đã phát hành

10.000 đồng/cổ phiếu

Mệnh giá cổ phiếu

492.509.164 cổ phiếu

Cổ phiếu thường

492.509.164 cổ phiếu

Số lượng cổ phiếu đang lưu hành

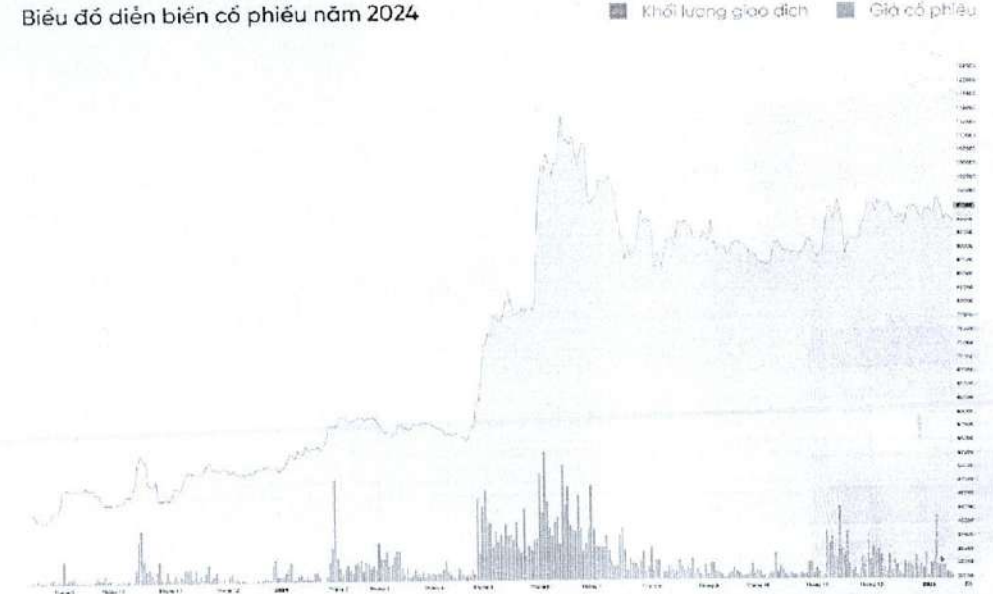
4.925.091.640.000 đồng

Vốn điều lệ

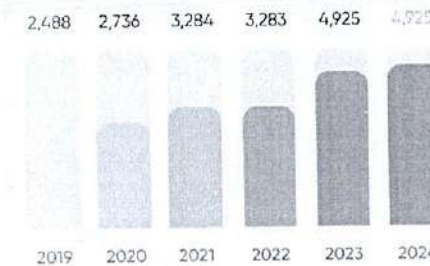
STT	Thành viên HĐQT	Số lượng cổ phiếu sở hữu	Tỷ lệ sở hữu (%)
1	Tổng Công ty Đầu tư và kinh doanh vốn Nhà nước	247.113.031	50,17%
2	Công ty cổ phần FPT	224.861.187	45,66%
3	Các cổ đông khác	20.534.946	4,17%
Tổng cộng		492.509.164	100%

Biến động cổ phiếu và khối lượng giao dịch

Biểu đồ diễn biến cổ phiếu năm 2024

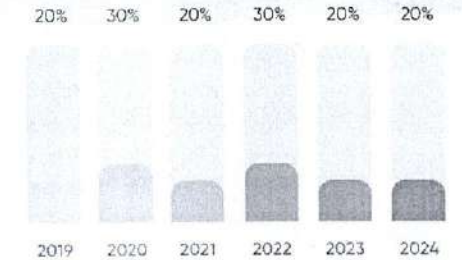


Tình hình thay đổi vốn điều lệ (tỷ đồng)



Trong năm 2024, Công ty giữ nguyên vốn điều lệ, tỷ lệ tăng trưởng vốn điều lệ bình quân trong 5 năm là 15%

Cổ tức tiền mặt (đồng/CP)



Tỷ lệ cổ tức tạm ứng bằng tiền mặt đợt 1 năm 2024 là 2.000 đồng/cổ phiếu

PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG



Hơn 27 năm phát triển, FPT Telecom là một trong những đơn vị viễn thông dẫn đầu, tập trung nâng cao chất lượng đường truyền, luôn hướng tới trải nghiệm khách hàng tuyệt vời và là nhà mạng được yêu thích tin dùng tại Việt Nam.

Song hành với mục tiêu khách hàng là trọng tâm, định hướng và những ưu tiên về Phát triển bền vững (ESG) được xem là một phần quan trọng trong chiến lược phát triển của FPT Telecom.

Với đội ngũ nhiệt huyết, năng động sáng tạo, FPT Telecom luôn không ngừng đổi mới, ứng dụng công nghệ tiên tiến để tối ưu hóa việc sử dụng năng lượng và giảm thiểu tác động đến môi trường.



FPT Telecom quản trị toàn bộ chuỗi giá trị từ đầu vào sản xuất kinh doanh đến đầu ra dựa trên ba trụ cột cốt lõi

Môi trường

BA TRỤ CỘT
CỐT LÕI

Phát triển

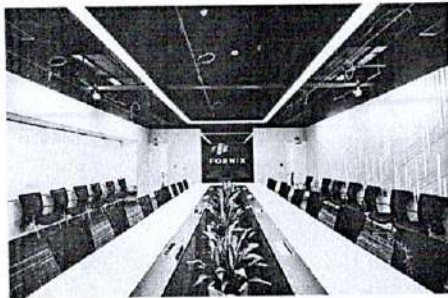
Xã hội

TÁC ĐỘNG ĐẾN MÔI TRƯỜNG

FPT Telecom cam kết tuân thủ nghiêm chỉnh các quy định về bảo vệ môi trường và lồng ghép chuyển đổi xanh trong mọi hoạt động. FPT Telecom luôn kiểm soát mức tiêu thụ năng lượng tại nơi làm việc đồng thời triển khai các sáng kiến, chương trình, hướng dẫn các phòng ban sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả, nâng cao trách nhiệm với cộng đồng cùng tinh thần "bật ý thức - tắt lãng phí" không chỉ dừng lại ở những hành động cá nhân mà còn được lan tỏa thành văn hóa tập thể.



Bật ý thức - Tắt lãng phí



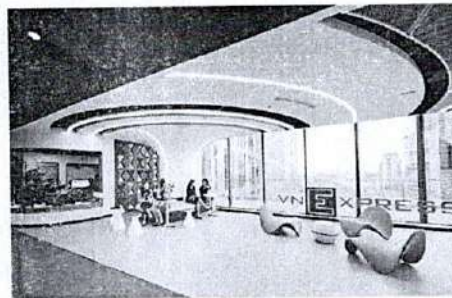
Với định hướng xây dựng và phát triển các Trung tâm dữ liệu (Data Center) theo tiêu chuẩn quốc tế, FPT Telecom đã giới thiệu những công nghệ tiên tiến như Colocation - chia khóa giúp doanh nghiệp không chỉ tối ưu hóa vận hành mà còn tạo ra sự khác biệt lớn trong cạnh tranh toàn cầu, mang đến những bước tiến vượt bậc trong quản lý dữ liệu và tối ưu hóa hạ tầng doanh nghiệp.

Để đạt được những tiêu chí khắt khe của danh hiệu cơ sở sử dụng năng lượng xanh, trung tâm dữ liệu FPT Fornix ưu tiên lựa chọn thiết bị có hiệu suất năng lượng cao để tối ưu hóa chi phí tiêu thụ điện năng, đồng thời sử dụng hệ thống điều hòa IT Cooling.

Bên cạnh đó, FPT Telecom sở hữu các công nghệ tiên tiến như Liquid Cooling, giúp tối ưu hóa hiệu suất hoạt động trung tâm dữ liệu, đồng thời hướng tới mục tiêu xây dựng những trung tâm dữ liệu thân thiện với môi trường. Không chỉ dừng lại ở công nghệ hiện đại, FPT Telecom còn nhấn mạnh tầm nhìn phát triển bền vững với thông điệp "Green Data Center", "năng lượng tái tạo" và "zero carbon".



Green Data Center



PHÁT TRIỂN NGUỒN NHÂN LỰC

Xác định con người là yếu tố cốt lõi, FPT Telecom không ngừng đầu tư vào thu hút nhân tài, đào tạo nguồn lực và hoàn thiện chính sách đãi ngộ, tạo dựng môi trường làm việc hấp dẫn, gắn kết và đa dạng cơ hội phát triển.

Năm qua, FPT Telecom đẩy mạnh các chương trình Career Talk, tham quan doanh nghiệp, kiến tập, thực tập, giúp sinh viên tiếp cận thực tế, trang bị kỹ năng cần thiết để sẵn sàng gia nhập thị trường lao động. Các chương trình đào tạo và tìm kiếm nhân tài như "Sinh viên Công nghệ Tốp sự" và "Sinh viên tài năng NextGen Leader" tiếp tục thu hút hàng nghìn sinh viên, từ đó tuyển chọn những nhân sự trẻ xuất sắc, đảm bảo nguồn lực chất lượng cao cho sự phát triển bền vững của Công ty.

Công tác đào tạo được đẩy mạnh với hệ thống học tập hiện đại, ứng dụng công nghệ trong đào tạo trực tuyến. Các nội dung trọng tâm như chuyên môn nghiệp vụ, sản phẩm - dịch vụ mới, ứng dụng AI nâng cao năng suất giúp CBNV phát triển toàn diện, đáp ứng yêu cầu trong kỷ nguyên số. Chuỗi chương trình "Luôn Vui Tươi" được triển khai toàn quốc không chỉ nâng cao nghiệp vụ mà còn tăng cường kỹ năng chăm sóc khách hàng, tạo ra trải nghiệm khách hàng vượt trội.

Bên cạnh chính sách đãi ngộ cạnh tranh, FPT Telecom chú trọng đến cân bằng công việc - cuộc sống của CBNV thông qua chương trình "Ưu đãi lối sống khi mua nhà, xe", các chương trình chăm sóc sức khỏe thể chất, tinh thần; các hoạt động thể thao nội bộ, câu lạc bộ được duy trì, đảm bảo mỗi CBNV đều cảm thấy gắn bó và phát triển cùng công ty. Trong thời gian tới, FPT Telecom tiếp tục kiên định với chiến lược phát triển con người, đảm bảo nguồn nhân lực chất lượng cao, sẵn sàng đồng hành cùng doanh nghiệp trên hành trình tăng trưởng bền vững.



CÁC HOẠT ĐỘNG PHONG TRÀO TIÊU BIỂU

Luôn vui tươi

Được thể hiện qua 03 yếu tố là “Khách hàng vui – Bạn vui – Lương tươi mới”



Với mong muốn nhấn mạnh vai trò của đội ngũ Kỹ thuật viên trên hành trình “Lên Đỉnh No.1” của FPT Telecom, từ tháng 02/2024 chương trình “Luôn vui tươi” chính thức được triển khai. Theo đó “Luôn vui tươi” được thể hiện qua 03 yếu tố là “Khách hàng VUI – Bạn VUI – Lương TƯƠI mới”, hướng đến việc nâng cao trải nghiệm khách hàng thông qua sự thay đổi của đội ngũ Kỹ thuật viên trong công việc hàng ngày.

Giải Esport Ftel Summer Cup

Giải đấu Liên Quân Mobile được game thủ FTEL mong chờ



Giải đấu Esport Game liên quân tổ chức lần 2 hưởng ứng chiến dịch đồng hành kinh doanh FPT Telecom, thu hút 63 đội tham gia. Các trận Bán kết và Chung kết tổ chức tại các điểm và livestream trên các kênh nội bộ thu hút đồng đội các cán bộ nhân viên đam mê bộ môn này.

Nước mát ngày hè

555 Bình nước vui tươi phiên bản đặc biệt được trao tặng cho cán bộ nhân viên.

Trong gần 3 tháng triển khai, toàn quốc đã thực hiện trao nước mát tài gần 10 nghìn cán bộ nhân viên đang làm việc ngoài trời với 239 đợt trao nước mát vào các thời điểm nắng nóng. Cùng với đó hoạt động lucky draw Bình nước vui tươi trên myFPT thu hút gần 5 nghìn cán bộ nhân viên tham gia. 555 Bình nước vui tươi phiên bản đặc biệt được trao tặng cho cán bộ nhân viên.



Các hoạt động phong trào

FPT kiên trì thực hiện các hoạt động phát triển bền vững với định hướng con người là yếu tố then chốt



Tổ chức các sự kiện độc biệt trong năm, các hoạt động phong trào, thi đua như "FTEL duyên dáng - Đu trend hoành tráng", "Người mẫu nhí", "Món ngon chỉ đẹp", "Ép teo cơ" và các hoạt động thể thao như giải chạy "Happy Run FTEL27" gồm 2 chặng song hành cùng giải Tệp đoàn với hơn 954.000 km, giải "FTEL nhất - Cấu lông chốt", các giải bóng đá thu hút đông đảo cán bộ nhân viên tham gia.

Chuỗi hoạt động FPT36

Chuỗi hoạt động khiến người FPT 'đứng ngồi không yên'



FPT Telecom bội thu giải thưởng tại hội thao HCM với Giải Nhất Nhảy dây - Vua Bắn Bì, Giải Nhất Bóng nê - Siêu Nê và Giải Ba Cheerdance - "Cheer.Ba". Đồng thời đạt giải A quán toàn đoàn. Cùng với đó là hàng loạt giải thưởng tại các điểm cầu Quy Nhơn và Cần Thơ. Đặc biệt FPT Telecom đồng cai Giải Liên Quân Mobile FPT trong chuỗi sự kiện Battle Day - Road to Hội Thao 13/9 thu hút 52 đội tuyển từ các công ty thành viên.

HOẠT ĐỘNG VÌ CỘNG ĐỒNG

FTel luôn bên bạn

Chương trình được phát động nhằm ứng cứu các chi nhánh bị ảnh hưởng bởi bão Yagi, cung cấp các thực phẩm thiết bị cần thiết (thuyền, áo phao, áo mưa...). Hỗ trợ 9 chi nhánh khu vực phía Bắc, ủng hộ vào Quỹ Chung tay trên toàn quốc 274.624.048 VNĐ. Đồng thời thăm hỏi, hỗ trợ 2 trường hợp đặc biệt tại Quảng Ninh



Các nguồn quỹ

Quý Người FPT Vì cộng đồng:

- Đạt 1: 851.500.000 VNĐ cho 187 cán bộ
 - Đạt 2: 494.500.000 VNĐ cho 142 cán bộ
- Tổng 2 đợt: 1.346.000.000 VNĐ cho tổng 329 cán bộ

Quý Thiện tại cửa Tệp đoàn:

Đã hỗ trợ mua các đồ cứu trợ chuyên tới các chi nhánh: 180.000.000 VNĐ

06

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

CÔNG TY CỔ PHẦN VIỄN THÔNG FPT

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2024



CÔNG TY CỔ PHẦN VIỄN THÔNG FPT

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2024

NỘI DUNG	TRANG
Thông tin về doanh nghiệp	1
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	2
Báo cáo kiểm toán độc lập	3
Bảng cân đối kế toán hợp nhất (Mẫu số B 01 – DN/HN)	5
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất (Mẫu số B 02 – DN/HN)	7
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất (Mẫu số B 03 – DN/HN)	8
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (Mẫu số B 09 – DN/HN)	9

CÔNG TY CỔ PHẦN VIỄN THÔNG FPT

THÔNG TIN VỀ DOANH NGHIỆP

Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp	Số 0101778183 ngày 28 tháng 7 năm 2005	
	Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 28 tháng 7 năm 2005. Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp thay đổi gần nhất (lần thứ 32) được cấp ngày 21 tháng 12 năm 2023.	
Hội đồng Quản trị	Ông Hoàng Việt Anh Ông Trương Gia Bình Ông Nguyễn Văn Khoa Bà Chu Thị Thanh Hà Bà Trần Thị Hồng Linh Ông Phan Thế Thánh	Chủ tịch Thành viên Thành viên Thành viên Thành viên Thành viên
Ban Kiểm soát	Ông Trần Khương Ông Đỗ Xuân Phúc Ông Phạm Xuân Hoàn	Trưởng ban Thành viên Thành viên
Ban Tổng Giám đốc	Ông Nguyễn Hoàng Linh Bà Vũ Thị Mai Hương Ông Chu Hùng Thăng	Tổng Giám đốc Phó Tổng Giám đốc Phó Tổng Giám đốc
Người đại diện theo pháp luật	Ông Hoàng Việt Anh Ông Nguyễn Hoàng Linh	Chủ tịch Tổng Giám đốc
Trụ sở chính	Tầng 2, Tòa nhà FPT Cầu Giấy, Số 17 Phố Duy Tân, Phường Dịch Vọng Hậu, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội	
Công ty kiểm toán	Công ty TNHH PwC (Việt Nam)	

CÔNG TY CỔ PHẦN VIỄN THÔNG FPT

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC CỦA CÔNG TY ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Ban Tổng Giám đốc của Công ty Cổ phần Viễn thông FPT ("Công ty") chịu trách nhiệm lập báo cáo tài chính hợp nhất thể hiện trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Công ty và các công ty con tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Công ty và các công ty con cho năm tài chính kết thúc cùng ngày nêu trên. Trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- chọn lựa các chính sách kế toán phù hợp và áp dụng một cách nhất quán;
- thực hiện các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng, và
- lập báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở Công ty và các công ty con hoạt động liên tục trừ khi giá định Công ty và các công ty con hoạt động liên tục là không phù hợp.

Ban Tổng Giám đốc của Công ty chịu trách nhiệm bảo đảm rằng các sổ sách kế toán đúng đắn đã được thiết lập và duy trì để thể hiện tình hình tài chính hợp nhất của Công ty và các công ty con với độ chính xác hợp lý tại mọi thời điểm và để làm cơ sở lập báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ theo chính sách kế toán được trình bày ở Thuyết minh 2 của báo cáo tài chính hợp nhất. Ban Tổng Giám đốc của Công ty cũng chịu trách nhiệm đối với việc bảo vệ các tài sản của Công ty và các công ty con và thực hiện các biện pháp hợp lý để ngăn ngừa và phát hiện các gian lận hoặc nhầm lẫn.

PHÊ CHUẨN BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Theo đây, chúng tôi phê chuẩn báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm từ trang 5 đến trang 48. Báo cáo tài chính hợp nhất này phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Công ty và các công ty con tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Công ty và các công ty con cho năm tài chính kết thúc cùng ngày nêu trên, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc



Nguyễn Hoàng Linh
Tổng Giám đốc/Người đại diện theo pháp luật

Hà Nội, nước CHXHCN Việt Nam
Ngày 24 tháng 2 năm 2025

**BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP
GỬI CÁC CỔ ĐÔNG CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN VIÊN THÔNG FPT**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty Cổ phần Viên thông FPT ("Công ty") và các công ty con được lập ngày 31 tháng 12 năm 2024, và được Ban Tổng Giám đốc của Công ty phê chuẩn ngày 24 tháng 2 năm 2025. Báo cáo tài chính hợp nhất này bao gồm: bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày nêu trên, và thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm các chính sách kế toán chủ yếu từ trang 5 đến trang 48.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc của Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và các công ty con theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất này dựa trên kết quả cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp và lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và các công ty con có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty và các công ty con liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất trung thực và hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty và các công ty con. Công việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc, cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Công ty và các công ty con tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Công ty và các công ty con cho năm tài chính kết thúc cùng ngày nêu trên, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Thay mặt và đại diện cho Công ty TNHH PwC (Việt Nam)



Đỗ Đức Hậu
Giấy CN ĐKHN kiểm toán số:
2591-2023-008-1

Chữ ký được ủy quyền

Số hiệu báo cáo kiểm toán: HAN 3881
Hà Nội, ngày 24 tháng 2 năm 2025

Nguyễn Văn Nam
Giấy CN ĐKHN kiểm toán số:
5082-2024-006-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Tại ngày	
			31.12.2024 VND	31.12.2023 VND
100	TÀI SẢN NGẮN HẠN		15.257.330.627.437	11.507.783.986.863
110	Tiền và các khoản tương đương tiền	3	679.277.313.660	423.984.252.859
111	Tiền		349.170.044.324	169.457.565.272
112	Các khoản tương đương tiền		330.107.269.336	254.526.687.587
120	Đầu tư tài chính ngắn hạn		11.376.821.923.875	8.651.944.688.963
123	Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	4(a)	11.376.821.923.875	8.651.944.688.963
130	Các khoản phải thu ngắn hạn		1.815.061.889.259	1.446.695.181.156
131	Phải thu ngắn hạn của khách hàng	5	1.757.533.007.548	1.885.551.756.701
132	Trả trước cho người bán ngắn hạn		163.253.428.637	38.327.824.823
136	Phải thu ngắn hạn khác	6	158.903.503.000	145.559.359.335
137	Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	7	(264.628.050.026)	(622.743.759.703)
140	Hàng tồn kho	8	1.196.303.165.040	808.224.247.916
141	Hàng tồn kho		1.213.429.172.696	825.021.732.168
149	Dự phòng giảm giá hàng tồn kho		(17.126.007.656)	(16.797.484.252)
150	Tài sản ngắn hạn khác		189.866.335.603	176.935.615.969
151	Chi phí trả trước ngắn hạn	9(a)	145.835.516.238	151.114.799.802
152	Thuế giá trị gia tăng ("GTGT") được khấu trừ		43.921.597.332	25.450.234.748
153	Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	15(a)	109.222.033	370.581.419
200	TÀI SẢN DÀI HẠN		8.510.994.698.205	8.632.765.695.432
210	Các khoản phải thu dài hạn		25.896.153.168	27.154.563.198
216	Phải thu dài hạn khác		25.896.153.168	27.154.563.198
220	Tài sản cố định		5.688.194.234.388	6.023.472.094.030
221	Tài sản cố định hữu hình	10(a)	5.078.887.887.701	5.464.072.830.380
222	Nguyên giá		13.369.037.927.616	12.673.696.172.721
223	Giá trị khấu hao lũy kế		(8.290.350.039.915)	(7.209.623.342.341)
227	Tài sản cố định vô hình	10(b)	609.506.346.687	559.399.263.650
228	Nguyên giá		1.253.885.721.975	1.132.606.924.007
229	Giá trị khấu hao lũy kế		(644.379.375.288)	(573.207.660.357)
240	Tài sản dở dang dài hạn		389.574.246.576	417.189.111.679
242	Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	11	389.574.246.576	417.189.111.679
250	Đầu tư tài chính dài hạn		6.200.000.000	6.200.000.000
253	Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	4(b)	9.684.980.000	9.684.980.000
254	Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	4(b)	(3.684.980.000)	(3.684.980.000)
255	Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	4(a)	200.000.000	200.000.000
260	Tài sản dài hạn khác		2.401.130.064.073	2.158.749.926.525
261	Chi phí trả trước dài hạn	9(b)	2.377.253.610.814	2.136.954.195.375
262	Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	12	23.876.453.259	21.795.731.150
270	TỔNG TÀI SẢN		23.768.325.325.642	20.140.549.682.295

Các thuyết minh từ trang 9 đến trang 48 là một phần cấu thành báo cáo tài chính hợp nhất này.

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Tại ngày	
			31.12.2024 VND	31.12.2023 VND
300	NỢ PHẢI TRẢ		13.122.061.089.134	11.066.785.150.045
310	Nợ ngắn hạn		13.000.283.528.216	11.028.157.267.653
311	Phải trả người bán ngắn hạn	13	1.541.348.647.172	1.075.687.516.789
312	Người mua trả tiền trước ngắn hạn	14	123.277.635.732	68.959.212.216
313	Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	15(b)	426.358.111.164	251.280.063.131
314	Phải trả người lao động		1.497.091.745.800	1.296.097.515.822
315	Chi phí phải trả ngắn hạn	16	345.801.018.557	225.816.638.138
318	Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	17(a)	1.745.702.838.876	1.354.070.805.405
319	Phải trả ngắn hạn khác	18	279.814.774.431	313.665.653.809
320	Vay ngắn hạn	19(a)	6.540.635.801.900	5.981.719.619.662
322	Quỹ khen thưởng, phúc lợi	20	500.252.954.584	460.860.242.681
330	Nợ dài hạn		121.777.560.918	38.627.882.393
336	Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	17(b)	34.891.471.164	36.039.339.130
337	Phải trả dài hạn khác		1.681.834.640	1.650.643.680
338	Vay dài hạn	19(b)	81.784.329.565	-
341	Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	12	3.419.925.549	937.869.583
400	VỐN CHỦ SỞ HỮU		10.646.264.236.508	9.073.764.532.249
410	Vốn chủ sở hữu	21,22	10.646.264.236.508	9.073.764.532.249
411	Vốn góp của chủ sở hữu		4.925.091.640.000	4.925.091.640.000
411a	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		4.925.091.640.000	4.925.091.640.000
414	Vốn khác của chủ sở hữu	22	55.391.600.000	55.391.600.000
418	Quỹ đầu tư phát triển	22	2.122.083.824.808	1.709.722.205.278
421	Lợi nhuận sau thuế ("LNST") chưa phân phối	22	3.189.884.568.073	2.065.692.246.902
421a	- LNST chưa phân phối lũy kế của các năm trước		1.081.485.817.354	281.371.744.518
421b	- LNST chưa phân phối của năm nay		2.108.378.750.719	1.784.320.504.084
429	Lợi ích của cổ đông không kiểm soát	22	353.832.603.627	317.886.838.399
440	TỔNG NGUỒN VỐN		23.768.325.325.642	20.140.549.682.295

Nguyễn Thị Hồng
Người lập

Nguyễn Thị Thu Hương
Kế toán trưởng

Nguyễn Hoàng Linh
Tổng Giám đốc
Người đại diện theo pháp luật
Ngày 24 tháng 2 năm 2025



Các thuyết minh từ trang 9 đến trang 48 là một phần cấu thành báo cáo tài chính hợp nhất này.

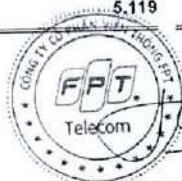
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Mã số	Thuyết minh	Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm	
		2024 VND	2023 VND
01	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	17.617.660.996.679	15.812.270.787.140
02	Các khoản giảm trừ doanh thu	7.260.744.042	6.460.136.357
10	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02)	17.610.400.252.637	15.805.810.650.783
11	Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	9.294.623.536.001	8.540.916.802.902
20	Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 - 11)	8.315.776.716.636	7.264.893.847.881
21	Doanh thu hoạt động tài chính	659.223.846.745	848.908.837.498
22	Chi phí tài chính	334.222.815.878	479.758.878.731
23	- Trong đó: Chi phí lãi vay	295.513.005.046	445.048.629.628
25	Chi phí bán hàng	2.856.882.910.299	2.329.670.928.548
26	Chi phí quản lý doanh nghiệp	2.150.592.972.594	2.269.854.437.776
30	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30 = 20 + 21 - 22 - 25 - 26)	3.633.301.864.610	3.034.518.640.324
31	Thu nhập khác	23.752.043.108	44.808.552.151
32	Chi phí khác	69.456.190.382	37.269.017.760
40	(Lỗ)/lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	(45.704.147.274)	7.539.534.391
50	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	3.587.597.717.336	3.042.058.174.715
51	Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp ("TNDN") hiện hành	726.110.309.518	629.086.803.768
52	Chi phí (thu nhập) thuế TNDN hoãn lại	401.303.857	(20.543.274.419)
60	Lợi nhuận sau thuế TNDN (60 = 50 - 51 - 52)	2.861.086.103.961	2.433.514.645.366
61	Phân bổ cho: Cổ đông của Công ty	2.803.323.676.314	2.383.057.829.664
62	Cổ đông không kiểm soát	57.762.427.647	50.456.815.702
70	Lãi cơ bản trên cổ phiếu	23(a) 5.119	4.344
71	Lãi suy giảm trên cổ phiếu	23(b) 5.119	4.344

Nguyễn Thị Hồng
Người lập

Nguyễn Thị Thu Hương
Kế toán trưởng

Nguyễn Hoàng Linh
Tổng Giám đốc
Người đại diện theo pháp luật
Ngày 24 tháng 2 năm 2025



Các thuyết minh từ trang 9 đến trang 48 là một phần cấu thành báo cáo tài chính hợp nhất này.

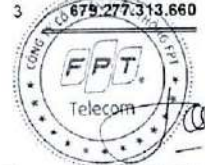
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT
(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	Thuyết minh	Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm	
		2024 VND	2023 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
01	Lợi nhuận kế toán trước thuế	3.587.597.717.336	3.042.058.174.715
	Điều chỉnh cho các khoản:		
02	Khấu hao tài sản cố định ("TSCĐ")	1.372.284.413.689	1.333.315.028.776
03	Các khoản dự phòng	87.280.665.526	155.052.513.659
04	Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	(6.415.210.841)	(15.531.662.967)
05	Lãi từ hoạt động đầu tư	(524.762.592.813)	(784.799.287.125)
06	Chi phí lãi vay	295.513.005.046	445.048.629.628
08	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	4.811.497.997.943	4.175.143.396.686
09	Tăng các khoản phải thu	(470.001.918.689)	(145.607.763.702)
10	(Tăng)/giảm hàng tồn kho	(388.407.440.528)	327.931.513.027
11	Tăng/(giảm) các khoản phải trả	1.256.369.642.551	(518.075.401.132)
12	(Tăng)/giảm chi phí trả trước	(235.020.131.875)	188.964.632.494
14	Tiền lãi vay đã trả	(341.455.833.056)	(430.624.565.581)
15	Thuế TNDN đã nộp	(558.228.202.276)	(410.383.498.628)
16	Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	-	173.000.000
17	Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	(248.797.837.893)	(137.964.300.778)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	3.825.956.276.177	3.049.557.012.386
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	(1.032.212.944.328)	(1.836.849.364.702)
22	Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và tài sản dài hạn khác	108.064.737	6.267.583.694
23	Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	(22.296.225.765.331)	(18.781.144.524.883)
24	Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	19.571.348.530.419	15.983.967.484.276
27	Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	538.036.540.711	789.216.349.682
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	(3.218.945.573.792)	(3.838.522.471.910)
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
33	Tiền thu từ đi vay	15.486.593.648.206	18.638.457.503.278
34	Tiền chi trả nợ gốc vay	(14.849.479.719.091)	(17.822.646.968.309)
36	Tiền cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	(1.000.656.667.100)	(1.026.216.008.175)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	(363.542.737.985)	(210.405.473.206)
50	Lưu chuyển tiền thuần trong năm	243.467.964.400	(999.370.932.730)
60	Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm	3 423.984.252.859	1.418.670.415.325
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	11.825.096.401	4.684.770.264
70	Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm	3 679.277.313.660	423.984.252.859

Nguyễn Thị Hồng
Người lập

Nguyễn Thị Thu Hương
Kế toán trưởng

Nguyễn Hoàng Linh
Tổng Giám đốc
Người đại diện theo pháp luật
Ngày 24 tháng 2 năm 2025



Các thuyết minh từ trang 9 đến trang 48 là một phần cấu thành báo cáo tài chính hợp nhất này.

CÔNG TY CỔ PHẦN VIỄN THÔNG FPT

Mẫu số B 09 – DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2024

1 ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY VÀ CÁC CÔNG TY CON

Công ty Cổ phần Viễn thông FPT ("Công ty") là công ty cổ phần được thành lập tại nước CHXHCN Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 0103008784 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp ngày 28 tháng 7 năm 2005. Sau đó, Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 0103008784 được thay thế bởi Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp số 0101778163 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp. Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp số 0101778163 thay đổi gần nhất (lần thứ 32) được cấp ngày 21 tháng 12 năm 2023.

Từ ngày 13 tháng 1 năm 2017, cổ phiếu của Công ty được niêm yết tại Hệ thống giao dịch cho chứng khoán chưa niêm yết UpCom với mã chứng khoán là 'FOX'.

Hoạt động chính của Công ty là cung cấp các dịch vụ internet, dịch vụ truyền hình trả tiền, dịch vụ cho thuê đường truyền, dịch vụ lưu trữ dữ liệu và các dịch vụ viễn thông khác.

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty và các công ty con là 12 tháng.

CÔNG TY CỔ PHẦN VIỄN THÔNG FPT

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2024

1 ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY (TIẾP THEO)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, Công ty có 6 công ty con như sau (tại ngày 31 tháng 12 năm 2023: 5 công ty con):

Công ty con	Hoạt động chính	Nơi thành lập, đăng ký hoạt động	Tại ngày 31.12.2024		Tại ngày 31.12.2023	
			Tỷ lệ sở hữu	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Tỷ lệ sở hữu	Tỷ lệ quyền biểu quyết
1) Công ty CP Dịch vụ Truyền thông FPT	Cung cấp dịch vụ viễn thông, quảng cáo trực tuyến, bảo điện tử, thanh toán điện tử	Lô 29B – 31B – 33B Đường Tân Thuận, Khu chế xuất Tân Thuận, Phường Tân Thuận Đông, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh	56,51%	56,51%	56,51%	56,51%
2) Công ty TNHH MTV Viễn thông FPT Tân Thuận	Cung cấp dịch vụ internet tốc độ cao và các dịch vụ viễn thông khác	Lô 29B – 31B – 33B Đường Tân Thuận, Khu chế xuất Tân Thuận, Phường Tân Thuận Đông, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh	100,00%	100,00%	100,00%	100,00%
3) Công ty TNHH MTV Viễn thông Quốc tế FPT	Cung cấp dịch vụ internet, đại lý cung cấp dịch vụ viễn thông và các dịch vụ khác	Lô 29B – 31B – 33B Đường Tân Thuận, Khu chế xuất Tân Thuận, Phường Tân Thuận Đông, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh	100,00%	100,00%	100,00%	100,00%
4) Công ty CP Công nghệ Viễn thông FPT	Hoạt động viễn thông khác	Lô T2-5 Đường D1, Khu Công nghệ cao, Phường Tăng Nhơn Phú A, Thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh	99,99%	99,99%	99,99%	99,99%
5) Công ty TNHH Truyền hình FPT	Cung cấp các dịch vụ truyền hình	Số 124 Sương Nguyệt Ánh, Phường Bến Thành, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh	100,00%	100,00%	100,00%	100,00%
6) Công ty TNHH MTV Viễn thông FPT Thăng Long (*)	Hoạt động viễn thông khác	Lô E-9, Khu Công nghiệp Thăng Long Vĩnh Phúc, Xã Thiên Kế, Huyện Bình Xuyên, Tỉnh Vĩnh Phúc	100,00%	100,00%	Chưa thành lập	

(*) Công ty TNHH MTV Viễn thông FPT Thăng Long được thành lập theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp số 25C00719759 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Vĩnh Phúc cấp ngày 5 tháng 6 năm 2024.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2024**

1 ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY (TIẾP THEO)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, Công ty có 1 chi nhánh và 9.986 nhân viên (tại ngày 31 tháng 12 năm 2023: 58 chi nhánh và 9.394 nhân viên).

Trình bày về khả năng so sánh thông tin trên báo cáo tài chính hợp nhất:

Số liệu so sánh trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 là số liệu của báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 đã được kiểm toán.

2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

2.1 Cơ sở của việc lập báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất đã được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất. Báo cáo tài chính hợp nhất được lập theo nguyên tắc giá gốc.

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo không nhằm mục đích trình bày tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán thường được chấp nhận ở các nước và các thể chế khác ngoài nước Việt Nam. Các nguyên tắc và thông lệ kế toán sử dụng tại nước Việt Nam có thể khác với các nguyên tắc và thông lệ kế toán tại các nước và các thể chế khác.

2.2 Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty và các công ty con bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12.

2.3 Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Công ty và các công ty con sử dụng đơn vị tiền tệ trong kế toán và trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất là Đồng Việt Nam ("VND" hoặc "Đồng").

2.4 Các loại tỷ giá hối đoái áp dụng trong kế toán

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được quy đổi theo tỷ giá giao dịch thực tế áp dụng tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ các nghiệp vụ này được ghi nhận là thu nhập hoặc chi phí trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Tài sản và nợ phải trả bằng tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày của bảng cân đối kế toán hợp nhất được quy đổi theo tỷ giá chuyển khoản của ngân hàng thương mại nơi Công ty và các công ty con thường xuyên có giao dịch áp dụng tại ngày bằng cân đối kế toán hợp nhất. Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ việc quy đổi này được ghi nhận là thu nhập hoặc chi phí trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Đối với các khoản vay bằng ngoại tệ được Công ty và các công ty con phòng ngừa rủi ro tỷ giá bằng cách sử dụng hợp đồng kỳ hạn, chênh lệch giữa tỷ giá tại ngày giải ngân khoản vay và tỷ giá chi trả khoản vay ký kết trong hợp đồng kỳ hạn được ghi nhận vào giá trị khoản vay và doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời hạn vay.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2024**

2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

2.5 Cơ sở hợp nhất báo cáo tài chính

Công ty con

Công ty con là những doanh nghiệp mà Công ty có quyền chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhằm thu được lợi ích kinh tế từ các hoạt động của doanh nghiệp đó, thường đi kèm là việc nắm giữ hơn một nửa quyền biểu quyết. Sự tồn tại và tính hữu hiệu của quyền biểu quyết tiềm tàng đang được thực thi hoặc được chuyển đổi sẽ được xem xét khi đánh giá liệu Công ty có quyền kiểm soát doanh nghiệp hay không. Công ty con được hợp nhất toàn bộ kể từ ngày quyền kiểm soát đã chuyển giao cho Công ty. Việc hợp nhất chấm dứt kể từ lúc quyền kiểm soát không còn.

Phương pháp kế toán mua được Công ty sử dụng để hạch toán việc mua công ty con. Chi phí mua được ghi nhận theo giá trị hợp lý của các tài sản đem trao đổi, công cụ vốn được phát hành và các khoản nợ phải trả đã phát sinh hoặc đã thừa nhận tại ngày diễn ra việc trao đổi, cộng với các chi phí liên quan trực tiếp đến việc mua. Các tài sản xác định được, nợ phải trả và những khoản nợ tiềm tàng đã được thừa nhận khi hợp nhất kinh doanh được xác định trước hết theo giá trị hợp lý tại ngày mua không kể đến lợi ích của cổ đông không kiểm soát. Khoản vượt trội giữa chi phí mua so với phần sở hữu của bên mua trong giá trị tài sản thuần được xem là lợi thế thương mại. Nếu phần sở hữu bên mua trong giá trị hợp lý tài sản thuần lớn hơn chi phí mua, phần chênh lệch được ghi nhận ngay vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Giao dịch, công nợ và các khoản lãi, các khoản lỗ chưa thực hiện phát sinh giữa các công ty mẹ và các công ty con và giữa các công ty với nhau được loại trừ khi hợp nhất.

Chính sách kế toán của công ty con cũng thay đổi nếu cần thiết để đảm bảo sự nhất quán với chính sách kế toán đang được Công ty áp dụng.

Nghiệp vụ và lợi ích của cổ đông không kiểm soát

Công ty áp dụng chính sách cho các nghiệp vụ đối với cổ đông không kiểm soát giống như nghiệp vụ với các bên thứ ba không thuộc Công ty và các công ty con.

Lợi ích cổ đông không kiểm soát được xác định theo tỷ lệ phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của đơn vị bị mua lại tại ngày mua.

Những giao dịch làm thay đổi tỷ lệ sở hữu của Công ty trong công ty con mà không dẫn đến mất quyền kiểm soát đối với công ty con, thì chênh lệch giữa giá trị thay đổi phần sở hữu của Công ty trong tài sản thuần của công ty con và số chi hoặc thu từ việc thoái vốn tại công ty con được ghi nhận vào lợi nhuận sau thuế chưa phân phối thuộc vốn chủ sở hữu.

Những giao dịch làm thay đổi tỷ lệ sở hữu của Công ty trong công ty con dẫn đến việc mất quyền kiểm soát đối với công ty con, thì chênh lệch giữa giá trị thay đổi phần sở hữu của Công ty trong tài sản thuần của công ty con và số chi hoặc thu từ việc thoái vốn tại công ty con được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất. Phần sở hữu còn lại trong công ty này sẽ được hạch toán như một khoản đầu tư tài chính thông thường hoặc kế toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu kể từ khi công ty mẹ không còn nắm quyền kiểm soát công ty con.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2024**

2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

2.6 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn và các khoản đầu tư ngắn hạn khác có thời hạn đáo hạn ban đầu không quá ba tháng.

2.7 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu thể hiện giá trị ghi sổ của các khoản phải thu khách hàng gồm các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch bán hàng hóa, cung cấp dịch vụ; và các khoản phải thu khác không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ. Dự phòng các khoản phải thu khó đòi được lập cho từng khoản phải thu căn cứ vào thời gian quá hạn trả nợ gốc theo cam kết nợ ban đầu (không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên), hoặc căn cứ vào mức tổn thất ước tính có thể xảy ra. Chênh lệch giữa khoản dự phòng phải lập ở cuối năm tài chính này và khoản dự phòng đã lập ở cuối năm tài chính trước được ghi nhận tăng hoặc giảm chi phí quản lý doanh nghiệp trong năm tài chính. Các khoản phải thu được xác định là không thể thu hồi sẽ được xóa sổ.

Các khoản phải thu được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên bảng cân đối kế toán hợp nhất căn cứ theo kỳ hạn còn lại của các khoản phải thu tại ngày của bảng cân đối kế toán hợp nhất tới ngày đến hạn thu hồi.

2.8 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được thể hiện theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc được xác định trên cơ sở nhập trước xuất trước và bao gồm tất cả các chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong năm tài chính kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ.

Công ty và các công ty con áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

Dự phòng được lập cho hàng tồn kho bị lỗi thời, chậm lưu chuyển và bị hỏng. Chênh lệch giữa khoản dự phòng phải lập ở cuối năm tài chính này và khoản dự phòng đã lập ở cuối năm tài chính trước được ghi nhận tăng hoặc giảm giá vốn hàng bán trong năm tài chính.

2.9 Đầu tư tài chính

(a) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản đầu tư mà Công ty và các công ty con có ý định và có khả năng giữ đến ngày đáo hạn.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn. Các khoản đầu tư này ban đầu được ghi nhận theo giá gốc. Sau đó, Công ty và các công ty con thực hiện việc rà soát đối với tất cả các khoản đầu tư để ghi nhận dự phòng vào cuối năm tài chính.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2024**

2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

2.9 Đầu tư tài chính (tiếp theo)

(a) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (tiếp theo)

Dự phòng giảm giá đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được lập trên cơ sở có bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được. Chênh lệch giữa khoản dự phòng lập ở cuối năm tài chính này và khoản dự phòng đã lập ở cuối năm tài chính trước được ghi nhận tăng hoặc giảm chi phí tài chính trong năm tài chính. Khoản dự phòng được hoàn nhập không vượt quá giá trị ghi sổ ban đầu.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên bảng cân đối kế toán hợp nhất căn cứ theo kỳ hạn còn lại của các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn tại ngày của bảng cân đối kế toán hợp nhất đến ngày đáo hạn.

(b) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác là các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác nhưng không có quyền kiểm soát hoặc đồng kiểm soát, không có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư. Các khoản đầu tư này được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Sau đó, Công ty và các công ty con thực hiện việc rà soát đối với tất cả các khoản đầu tư để ghi nhận dự phòng vào cuối năm tài chính.

(c) Dự phòng đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Dự phòng giảm giá đầu tư góp vốn vào đơn vị khác được lập vào cuối năm tài chính khi có sự giảm giá trị của các khoản đầu tư. Đối với khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý khoản đầu tư được xác định tin cậy mà Công ty và các công ty con nắm giữ lâu dài, dự phòng được lập khi giá gốc cao hơn giá trị thị trường. Đối với các khoản đầu tư khác, dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi công ty nhận đầu tư bị lỗ.

Chênh lệch giữa khoản dự phòng lập ở cuối năm tài chính này và khoản dự phòng đã lập ở cuối năm tài chính trước được ghi nhận tăng hoặc giảm chi phí tài chính trong năm tài chính. Khoản dự phòng được hoàn nhập không vượt quá giá trị ghi sổ ban đầu.

2.10 Cho vay

Cho vay là các khoản cho vay với mục đích thu lãi hàng kỳ theo khế ước giữa các bên nhưng không được giao dịch mua, bán trên thị trường như chứng khoán.

Cho vay được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Sau đó, Công ty và các công ty con thực hiện việc rà soát đối với tất cả các khoản còn chưa thu để ghi nhận dự phòng các khoản cho vay khó đòi vào cuối năm tài chính. Dự phòng các khoản cho vay khó đòi được lập cho từng khoản cho vay căn cứ vào thời gian quá hạn trả nợ gốc theo cam kết nợ ban đầu (không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên), hoặc căn cứ vào mức tổn thất ước tính có thể xảy ra. Chênh lệch giữa khoản dự phòng lập ở cuối năm tài chính này và khoản dự phòng đã lập ở cuối năm tài chính trước được ghi nhận tăng hoặc giảm chi phí tài chính trong năm tài chính. Khoản dự phòng được hoàn nhập không vượt quá giá trị ghi sổ ban đầu.

Cho vay được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên bảng cân đối kế toán hợp nhất căn cứ theo kỳ hạn còn lại của các khoản cho vay tại ngày của bảng cân đối kế toán hợp nhất đến ngày tới hạn thu hồi.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2024**

2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

2.11 Tài sản cố định ("TSCĐ")

TSCĐ hữu hình và TSCĐ vô hình

TSCĐ được phản ánh theo nguyên giá trừ khấu hao lũy kế. Nguyên giá bao gồm các chi phí liên quan trực tiếp đến việc có được TSCĐ ở trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá TSCĐ nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất kinh doanh trong năm tài chính.

Khấu hao

TSCĐ được khấu hao theo phương pháp đường thẳng để giảm dần giá trị phải khấu hao trong suốt thời gian hữu dụng ước tính. Giá trị phải khấu hao là nguyên giá của TSCĐ ghi trên báo cáo tài chính trừ đi (-) giá trị thanh lý ước tính của tài sản đó. Thời gian hữu dụng ước tính của các loại tài sản như sau:

Nhà cửa, vật kiến trúc	8 – 25 năm
Máy móc, thiết bị	3 – 15 năm
Thiết bị quản lý	3 – 10 năm
Phương tiện vận tải	6 năm
TSCĐ hữu hình khác	5 năm
Bản quyền, bằng sáng chế	3 năm
Phần mềm máy tính	3 – 8 năm

Quyền sử dụng đất không có thời hạn được ghi nhận theo nguyên giá và không khấu hao.

Giấy phép bản quyền và quyền khai thác là quyền khai thác các tuyến cáp quốc tế và được phân bổ vào chi phí theo thời hạn ghi trên giấy phép và hợp đồng quyền khai thác.

Thanh lý

Lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý, nhượng bán TSCĐ được xác định bằng số chênh lệch giữa số tiền thu thuần do thanh lý với giá trị còn lại của TSCĐ và được ghi nhận là thu nhập hoặc chi phí trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang thể hiện giá trị của các tài sản trong quá trình lắp đặt hoặc xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê hoặc quản trị, hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác, được ghi nhận theo giá gốc. Khấu hao của những tài sản này, cũng giống như các loại TSCĐ khác, sẽ bắt đầu được trích khi tài sản đã sẵn sàng cho mục đích sử dụng.

2.12 Thuê tài sản

Thuê hoạt động là loại hình thuê TSCĐ mà phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu của tài sản thuộc về bên cho thuê. Khoản thanh toán dưới hình thức thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn thuê hoạt động.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2024**

2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

2.13 Chi phí trả trước dài hạn

Chi phí trả trước dài hạn chủ yếu bao gồm các chi phí triển khai dịch vụ thuê bao ban đầu. Các chi phí này được ghi nhận theo giá gốc và phân bổ theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính như sau:

Chi phí vật tư triển khai dịch vụ internet	2,5 năm
Chi phí vật tư triển khai dịch vụ truyền hình	2 năm
Chi phí dịch vụ lắp đặt thuê ngoài	2 năm

2.14 Nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được phân loại dựa vào tính chất bao gồm:

- Phải trả người bán gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa và dịch vụ; và
- Phải trả khác gồm các khoản phải trả không có tính chất thương mại, không liên quan đến giao dịch mua hàng hóa và dịch vụ.

Các khoản nợ phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên bảng cân đối kế toán hợp nhất căn cứ theo kỳ hạn còn lại của các khoản phải trả tại ngày của bảng cân đối kế toán hợp nhất tới ngày đến hạn thanh toán.

2.15 Vay

Vay bao gồm các khoản tiền vay từ các ngân hàng và các đối tượng khác.

Các khoản vay được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên bảng cân đối kế toán hợp nhất căn cứ theo kỳ hạn còn lại của các khoản vay tại ngày của bảng cân đối kế toán hợp nhất tới ngày đến hạn thanh toán.

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đối với hoạt động xây dựng hoặc sản xuất bất kỳ tài sản đủ tiêu chuẩn sẽ được vốn hóa trong thời gian mà các tài sản này được hoàn thành và chuẩn bị đưa vào sử dụng. Đối với các khoản vay chung trong đó có sử dụng vốn cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất bất kỳ tài sản đủ tiêu chuẩn thì Công ty và các công ty con xác định chi phí đi vay được vốn hóa theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng cơ bản hoặc sản xuất tài sản đủ tiêu chuẩn đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong năm tài chính, trừ các khoản vay hợp nhất riêng biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể. Chi phí đi vay khác được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phát sinh.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2024**

2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

2.16 Chi phí phải trả

Chi phí phải trả bao gồm các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán trong năm tài chính nhưng thực tế chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán, được ghi nhận vào chi phí sản xuất kinh doanh của năm tài chính.

2.17 Các khoản dự phòng

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Công ty và các công ty con có nghĩa vụ nợ hiện tại, pháp lý hoặc liên đới, phát sinh từ các sự kiện đã xảy ra; việc thanh toán nghĩa vụ nợ có thể sẽ dẫn đến sự giảm sút về những lợi ích kinh tế và giá trị của nghĩa vụ nợ đó được ước tính một cách đáng tin cậy. Dự phòng không được ghi nhận cho các khoản lỗ hoạt động trong tương lai.

Dự phòng được tính trên cơ sở các khoản chi phí dự tính phải thanh toán nghĩa vụ nợ. Nếu ảnh hưởng về giá trị thời gian của tiền là trong yếu tố dự phòng được tính trên cơ sở giá trị hiện tại với tỷ lệ chiết khấu trước thuế và phản ánh những đánh giá trên thị trường hiện tại về giá trị thời gian của tiền và rủi ro cụ thể của khoản nợ đó. Giá trị tăng lên do ảnh hưởng của yếu tố thời gian được ghi nhận là chi phí tài chính. Chênh lệch giữa khoản dự phòng lập ở cuối năm tài chính này và khoản dự phòng đã lập chưa sử dụng ở cuối năm tài chính trước được ghi nhận tăng hoặc giảm chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm tài chính.

2.18 Dự phòng trợ cấp thôi việc

Theo Luật Lao động Việt Nam, người lao động của Công ty và các công ty con đã làm việc thường xuyên đủ 12 tháng trở lên được hưởng khoản trợ cấp thôi việc. Thời gian làm việc để tính trợ cấp thôi việc là tổng thời gian người lao động đã làm việc thực tế cho Công ty và các công ty con trừ đi thời gian người lao động đã tham gia bảo hiểm thất nghiệp theo quy định của pháp luật và thời gian làm việc đã được Công ty và các công ty con chi trả trợ cấp thôi việc.

Trợ cấp thôi việc của người lao động được trích trước cuối mỗi năm tài chính theo tỷ lệ bằng một nửa mức lương bình quân tháng cho mỗi năm làm việc. Mức lương bình quân tháng để tính trợ cấp thôi việc dựa trên mức lương bình quân theo hợp đồng lao động của sáu tháng gần nhất tính đến trước ngày kết thúc năm tài chính này. Khoản trích trước này được sử dụng để trả một lần khi người lao động chấm dứt hợp đồng lao động theo quy định hiện hành.

Công ty và các công ty con không ghi nhận khoản dự phòng trợ cấp thôi việc nêu trên do áp dụng Thông tư số 180/2012/TT-BTC của Bộ Tài chính ban hành ngày 24 tháng 10 năm 2012. Công ty và các công ty con ghi nhận vào chi phí trong năm tài chính khi thực trả trợ cấp thôi việc cho người lao động.

2.19 Doanh thu chưa thực hiện

Doanh thu chưa thực hiện là khoản doanh thu nhận trước, chủ yếu bao gồm các khoản khách hàng trả trước tiền cước dịch vụ viễn thông trong nhiều kỳ tính cước. Công ty và các công ty con ghi nhận các khoản doanh thu chưa thực hiện tương ứng với phần nghĩa vụ mà Công ty và các công ty con sẽ phải thực hiện trong tương lai. Khi các điều kiện ghi nhận doanh thu được thỏa mãn, doanh thu chưa thực hiện sẽ được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong năm tài chính tương ứng với phần thỏa mãn điều kiện ghi nhận doanh thu đó.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2024**

2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

2.20 Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số thực tế góp của các cổ đông và được phản ánh theo mệnh giá của cổ phiếu.

Vốn khác của chủ sở hữu phản ánh giá trị các khoản vốn khác nắm giữ bởi chủ sở hữu tại thời điểm báo cáo, chủ yếu liên quan đến hạch toán kế toán đối với cổ tức bằng cổ phiếu nhận được từ các công ty con.

LNST chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh sau thuế TNDN của Công ty và các công ty con tại thời điểm báo cáo.

2.21 Phân chia lợi nhuận

Cổ tức của Công ty và các công ty con được ghi nhận là một khoản phải trả tại ngày chốt quyền nhận cổ tức của cổ đông.

LNST TNDN có thể được chia cho các cổ đông sau khi được Đại hội đồng Cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ theo điều lệ của Công ty và các công ty con và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Công ty và các công ty con trích lập các quỹ sau:

(a) Quỹ đầu tư phát triển

Quỹ đầu tư phát triển được trích lập từ LNST TNDN của Công ty và các công ty con và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng Cổ đông. Quỹ được sử dụng để cung cấp nguồn vốn cho các dự án phát triển của Công ty và các Công ty con.

(b) Quỹ khen thưởng, phúc lợi

Quỹ khen thưởng, phúc lợi được trích lập từ LNST TNDN của Công ty và các công ty con và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng Cổ đông. Quỹ được trình bày là một khoản phải trả trên bảng cân đối kế toán hợp nhất. Quỹ được sử dụng để khen thưởng, cải thiện và nâng cao đời sống người lao động.

2.22 Ghi nhận doanh thu

(a) Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- Công ty và các công ty con đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Công ty và các công ty con không còn nắm giữ quyền quản lý sản phẩm hoặc hàng hóa như người sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa, hoặc quyền kiểm soát sản phẩm hoặc hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty và các công ty con sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2024

2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

2.22 Ghi nhận doanh thu (tiếp theo)

(a) Doanh thu bán hàng (tiếp theo)

Doanh thu không được ghi nhận khi có yếu tố không chắc chắn mang tính trọng yếu về khả năng thu được tiền bán hàng hoặc khả năng hàng bán bị trả lại.

Doanh thu được ghi nhận phù hợp với bản chất hơn hình thức và được phân bổ theo nghĩa vụ cung ứng hàng hóa.

(b) Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi dịch vụ đã được cung cấp, bằng cách tính mức độ hoàn thành của từng giao dịch, dựa trên cơ sở đánh giá tỉ lệ dịch vụ đã cung cấp so với tổng khối lượng dịch vụ phải cung cấp. Doanh thu cung cấp dịch vụ chỉ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn bốn (4) điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của bảng cân đối kế toán hợp nhất, và
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

(c) Thu nhập lãi

Tiền lãi được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó; và
- Thu nhập được xác định tương đối chắc chắn.

(d) Thu nhập từ cổ tức được chia

Thu nhập từ cổ tức được chia được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó; và
- Thu nhập được xác định tương đối chắc chắn.

Thu nhập từ cổ tức được chia được ghi nhận khi Công ty và các công ty con xác lập quyền nhận cổ tức từ các đơn vị đầu tư.

2.23 Các khoản giảm trừ doanh thu

Các khoản giảm trừ doanh thu bao gồm chiết khấu thương mại, hàng bán bị trả lại và giảm giá hàng bán. Các khoản giảm trừ doanh thu phát sinh cùng năm tài chính tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ được ghi nhận điều chỉnh giảm doanh thu năm tài chính phát sinh.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2024

2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

2.23 Các khoản giảm trừ doanh thu (tiếp theo)

Các khoản giảm trừ doanh thu đối với sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ tiêu thụ trong năm tài chính, phát sinh sau ngày của bảng cân đối kế toán hợp nhất nhưng trước thời điểm phát hành báo cáo tài chính hợp nhất được ghi nhận điều chỉnh giảm doanh thu của năm tài chính lập báo cáo.

2.24 Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp

Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp là tổng chi phí phát sinh của hàng hóa, vật tư xuất bán và dịch vụ cung cấp cho khách hàng trong năm tài chính, được ghi nhận theo nguyên tắc phù hợp với doanh thu và nguyên tắc thận trọng.

2.25 Chi phí tài chính

Chi phí tài chính phản ánh những khoản chi phí hoạt động tài chính phát sinh trong năm tài chính chủ yếu bao gồm các khoản lỗ do chênh lệch tỷ giá hối đoái và chi phí lãi vay.

2.26 Chi phí bán hàng

Chi phí bán hàng phản ánh các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hóa và cung cấp dịch vụ của Công ty và các công ty con.

2.27 Chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí quản lý doanh nghiệp phản ánh các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình quản lý chung của Công ty và các công ty con.

2.28 Thuế TNDN hiện hành và thuế TNDN hoãn lại

Thuế TNDN bao gồm toàn bộ số thuế TNDN tính trên thu nhập chịu thuế TNDN. Chi phí thuế TNDN bao gồm chi phí thuế TNDN hiện hành và chi phí thuế TNDN hoãn lại.

Thuế TNDN hiện hành là số thuế TNDN phải nộp hoặc thu hồi được tính trên thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế TNDN của năm tài chính hiện hành. Thuế TNDN hiện hành và thuế TNDN hoãn lại được ghi nhận là thu nhập hay chi phí khi xác định lợi nhuận hoặc lỗ của năm tài chính phát sinh, ngoại trừ trường hợp thuế TNDN phát sinh từ một giao dịch hoặc sự kiện được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu trong cùng năm tài chính hay một năm tài chính khác.

Thuế TNDN hoãn lại, sử dụng phương pháp công nợ, được tính đầy đủ dựa trên các khoản chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả trên báo cáo tài chính hợp nhất và cơ sở tính thuế TNDN của các khoản mục này. Thuế TNDN hoãn lại không được ghi nhận khi nợ thuế TNDN hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả của một giao dịch mà giao dịch này không phải là giao dịch sáp nhập doanh nghiệp, không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc lợi nhuận/lỗ tính thuế TNDN tại thời điểm phát sinh giao dịch. Thuế TNDN hoãn lại được tính theo thuế suất dự tính được áp dụng trong niên độ mà tài sản được thu hồi hoặc khoản nợ phải trả được thanh toán dựa trên thuế suất đã ban hành hoặc xem như có hiệu lực tại ngày của bảng cân đối kế toán hợp nhất.

Tài sản thuế TNDN hoãn lại được ghi nhận khi có khả năng sẽ có lợi nhuận tính thuế TNDN trong tương lai để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2024

2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

2.29 Thuế tối thiểu toàn cầu

Ngày 29 tháng 11 năm 2023, Quốc hội Việt Nam đã thông qua Nghị quyết số 107/2023/QH15 ("Nghị quyết 107") về việc áp dụng Quy định về thuế thu nhập doanh nghiệp bổ sung tối thiểu nội địa đạt chuẩn ("QDMTT") và Quy định về tổng hợp thu nhập chịu thuế tối thiểu ("IIR"). Các quy định này nhất quán và phù hợp với Quy định mẫu chống xói mòn cơ sở thuế toàn cầu Trụ cột 2 ("BESP 2.0") của OECD và có hiệu lực kể từ ngày 1 tháng 1 năm 2024 (sau đây gọi là "Quy định thuế thu nhập tối thiểu toàn cầu"). Nghị quyết này quy định các tập đoàn đa quốc gia có quy mô lớn phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp ở mức thuế suất tối thiểu toàn cầu là 15% trên lợi nhuận tại các quốc gia/vùng lãnh thổ mà tập đoàn hoạt động.

2.30 Các bên liên quan

Các doanh nghiệp, các cá nhân là các bên liên quan của Công ty và các công ty con khi trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian, có quyền kiểm soát Công ty và các công ty con hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty và các công ty con, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty và các công ty con, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con, công ty liên kết và các công ty con trong cùng tập đoàn. Các bên liên kết, các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty và các công ty con mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty và các công ty con, những cá nhân quản lý chủ chốt bao gồm Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc của Công ty và các công ty con, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này hoặc các bên liên kết này hoặc những công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là bên liên quan.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan, Công ty và các công ty con căn cứ vào bản chất của mối quan hệ chứ không chỉ hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

2.31 Báo cáo bộ phận

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Công ty và các công ty con tham gia vào việc bán hàng hoặc cung cấp dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh), hoặc bán hàng hoặc cung cấp dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận chia theo khu vực địa lý). Mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt với các bộ phận khác. Ban Tổng Giám đốc xác định rằng rủi ro và tỷ suất sinh lời của doanh nghiệp bị tác động chủ yếu bởi những khác biệt về các loại sản phẩm, dịch vụ mà Công ty và các công ty con cung cấp. Do vậy báo cáo bộ phận chính yếu của Công ty và các công ty con là theo lĩnh vực kinh doanh.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2024

2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

2.32 Ước tính kế toán trọng yếu

Việc lập báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giá định ảnh hưởng đến số liệu về tài sản, nợ phải trả và việc trình bày các khoản nợ phải trả và tài sản tiềm tàng tại ngày kết thúc năm tài chính cũng như các số liệu về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Các ước tính và giá định có ảnh hưởng trọng yếu trong báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm:

- Ước tính dự phòng phải thu khó đòi (Thuyết minh 2.7 và 7);
- Ước tính dự phòng giảm giá hàng tồn kho (Thuyết minh 2.8 và 8);
- Ước tính thời gian sử dụng hữu ích của TSCĐ (Thuyết minh 2.11 và 10); và
- Ước tính chi phí thuế TNDN (Thuyết minh 2.28 và 31).

Các ước tính và giá định thường xuyên được đánh giá dựa trên kinh nghiệm trong quá khứ và các yếu tố khác, bao gồm các giá định trong tương lai có ảnh hưởng trọng yếu tới báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và các công ty con và được Ban Tổng Giám đốc đánh giá là hợp lý.

3 TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	31.12.2024 VND	31.12.2023 VND
Tiền mặt	25.978.924	78.480.640
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	349.144.065.400	169.379.084.632
Các khoản tương đương tiền (*)	330.107.269.336	254.526.687.587
	<u>679.277.313.660</u>	<u>423.984.252.859</u>

(*) Các khoản tương đương tiền chủ yếu bao gồm các khoản tiền gửi có kỳ hạn dưới ba tháng tại các ngân hàng thương mại tại Việt Nam. Lãi suất các khoản tiền gửi được quy định cụ thể cho từng hợp đồng tiền gửi.

CÔNG TY CỔ PHẦN VIÊN THÔNG FPT

Mẫu số B 09 – DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2024

4 ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

(a) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	31.12.2024		31.12.2023	
	Giá gốc VND	Giá trị ghi sổ VND	Giá gốc VND	Giá trị ghi sổ VND
i. Ngân hàng				
Tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (*)	11.376.821.923.875	11.376.821.923.875	8.651.944.688.963	8.651.944.688.963
ii. Đại hạn				
Tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn	200.000.000	200.000.000	200.000.000	200.000.000

(*) Đây là các khoản tiền gửi tại các ngân hàng thương mại tại Việt Nam có kỳ hạn gốc trên 3 tháng và kỳ hạn còn lại không quá 12 tháng. Lãi suất các khoản tiền gửi được quy định cụ thể cho từng hợp đồng tiền gửi.

(b) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

	31.12.2024		31.12.2023	
	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND
Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ	6.000.000.000	(*)	6.000.000.000	(*)
Đầu tư FPT	3.684.980.000	(*)	3.684.980.000	(*)
Công ty Cổ phần Công nghệ Sendo	9.684.980.000	(*)	9.684.980.000	(*)

(*) Trình bày giá trị hợp lý: Công ty chưa xác định được giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này để thuyết minh trên báo cáo tài chính hợp nhất vì các khoản đầu tư này không có giá niêm yết trên thị trường. Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này có thể khác với giá trị ghi sổ.

23

CÔNG TY CỔ PHẦN VIÊN THÔNG FPT

Mẫu số B 09 – DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2024

5 PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	31.12.2024 VND	31.12.2023 VND
Bên thứ ba (*)	1.717.759.898.772	1.849.593.378.505
Bên liên quan (Thuyết minh 34(b))	39.773.108.876	35.958.378.196
	<u>1.757.533.007.648</u>	<u>1.885.551.756.701</u>

(*) Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 và ngày 31 tháng 12 năm 2023, không có khách hàng bên thứ ba nào có số dư chiếm hơn 10% trên tổng số dư các khoản phải thu ngắn hạn của khách hàng.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 và ngày 31 tháng 12 năm 2023, Công ty và công ty con không có khoản phải thu khách hàng ngắn hạn nào chưa quá hạn nhưng khó có khả năng thu hồi.

6 PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC

	31.12.2024 VND	31.12.2023 VND
Lãi tiền gửi	141.248.005.858	131.808.763.109
Khác	17.655.497.142	13.750.596.226
	<u>158.903.503.000</u>	<u>145.559.359.335</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2024

7 NỢ KHÓ ĐÓI

	31.12.2024		31.12.2023	
	Giá gốc VND	Giá trị có thể thu hồi VND	Giá gốc VND	Giá trị có thể thu hồi VND
Tổng giá In các khoản phải thu quá hạn thành toán khó có khả năng thu hồi	288.102.287.672	3.474.237.646	630.536.585.918	7.792.826.215
Trong đó:				
- Công ty Cổ phần Sâm Ngọc Linh Kon Tum	52.920.000.000	-	62.920.000.000	-
		52.920.000.000		62.920.000.000
				622.743.759.703

Công ty đã thực hiện xử lý xóa số nợ phải thu khó đòi đã quá hạn từ trên 2 năm với số tiền 445.067.851.799 đồng theo Quyết định số 248/QĐ-FTEL ngày 6 tháng 1 năm 2025 được phê duyệt bởi Tổng Giám đốc của Công ty

8 HÀNG TỒN KHO

	31.12.2024		31.12.2023	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Hàng mua đang đi trên đường	55.282.428.819	-	57.128.979.044	-
Nguyên vật liệu	965.653.469.626	(17.126.007.656)	641.356.835.365	(16.797.484.252)
Công cụ, dụng cụ	42.064.588.364	-	38.093.063.918	-
Hàng hóa	150.438.685.887	-	88.442.853.841	-
	1.213.429.172.696	(17.126.007.656)	825.021.732.168	(16.797.484.252)
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(17.126.007.656)		(16.797.484.252)	
	1.196.303.165.040		808.224.247.916	

25

CÔNG TY CỔ PHẦN VIỄN THÔNG FPT

Mẫu số B 09 – DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2024

8 HÀNG TỒN KHO (TIẾP THEO)

Biến động về dự phòng giảm giá hàng tồn kho trong năm tài chính như sau:

	2024 VND	2023 VND
Số dư đầu năm	16.797.484.252	35.332.591.215
Tăng/(hoàn nhập) dự phòng (Thuyết minh 26)	328.523.404	(18.535.106.963)
Số dư cuối năm	17.126.007.656	16.797.484.252

9 CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

(a) Ngắn hạn

	31.12.2024 VND	31.12.2023 VND
Chi phí thuê (bản quyền, văn phòng, kênh, đường truyền, cáp quang)	87.403.921.151	98.575.179.019
Khác	58.431.595.087	52.539.620.783
	145.835.516.238	151.114.799.802

(b) Dài hạn

	31.12.2024 VND	31.12.2023 VND
Chi phí triển khai dịch vụ cho thuê bao mới (*)	1.804.520.929.972	1.611.745.683.907
Chi phí thuê văn phòng	284.076.784.156	293.626.781.023
Khác	288.655.896.686	231.581.730.445
	2.377.253.610.814	2.136.954.195.375

(*) Chi phí triển khai dịch vụ cho thuê bao mới bao gồm các chi phí thiết bị, vật tư, chi phí nhân công thuê ngoài để lắp đặt, triển khai dịch vụ internet, dịch vụ truyền hình cho khách hàng mới. Các chi phí này được ghi nhận ban đầu là chi phí trả trước dài hạn và được phân bổ vào báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất theo thời gian hữu dụng ước tính (Thuyết minh 2.13).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2024

10 TÀI SẢN CỐ ĐỊNH (“TSCĐ”)

(a) TSCĐ hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc, thiết bị VND	Thiết bị quản lý VND	Phương tiện vận tải VND	Khác VND	Tổng cộng VND
Nguyên giá						
Tại ngày 1.1.2024	216.658.064.477	12.302.794.814.624	139.828.523.443	14.416.770.177	-	12.673.696.172.721
Mua trong năm	1.132.455.882	265.251.308.790	1.157.892.465	6.736.749.115	131.767.500	274.410.173.752
Chuyển sang từ xây dựng cơ bản dở dang (*)	33.257.232.379	616.932.113.547	-	-	-	650.189.345.926
Phân loại lại (Thuyết minh 10(b))	-	1.866.518.502	(2.944.977.344)	774.845.455	-	(303.613.387)
Thanh lý	-	(225.719.592.599)	(3.234.558.797)	-	-	(228.954.151.396)
Tại ngày 31.12.2024	251.045.752.738	12.961.125.162.864	134.806.879.767	21.928.364.747	131.767.500	13.369.037.927.616
Giá trị khấu hao lũy kế						
Tại ngày 1.1.2024	(83.951.401.165)	(6.994.308.465.727)	(123.164.061.048)	(8.199.414.401)	-	(7.209.623.342.341)
Khấu hao trong năm	(9.094.654.722)	(1.270.722.721.433)	(5.794.503.569)	(2.384.213.874)	(19.873.131)	(1.288.015.966.729)
Phân loại lại (Thuyết minh 10(b))	-	(1.384.220.248)	2.461.551.179	(774.845.455)	-	302.485.476
Thanh lý	-	204.081.866.636	2.904.917.043	-	-	206.986.783.679
Tại ngày 31.12.2024	(93.046.055.887)	(8.082.333.540.772)	(123.592.096.395)	(11.358.473.730)	(19.873.131)	(8.290.350.039.915)
Giá trị còn lại						
Tại ngày 1.1.2024	132.704.663.312	5.308.486.348.897	16.664.462.395	6.217.355.776	-	5.464.072.830.380
Tại ngày 31.12.2024	157.999.698.851	4.898.791.622.092	11.214.783.372	10.569.891.017	111.894.369	5.078.687.887.701

(*) Chuyển từ chi phí xây dựng dở dang chủ yếu bao gồm các máy móc, thiết bị, cấp quang phục vụ cho hạ tầng mạng của Công ty và các công ty con.

Nguyên giá TSCĐ hữu hình của Công ty và các công ty con tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 đã khấu hao hết nhưng còn sử dụng là 4.384.790.980.021 Đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2023: 3.688.632.207.311 Đồng).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2024

10 TÀI SẢN CỐ ĐỊNH (“TSCĐ”) (TIẾP THEO)

(b) TSCĐ vô hình

	Quyền sử dụng đất VND	Bản quyền, bằng sáng chế VND	Giấy phép bản quyền và quyền khai thác VND	Phần mềm máy tính VND	Tổng cộng VND
Nguyên giá					
Tại ngày 1.1.2024	186.643.921.448	476.000.000	756.362.619.237	189.124.383.322	1.132.606.924.007
Mua trong năm	8.432.450.003	98.000.000	125.152.833.247	1.059.035.278	134.742.318.528
Phân loại lại (Thuyết minh 10(a))	-	-	-	303.613.387	303.613.387
Thanh lý	-	(476.000.000)	(2.820.346.246)	(10.470.787.701)	(13.767.133.947)
Tại ngày 31.12.2024	195.076.371.451	98.000.000	878.695.106.238	180.016.244.286	1.253.885.721.975
Giá trị khấu hao lũy kế					
Tại ngày 1.1.2024	-	(40.427.397)	(430.246.275.819)	(142.920.957.141)	(573.207.660.357)
Khấu hao trong năm	-	(157.978.140)	(53.577.229.438)	(30.533.239.382)	(84.268.446.960)
Phân loại lại (Thuyết minh 10(a))	-	-	-	(302.485.476)	(302.485.476)
Thanh lý	-	198.227.031	2.820.346.246	10.380.644.228	13.399.217.505
Tại ngày 31.12.2024	-	(178.506)	(481.003.159.011)	(163.376.037.771)	(644.379.375.288)
Giá trị còn lại					
Tại ngày 1.1.2024	186.643.921.448	435.572.603	326.116.343.418	46.203.426.181	559.399.263.650
Tại ngày 31.12.2024	195.076.371.451	97.821.494	397.691.947.227	16.640.206.515	609.508.346.687

Nguyên giá TSCĐ vô hình của Công ty và các công ty con tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 đã khấu hao hết nhưng còn sử dụng là 310.297.405.635 Đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2023: 88.108.545.770 Đồng)

CÔNG TY CỔ PHẦN VIỄN THÔNG FPT

Mẫu số B 09 – DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2024

11 CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BÀN DỜ DANG

	31.12.2024 VND	31.12.2023 VND
Trung tâm dữ liệu Quận 9	255.192.260.444	244.969.980.018
Công trình FPT Telecom Tower Quận 7	18.331.820.201	1.862.966.083
Hệ thống trục Bắc Nam	5.020.186.296	55.552.423.097
Trung tâm dữ liệu FPT Telecom Tân Thuận	-	14.297.934.220
Các công trình hạ tầng viễn thông (*)	111.029.979.635	100.505.808.261
	<u>389.574.246.576</u>	<u>417.189.111.679</u>

(*) Bao gồm trong khoản mục này chủ yếu là các máy móc, thiết bị, linh kiện, vật tư đang trong quá trình chờ triển khai, lắp đặt để hình thành các trạm viễn thông và các công trình hạ tầng viễn thông khác.

12 THUẾ TNDN HOÀN LẠI

Tài sản thuế TNDN hoãn lại và thuế TNDN hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty và các công ty con có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế TNDN hiện hành với thuế TNDN hiện hành phải trả và khi thuế TNDN hoãn lại có liên quan đến cùng một cơ quan thuế và cùng một đơn vị chịu thuế. Chi tiết như sau:

	31.12.2024 VND	31.12.2023 VND
Tài sản thuế TNDN hoãn lại	<u>23.876.453.259</u>	<u>21.795.731.150</u>
Thuế TNDN hoãn lại phải trả	<u>(3.419.925.549)</u>	<u>(937.899.583)</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN VIỄN THÔNG FPT

Mẫu số B 09 – DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2024

12 THUẾ TNDN HOÀN LẠI (TIẾP THEO)

Biến động gộp về thuế TNDN hoãn lại, không tính bù trừ các số dư liên quan đến cùng một cơ quan thuế và cùng một đơn vị chịu thuế, trong năm tài chính như sau:

	31.12.2024 VND	31.12.2023 VND
Tài sản thuế TNDN hoãn lại		
Số dư đầu năm	21.795.731.150	532.705.381
Ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất (Thuyết minh 31)	2.080.722.109	21.263.025.769
Số dư cuối năm	<u>23.876.453.259</u>	<u>21.795.731.150</u>
	31.12.2024 VND	31.12.2023 VND
Thuế TNDN hoãn lại phải trả		
Số dư đầu năm	(937.899.583)	(218.148.233)
Ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất (Thuyết minh 31)	(2.482.025.966)	(719.751.350)
Số dư cuối năm	<u>(3.419.925.549)</u>	<u>(937.899.583)</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2024

13 PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẦN HẠN

	31.12.2024		31.12.2023	
	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND
Bên thứ ba	1.488.425.035.740	1.488.425.035.740	1.032.536.777.149	1.032.536.777.149
Trong đó:				
- Công ty Cổ phần Phát triển Công nghệ Viễn thông Tin học Sun Việt	153.347.156.300	153.347.156.300	54.115.657.200	54.115.657.200
- Hisense Broadband Multimedia Technologies Co., Ltd	144.916.123.936	144.916.123.936	44.694.710.000	44.694.710.000
- Công ty Cambridge Industries USA	26.170.230.640	26.170.230.640	32.989.124.986	32.989.124.986
- Khác	1.163.991.524.864	1.163.991.524.864	900.737.284.963	900.737.284.963
Bên liên quan (Thuyết minh 34(b))	52.923.611.432	52.923.611.432	43.150.739.640	43.150.739.640
	<u>1.541.348.647.172</u>	<u>1.541.348.647.172</u>	<u>1.075.687.516.789</u>	<u>1.075.687.516.789</u>

14 NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẦN HẠN

	31.12.2024	31.12.2023
	VND	VND
Bên thứ ba (*)	123.265.095.732	67.989.064.206
Bên liên quan (Thuyết minh 34(b))	12.540.000	970.148.010
	<u>123.277.635.732</u>	<u>68.959.212.216</u>

(*) Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 và ngày 31 tháng 12 năm 2023, không có khách hàng bên thứ ba nào có số dư chiếm hơn 10% trên tổng số dư các khoản phải thu ngắn hạn của khách hàng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2024

15 THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI THU/PHẢI NỢ NHÀ NƯỚC

Biến động về thuế và các khoản phải thu/phải nộp Nhà nước trong năm như sau:

	Tại ngày	Số phải thu	Số đã được hoàn/	Tại ngày
	1.1.2024	trong năm	thực thu trong năm	31.12.2024
	VND	VND	VND	VND
(a) Phải thu				
Thuế TNDN	279.451.247	109.222.033	(279.451.247)	109.222.033
Thuế thu nhập cá nhân	91.130.172	337.500.531	(428.630.703)	-
	<u>370.581.419</u>	<u>446.722.564</u>	<u>(708.081.950)</u>	<u>109.222.033</u>
(b) Phải nộp				
Thuế GTGT đầu ra	55.432.849.683	2.466.843.322.236	(2.460.662.879.912)	61.613.292.007
Thuế GTGT đầu ra hàng nhập khẩu	-	190.823.006.734	(190.823.006.734)	-
Thuế TNDN	161.694.560.706	726.110.309.518	(558.398.431.490)	329.406.438.734
Thuế nhà thầu nước ngoài	4.438.225.507	87.418.779.789	(66.855.367.644)	25.001.637.652
Thuế thu nhập cá nhân	29.714.427.235	453.311.550.511	(472.689.234.975)	10.336.742.771
Thuế nhập khẩu	-	239.128.896	(239.128.896)	-
Thuế khác	-	993.005.358	(993.005.358)	-
	<u>251.280.063.131</u>	<u>3.925.739.103.042</u>	<u>(3.750.661.055.009)</u>	<u>426.358.111.164</u>

16 CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGÂN HÀNG

	31.12.2024 VND	31.12.2023 VND
Chi phí lãi vay	57.126.725.629	102.446.296.400
Chi phí bản quyền	29.924.639.910	39.999.999.999
Khác (*)	258.749.653.018	83.370.341.739
	<u>345.801.018.557</u>	<u>225.816.638.138</u>

(*) Bao gồm chủ yếu trong khoản mục này là các khoản chi phí phải trả cho việc thuê kênh, thuê đường truyền, quy viên thông công ích và các chi phí phải trả khác.

17 DOANH THU CHƯA THỰC HIỆN

	31.12.2024 VND	31.12.2023 VND
(a) Ngắn hạn		
Tiền trả trước của khách hàng cho dịch vụ viễn thông	1.742.894.976.363	1.352.234.046.771
Bên liên quan (Thuyết minh 34(b))	1.772.804.088	1.772.804.088
Khác	1.035.056.425	63.954.546
	<u>1.745.702.836.876</u>	<u>1.354.070.805.405</u>
(b) Dài hạn		
Tiền trả trước của khách hàng cho dịch vụ viễn thông	6.989.806.981	6.344.870.859
Bên liên quan (Thuyết minh 34(b))	27.921.664.183	29.694.468.271
	<u>34.891.471.164</u>	<u>36.039.339.130</u>

18 PHẢI TRẢ NGÂN HÀNG KHÁC

	31.12.2024 VND	31.12.2023 VND
Bên liên quan (Thuyết minh 34(b))	2.718.375.283	3.085.424.477
Kỳ quỹ, kỳ cước	191.049.198.501	261.928.870.995
Các khoản trích theo lương	12.155.586.459	16.599.554.236
Khác	73.891.614.188	32.051.804.101
	<u>279.814.774.431</u>	<u>313.665.653.809</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN VIÊN THÔNG FPT
 THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
 CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2024

19 VAY

(a) Vay ngắn hạn

	Tại ngày 1.1.2024 VND	Tăng VND	Giảm VND	Chênh lệch tỷ giá hối đoái VND	Tại ngày 31.12.2024 VND
Vay ngắn hạn ngân hàng (*)	5.981.719.619.662	15.404.809.318.641	(14.849.479.719.091)	3.586.582.688	6.540.635.801.900

(*) Bao gồm các khoản vay ngắn hạn không tài sản đảm bảo từ các ngân hàng nhằm bổ sung vốn cho hoạt động của Công ty và các công ty con. Lãi suất các khoản vay được quy định cụ thể cho từng lần rút vốn trong khoảng từ 2,8%/năm đến 6,6%/năm (năm 2023: từ 2,3%/năm đến 8%/năm).

(b) Vay dài hạn

	Tại ngày 1.1.2024 VND	Tăng VND	Vay dài hạn đến hạn trả VND	Tại ngày 31.12.2024 VND
Vay dài hạn ngân hàng	-	81.784.329.565	-	81.784.329.565

CÔNG TY CỔ PHẦN VIÊN THÔNG FPT

Mẫu số B 09 – DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2024

19 VAY (TIẾP THEO)

Chi tiết các khoản vay theo nguyên tệ như sau:

	31.12.2024		31.12.2023	
	Nguyên tệ	Tương đương VND	Nguyên tệ	Tương đương VND
Đô la Mỹ ("USD")	25.000.000	615.746.408.852	57.900.000	1.376.170.500.000
Đồng Việt Nam ("VND")	5.924.889.393.048	6.006.673.722.613	4.605.549.119.662	4.605.549.119.662
		6.622.420.131.465		5.981.719.619.662
		6.622.420.131.465		5.981.719.619.662

Công ty đã thực hiện nghiệp vụ phòng ngừa rủi ro biến động tỷ giá đối với các khoản vay bằng ngoại tệ bằng việc ký các hợp đồng mua, bán ngoại tệ kỳ hạn như sau (Thuyết minh 2.4):

Ngoại tệ	31.12.2024		31.12.2023	
	Số dư vay ngoại tệ	Số dư ngoại tệ đã được phòng ngừa rủi ro	Số dư vay ngoại tệ	Số dư ngoại tệ đã được phòng ngừa rủi ro
Đô la Mỹ ("USD")	25.000.000	25.000.000	57.900.000	57.900.000

20 QUỸ KHEN THƯỞNG, PHÚC LỢI

Biến động của quỹ khen thưởng, phúc lợi trong năm tài chính như sau:

	2024 VND	2023 VND
Số dư đầu năm	460.860.242.681	349.990.820.900
Trích lập từ LNST chưa phân phối (Thuyết minh 22)	288.190.549.796	248.860.722.559
Sử dụng quỹ trong năm	(248.797.837.893)	(137.964.300.778)
Khác	-	173.000.000
Số dư cuối năm	500.252.954.584	460.860.242.681

CÔNG TY CỔ PHẦN VIÊN THÔNG FPT

Mẫu số B 09 – DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2024

21 VỐN GÓP CỦA CHỦ SỞ HỮU

(a) Số lượng cổ phần

	31.12.2024 Cổ phần phổ thông	31.12.2023 Cổ phần phổ thông
Số lượng cổ phiếu đã đăng ký	492.509.164	492.509.164
Số lượng cổ phiếu đã phát hành	492.509.164	492.509.164
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	492.509.164	492.509.164

Mệnh giá cổ phiếu: 10.000 Đồng trên một cổ phiếu.

(b) Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	31.12.2024		31.12.2023	
	Cổ phần phổ thông	%	Cổ phần phổ thông	%
Tổng Công ty Đầu tư và Kinh doanh Vốn Nhà nước – Công ty TNHH Công ty Cổ phần FPT	247.113.031	50,17	247.113.031	50,17
Các cổ đông khác	20.534.946	4,17	20.534.946	4,17
	492.509.164	100	492.509.164	100

(c) Tình hình biến động của vốn cổ phần

	Số cổ phiếu	Cổ phiếu phổ thông VND	Tổng cộng VND
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2023	328.339.538	3.283.395.380.000	3.283.395.380.000
Cổ phiếu mới phát hành	164.169.626	1.641.696.260.000	1.641.696.260.000
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023	492.509.164	4.925.091.640.000	4.925.091.640.000
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024	492.509.164	4.925.091.640.000	4.925.091.640.000

CÔNG TY CỔ PHẦN VIÊN THÔNG FPT

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2024

Mẫu số B 09 – DN/HN

22 TÌNH HÌNH TĂNG GIẢM NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU

	Vốn góp của chủ sở hữu VND	Vốn khác của chủ sở hữu VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	LNST chưa phân phối VND	Lợi ích của cổ đông không kiểm soát VND	Tổng cộng VND
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2023	3.283.385.380.000	55.391.600.000	1.424.485.512.206	2.840.418.455.303	316.001.286.979	7.919.702.234.486
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	2.383.057.829.684	50.456.815.702	2.433.514.645.396
Chia cổ tức bằng tiền	-	-	-	(985.018.614.000)	(41.558.227.575)	(1.026.576.841.575)
Tăng vốn cổ phần bằng phát hành cổ phiếu	1.641.696.260.000	-	(70.000.000.000)	(1.571.696.260.000)	-	-
Trích Quỹ đầu tư, phát triển	-	-	355.226.693.072	(355.226.693.072)	(5.150.080.051)	(218.660.722.559)
Trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	(243.510.632.508)	(1.882.946.686)	(4.214.783.471)
Khác	-	-	-	(2.331.836.795)	-	-
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023	4.925.091.640.000	55.391.600.000	1.709.722.205.278	2.065.892.248.602	317.866.838.369	9.073.764.532.249
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	2.803.323.676.314	57.762.427.647	2.861.086.103.961
Chia cổ tức bằng tiền (*)	-	-	-	(985.018.328.000)	(16.020.374.000)	(1.001.038.702.000)
Trích Quỹ đầu tư phát triển (*)	-	-	412.361.619.530	(412.361.619.530)	-	-
Trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi (*)	-	-	-	(282.414.306.056)	(5.776.243.730)	(288.190.549.796)
Trích Quỹ khác	-	-	-	642.896.753	(44.659)	642.852.094
Khác	-	-	-	-	-	-
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024	4.925.091.640.000	55.391.600.000	2.122.083.824.808	3.189.864.568.073	353.832.603.627	10.646.264.236.508

(*) Theo Nghị quyết số 01/NQ – ĐHCĐ/FTEL đề ngày 17 tháng 4 năm 2024, Đại hội đồng Cổ đông phê duyệt phương án chia cổ tức bằng tiền là 2.000 đồng/cổ phiếu và trích Quỹ đầu tư phát triển và Quỹ khen thưởng, phúc lợi.

CÔNG TY CỔ PHẦN VIÊN THÔNG FPT

Mẫu số B 09 – DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2024

23 LÃI CƠ BẢN VÀ LÃI SUY GIẢM TRÊN CỔ PHIẾU

(a) Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng hiệu của số lợi nhuận thuần phân bổ cho các cổ đông và số trích quỹ khen thưởng, phúc lợi và cổ tức của cổ phiếu ưu đãi, chia cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm tài chính, điều chỉnh cho cổ phiếu thưởng phát hành trong năm trừ đi cổ phiếu quỹ. Chi tiết như sau:

	2024	2023
Lợi nhuận thuần phân bổ cho các cổ đông (VND)	2.803.323.676.314	2.383.057.829.664
Điều chỉnh giảm số trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (VND)	(282.414.306.066)	(243.510.632.508)
Lợi nhuận tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	2.520.909.370.248	2.139.547.197.156
Bình quân số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành (cổ phiếu)	492.509.164	492.509.164
Lãi cơ bản trên mỗi cổ phiếu (VND)	5.119	4.344

(b) Lãi suy giảm trên cổ phiếu

Lãi suy giảm trên cổ phiếu của Công ty bằng lãi cơ bản trên cổ phiếu do Công ty không có cổ phiếu phổ thông tiềm tàng suy giảm trong năm và đến ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất này.

CÔNG TY CỔ PHẦN VIỄN THÔNG FPT

Mẫu số B 09 – DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2024

24 CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

(a) Ngoại tệ các loại

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, khoản mục tiền và các khoản tương đương tiền đã bao gồm số ngoại tệ là 9.194.619 Đô la Mỹ (tại ngày 31 tháng 12 năm 2023: 2.232.144 Đô la Mỹ).

(b) Nợ khó đòi đã xử lý

	31.12.2024 VND	31.12.2023 VND
Nợ khó đòi	621.028.123.747	181.168.486.772

25 DOANH THU THUẬN VỀ BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	2024 VND	2023 VND
Doanh thu		
Doanh thu cung cấp dịch vụ	16.571.568.200.477	14.722.229.865.021
Doanh thu bán hàng hóa	1.046.092.796.202	1.090.040.922.119
	17.617.660.996.679	15.812.270.787.140

Các khoản giảm trừ

	2024 VND	2023 VND
Chiết khấu thương mại và các khoản giảm trừ khác	(6.200.970.292)	(6.407.919.657)
Hàng bán bị trả lại	(1.059.773.750)	(52.216.700)
	(7.260.744.042)	(6.460.136.357)

Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ

	2024 VND	2023 VND
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	16.565.367.230.185	14.715.821.945.364
Doanh thu thuần về bán hàng	1.045.033.022.452	1.089.988.705.419
	17.610.400.252.637	15.805.810.650.783

CÔNG TY CỔ PHẦN VIỄN THÔNG FPT

Mẫu số B 09 – DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2024

26 GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP

	2024 VND	2023 VND
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	8.409.570.016.672	7.595.560.335.052
Giá vốn của hàng hóa đã bán	884.724.995.925	963.891.574.813
Tăng/(hoàn nhập) dự phòng giảm giá hàng tồn kho (Thuyết minh 8)	328.523.404	(18.535.106.963)
	9.294.623.536.001	8.540.916.802.902

27 DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	2024 VND	2023 VND
Lãi tiền gửi, cho vay	539.475.783.460	807.672.806.432
Lãi chênh lệch tỷ giá	111.710.056.466	37.728.738.491
Cổ tức nhận được từ đầu tư vào các đơn vị khác (Thuyết minh 34(a))	8.000.000.000	3.507.292.575
Khác	38.006.819	-
	659.223.846.745	848.908.837.498

28 CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	2024 VND	2023 VND
Chi phí lãi vay	295.513.005.046	445.048.629.628
Lỗ chênh lệch tỷ giá	38.645.262.342	34.710.049.103
Khác	64.548.490	-
	334.222.815.878	479.758.678.731

29 CHI PHÍ BÁN HÀNG

	2024 VND	2023 VND
Chi phí nhân viên	2.222.100.099.507	1.813.779.661.961
Quảng cáo, tiếp thị	459.677.215.648	325.805.195.733
Khác (*)	175.105.595.144	190.086.070.854
	2.856.882.910.299	2.329.670.928.548

(*) Bao gồm chủ yếu trong khoản mục này là chi phí khấu hao TSCĐ, chi phí thuê, chi phí thuê ngoài, chi phí tiện ích và các chi phí bán hàng khác. Không có khoản mục chi phí nào có giá trị chiếm hơn 10% trên tổng chi phí bán hàng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2024

30 CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	2024 VND	2023 VND
Chi phí nhân viên	1.542.111.649.204	1.446.559.896.278
Khác (*)	606.481.323.390	823.294.541.498
	<u>2.150.592.972.594</u>	<u>2.269.854.437.776</u>

(*) Bao gồm chủ yếu trong khoản mục này là chi phí khấu hao TSCĐ, chi phí dự phòng khoản phải thu khó đòi, chi phí công cụ dụng cụ và các chi phí quản lý doanh nghiệp khác. Không có khoản mục chi phí nào có giá trị chiếm hơn 10% trên tổng chi phí quản lý doanh nghiệp.

31 THUẾ TNDN

Số thuế TNDN trên lợi nhuận kế toán trước thuế của Công ty và các công ty con khác với số thuế TNDN khi được tính theo thuế suất phổ thông áp dụng 20% như sau:

	2024 VND	2023 VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế	3.587.597.717.336	3.042.058.174.715
Thuế tính ở thuế suất 20%	717.519.543.467	608.411.634.943
Điều chỉnh:		
Thu nhập không chịu thuế	(1.600.000.000)	(701.458.515)
Chi phí không được khấu trừ	9.549.398.618	98.493.053
Dự phòng thiếu của năm trước	208.833.976	761.607.150
Chênh lệch tạm thời mà không ghi nhận thuế TNDN hoãn lại	34.665.414	(751.093.867)
Khác	799.171.900	724.346.585
Chi phí thuế TNDN (*)	<u>726.511.613.375</u>	<u>608.543.529.349</u>
Chi phí/(thu nhập) thuế TNDN ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất:		
Thuế TNDN - hiện hành (Thuyết minh 15(b))	726.110.309.518	629.086.803.768
Thuế TNDN - hoãn lại (Thuyết minh 12)	401.303.857	(20.543.274.419)
Chi phí thuế TNDN (*)	<u>726.511.613.375</u>	<u>608.543.529.349</u>

(*) Chi phí thuế TNDN cho năm tài chính được ước tính dựa vào thu nhập chịu thuế và có thể có những điều chỉnh tùy thuộc vào sự kiểm tra của cơ quan thuế.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2024

32 CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

Chi phí kinh doanh theo yếu tố thể hiện các chi phí phát sinh trong năm tài chính từ hoạt động kinh doanh của Công ty và các công ty con. Chi tiết được trình bày như sau:

	2024 VND	2023 VND
Dịch vụ mua ngoài	5.971.678.747.407	5.221.442.640.630
Chi phí nhân công	3.764.211.748.711	3.260.339.558.239
Nguyên liệu, vật liệu	2.487.025.304.674	2.397.671.951.412
Khấu hao TSCĐ	1.372.284.413.689	1.333.315.028.776
Khác	706.899.204.413	927.672.990.169
	<u>14.302.099.418.894</u>	<u>13.140.442.169.226</u>

33 BẢO CÁO BỘ PHẬN

Ban Tổng Giám đốc của Công ty xác định rằng, việc ra các quyết định quản lý của Công ty và các công ty con chủ yếu dựa trên các loại sản phẩm, dịch vụ mà Công ty và các công ty con các cung cấp. Do vậy báo cáo bộ phận chính yếu của Công ty và các công ty con là theo lĩnh vực kinh doanh.

(a) Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh

Trong năm hoạt động chủ yếu của Công ty và các công ty con là cung cấp các dịch vụ viễn thông (bao gồm dịch vụ Internet, truyền hình trả tiền, quảng cáo trực tuyến, cho thuê đường truyền và lưu trữ dữ liệu và các dịch vụ viễn thông khác). Doanh thu và lợi nhuận từ bán hàng hóa chiếm dưới 10% tổng doanh thu và lợi nhuận của Công ty và các công ty con. Do đó, Công ty và các công ty con không trình bày chi tiết báo cáo theo lĩnh vực kinh doanh. Doanh thu và giá vốn đã được trình bày tại Thuyết minh 25 và Thuyết minh 26.

(b) Bộ phận theo khu vực địa lý

Công ty và các công ty con không có hoạt động kinh doanh nào ngoài lãnh thổ Việt Nam. Tất cả hoạt động kinh doanh của Công ty và các công ty con được thực hiện trong lãnh thổ Việt Nam. Do đó, Công ty và các công ty con không trình bày báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý.

CÔNG TY CỔ PHẦN VIỄN THÔNG FPT

Mẫu số B 09 – DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2024

34 THUYẾT MINH VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN

Công ty được kiểm soát bởi Công ty Cổ phần FPT, một công ty được thành lập tại Việt Nam. Tuy Công ty mẹ nắm giữ 45,66% vốn cổ phần của Công ty nhưng có quyền bỏ đa số phiếu tại các cuộc họp của Hội đồng Quản trị hoặc cấp quản lý tương đương của Công ty và có quyền chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của Công ty.

Chi tiết của các bên liên quan chính và mối quan hệ như sau:

Bên liên quan (*)	Quan hệ
Công ty Cổ phần FPT	Công ty mẹ
Tổng Công ty Đầu tư và Kinh doanh Vốn Nhà nước – Công ty TNHH Công ty TNHH FPT IS (trước đây là Công ty TNHH Hệ thống Thông tin FPT)	Cổ đồng chính Công ty con của Công ty mẹ
Công ty TNHH Phần mềm FPT	Công ty con của Công ty mẹ
Công ty TNHH FPT Smart Cloud	Công ty con của Công ty mẹ
Công ty Cổ phần Công nghệ Utop	Công ty con của Công ty mẹ
Công ty TNHH Giáo dục FPT	Công ty con của Công ty mẹ
Công ty TNHH Phần phối Synnex FPT	Công ty liên kết của Công ty mẹ
Công ty Cổ phần Bán lẻ Kỹ thuật số FPT	Công ty liên kết của Công ty mẹ
Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ đầu tư FPT	Công ty liên kết của Công ty mẹ
Các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc, và các cá nhân có liên quan của các thành viên này	Thành viên quản lý chủ chốt

(*) Số liệu của bên liên quan được trình bày trong thuyết minh này bao gồm số liệu của công ty và công ty thành viên trực thuộc công ty đó (nếu có).

(a) Giao dịch với các bên liên quan

Các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan phát sinh trong năm tài chính gồm:

	2024 VND	2023 VND
i) Bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ		
Công ty Cổ phần Bán lẻ Kỹ thuật số FPT	94.041.493.094	52.116.901.599
Công ty TNHH FPT IS	75.397.033.554	69.503.392.131
Công ty TNHH Phần mềm FPT	51.444.833.030	62.605.098.840
Công ty TNHH Giáo dục FPT	28.520.099.499	35.116.043.640
Công ty TNHH FPT Smart Cloud	22.378.625.246	24.187.788.107
Công ty Cổ phần FPT	12.845.622.201	23.355.399.518
Công ty TNHH Phần phối Synnex FPT	7.464.665.561	8.097.055.904
Các công ty thành viên khác cùng Tập đoàn	799.022.915	914.569.090
	<u>292.891.395.100</u>	<u>275.896.248.829</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN VIỄN THÔNG FPT

Mẫu số B 09 – DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2024

34 THUYẾT MINH VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN (TIẾP THEO)

(a) Giao dịch với các bên liên quan (tiếp theo)

	2024 VND	2023 VND
ii) Mua TSCD, hàng hóa và dịch vụ		
Công ty Cổ phần FPT	173.577.445.305	134.697.482.968
Công ty TNHH Phần phối Synnex FPT	163.388.944.706	117.236.904.060
Công ty TNHH FPT IS	85.932.210.398	329.787.534.969
Công ty TNHH Phần mềm FPT	32.690.353.968	5.134.089.550
Công ty Cổ phần Bán lẻ Kỹ thuật số FPT	16.106.186.329	11.249.528.492
Công ty TNHH FPT Smart Cloud	9.738.529.071	9.756.253.460
Các công ty thành viên khác cùng Tập đoàn	493.728.600	665.318.146
	<u>481.927.398.377</u>	<u>608.527.111.645</u>
iii) Chia cổ tức bằng cổ phiếu		
Tổng Công ty Đầu tư và Kinh doanh Vốn Nhà nước – Công ty TNHH Công ty Cổ phần FPT	-	823.710.100.000
Công ty Cổ phần FPT	-	749.537.290.000
Các cổ đông khác	-	68.448.870.000
	-	<u>1.641.696.260.000</u>
iv) Chia cổ tức bằng tiền (Thuyết minh 22)		
Tổng Công ty Đầu tư và Kinh doanh Vốn Nhà nước – Công ty TNHH Công ty Cổ phần FPT	494.226.062.000	494.226.063.000
Công ty Cổ phần FPT	449.722.374.000	449.722.374.000
Các cổ đông khác	41.069.892.000	41.070.177.000
	<u>985.018.328.000</u>	<u>985.018.614.000</u>
v) Nhận cổ tức bằng tiền (Thuyết minh 27)		
Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ đầu tư FPT	8.000.000.000	3.507.292.575
	<u>8.000.000.000</u>	<u>3.507.292.575</u>
vi) Cho vay		
Công ty Cổ phần FPT	-	45.000.000.000
	-	<u>45.000.000.000</u>
vii) Lãi cho vay		
Công ty Cổ phần FPT	1.897.032	1.124.777.153
	<u>1.897.032</u>	<u>1.124.777.153</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN VIỄN THÔNG FPT

Mẫu số B 09 – DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2024

34 THUYẾT MINH VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN (TIẾP THEO)

(a) Giao dịch với các bên liên quan (tiếp theo)

	2024 VND	2023 VND
viii) Thủ lao Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và tiền lương của Tổng Giám đốc và người quản lý chủ chốt khác		
Hội đồng Quản trị		
Hoàng Việt Anh Chủ tịch	-	-
Trương Gia Bình Thành viên	-	-
Nguyễn Văn Khoa Thành viên	-	-
Chu Thị Thanh Hà Thành viên	-	-
Trần Thị Hồng Linh Thành viên (*)	60.000.000	41.260.274
Phan Thế Thành Thành viên (*)	60.000.000	41.260.274
Lê Ngọc Diệp Thành viên (*)	-	18.739.726
Nguyễn Hoàng Quyên Thành viên (*)	-	18.739.726
	<u>120.000.000</u>	<u>120.000.000</u>
Ban Kiểm soát		
Trần Khương Trưởng ban	-	-
Phạm Xuân Hoàn Thành viên	-	-
Đỗ Xuân Phúc Thành viên	24.000.000	24.000.000
	<u>24.000.000</u>	<u>24.000.000</u>
Ban Tổng Giám đốc và người quản lý khác		
Nguyễn Hoàng Linh Tổng Giám đốc (**)	2.760.200.000	2.440.428.000
Hoàng Việt Anh Tổng Giám đốc (**)	-	800.000.000
Vũ Thị Mai Hương Phó Tổng Giám đốc	1.920.700.000	1.880.372.000
Chu Hùng Thắng Phó Tổng Giám đốc	1.920.009.000	1.885.670.720
Đỗ Thị Hương Giám đốc Tài chính	1.920.200.000	1.760.151.000
Nguyễn Thị Thu Hương Kế toán trưởng	941.200.000	708.397.000
	<u>9.462.309.000</u>	<u>9.475.018.720</u>

(*) Bà Trần Thị Hồng Linh và ông Phan Thế Thành được bổ nhiệm làm Thành viên Hội đồng Quản trị thay cho bà Lê Ngọc Diệp và ông Nguyễn Hoàng Quyên từ ngày 25 tháng 4 năm 2023.

(**) Ông Nguyễn Hoàng Linh được bổ nhiệm làm Tổng Giám đốc thay cho ông Hoàng Việt Anh từ ngày 25 tháng 4 năm 2023.

CÔNG TY CỔ PHẦN VIỄN THÔNG FPT

Mẫu số B 09 – DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2024

34 THUYẾT MINH VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN (TIẾP THEO)

(b) Số dư cuối năm tài chính với các bên liên quan

	31.12.2024 VND	31.12.2023 VND
i) Tiền gửi tại tài khoản tập trung FPT		
Công ty Cổ phần FPT	507.269.336	326.687.587
ii) Phải thu ngắn hạn của khách hàng (Thuyết minh 5)		
Công ty TNHH FPT IS	16.518.276.086	11.033.310.716
Công ty Cổ phần Bán lẻ Kỹ thuật số FPT	13.741.865.748	9.599.260.077
Công ty TNHH Phần mềm FPT	3.991.804.148	2.355.481.162
Công ty TNHH FPT Smart Cloud	2.823.192.484	1.312.418.616
Công ty Cổ phần FPT	1.666.193.640	10.832.150.125
Công ty TNHH Phân phối Synnex FPT	611.812.939	465.989.210
Công ty TNHH Giáo dục FPT	335.553.950	330.066.431
Các công ty thành viên khác cùng Tập đoàn	84.409.881	29.701.859
	<u>39.773.108.876</u>	<u>35.958.378.196</u>
iii) Phải trả người bán ngắn hạn (Thuyết minh 13)		
Công ty TNHH Phân phối Synnex FPT	23.423.174.861	7.482.021.899
Công ty Cổ phần FPT	15.573.321.204	24.117.844.182
Công ty TNHH FPT IS	11.166.504.805	7.588.155.397
Công ty TNHH FPT Smart Cloud	1.378.302.470	1.616.559.844
Công ty TNHH Phần mềm FPT	689.861.666	1.147.153.066
Công ty Cổ phần Bán lẻ Kỹ thuật số FPT	655.522.804	1.145.862.390
Các công ty thành viên khác cùng Tập đoàn	36.923.622	53.342.862
	<u>52.923.611.432</u>	<u>43.150.739.640</u>
iv) Người mua trả tiền trước ngắn hạn (Thuyết minh 14)		
Công ty TNHH Phần mềm FPT	-	697.040.465
Công ty TNHH Giáo dục FPT	-	214.880.109
Các công ty thành viên khác cùng Tập đoàn	12.540.000	58.227.436
	<u>12.540.000</u>	<u>970.148.010</u>
v) Doanh thu chưa thực hiện (Thuyết minh 17)		
Ngắn hạn		
Công ty TNHH Phân phối Synnex FPT	1.772.804.088	1.772.804.088
Dài hạn		
Công ty TNHH Phân phối Synnex FPT	27.921.664.183	29.694.468.271

CÔNG TY CỔ PHẦN VIỄN THÔNG FPT

Mẫu số B 09 – DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2024

34 THUYẾT MINH VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN (TIẾP THEO)

(b) Số dư cuối năm tài chính với các bên liên quan (tiếp theo)

	31.12.2024 VND	31.12.2023 VND
vi) Phải trả ngắn hạn khác (Thuyết minh 18)		
Thu hộ bên liên quan	-	742.937.594
Lợi nhuận và cổ tức phải trả	2.718.375.283	2.342.486.883
	<u>2.718.375.283</u>	<u>3.085.424.477</u>

35 CÁC CAM KẾT

(a) Cam kết thuê hoạt động

Công ty và các công ty con phải trả mức tối thiểu cho các hợp đồng thuê hoạt động đã ký kết trong tương lai như sau:

	31.12.2024 VND	31.12.2023 VND
Dưới 1 năm	163.896.293.376	149.541.237.751
Từ 1 năm đến 5 năm	227.648.159.641	196.150.777.731
Trên 5 năm	13.204.546.467	12.749.682.490
Tổng cộng các khoản phải thanh toán tối thiểu	<u>404.748.999.484</u>	<u>358.441.697.972</u>

(b) Cam kết vốn

Các cam kết về chi tiêu tạo lập TSCĐ đã ký hợp đồng tại ngày lập bảng cân đối kế toán hợp nhất nhưng chưa được hạch toán vào báo cáo tài chính hợp nhất như sau:

	31.12.2024 VND	31.12.2023 VND
Trung tâm dữ liệu	412.215.307.249	3.936.539.597
Tòa nhà FPT Telecom	14.076.714.174	8.075.598.689
Các công trình hạ tầng viễn thông	40.670.912.268	72.020.091.884
	<u>466.962.933.691</u>	<u>84.032.230.170</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN VIỄN THÔNG FPT

Mẫu số B 09 – DN/HN


THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2024


36 NỢ TIẾM TẮNG

Nghĩa vụ hoàn nguyên đối với các khu đất thuê

Công ty và các công ty con ký các hợp đồng thuê đất và đã xây dựng công trình và hạ tầng trên các khu đất thuê. Các hợp đồng thuê đất không nêu nghĩa vụ của Công ty và các công ty con trong việc tháo dỡ công trình xây dựng, vật kiến trúc và các tài sản khác của Công ty và các công ty con trên đất thuê vào cuối thời hạn thuê đất. Nghĩa vụ này phụ thuộc vào việc trao đổi, thỏa thuận thêm giữa Công ty và các công ty con với các bên cho thuê đất vào cuối thời hạn thuê đất. Tại ngày báo cáo tài chính hợp nhất này, nghĩa vụ hoàn nguyên của Công ty và các công ty con đối với các khu đất thuê là chưa được xác định. Do đó, Công ty và các công ty con không ghi nhận nghĩa vụ hoàn nguyên đối với các khu đất thuê trên báo cáo tài chính hợp nhất.

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 đã được Ban Tổng Giám đốc của Công ty phê chuẩn ngày 24 tháng 2 năm 2025.


Nguyễn Thị Hồng
Người lập


Nguyễn Thị Thu Hương
Kế toán trưởng



Nguyễn Hoàng Linh
Tổng Giám đốc
Người đại diện theo pháp luật

DANH BẠ CÔNG TY

Trụ sở chính:	Toà nhà FPT Cầu Giấy, số 17 phố Duy Tân, P. Dịch Vọng Hậu, Q. Cầu Giấy, Hà Nội
Văn phòng Hà Nội:	Tầng 9, FPT Tower, Số 10 Phạm Văn Bạch, Quận Cầu Giấy, Tp. Hà Nội
Văn phòng Đà Nẵng:	Lô A4-1 KĐT Công Nghệ FPT Đà Nẵng, Phường Hòa Hải, Quận Ngũ Hành Sơn, Thành phố Đà Nẵng
Văn phòng Hồ Chí Minh:	Lô 37-39A, đường 19, KCC, Q.7, Hồ Chí Minh
Điện thoại:	(84-24)-7300 2222
FAX:	(84-24)-37950047
WEBSITE:	www.fpt.vn
FACEBOOK:	www.facebook/FptTelecom

CÔNG TY THÀNH VIÊN

Công ty TNHH MTV Viễn Thông Quốc Tế FPT

Tại Hà Nội:

Tầng 18 Tòa nhà FPT, số 10 Phạm Văn Bạch, Quận Cầu Giấy, TP. Hà Nội

Điện thoại:

(84-24) 7300 2222

Fax:

(84-24) 3726 4648

Tại TP HCM:

Lô L29B-31B-33B, Đường Tân Thuận, KCX Tân Thuận, P.Tân Thuận Đông, Q7, Tp. HCM

Điện thoại:

(84-28) 7300 2222

Fax:

(84-28) 6297 1197

Website:

www.fpt-ft.vn

Công ty TNHH MTV Viễn thông FPT Tân Thuận

Lô L29B-31B-33B, Đường Tân Thuận, KCX Tân Thuận, P.Tân Thuận Đông, Q7, Tp. HCM

Điện thoại:

(84-28) 7300 2222

Fax:

(84-28) 7300 8889

Công ty CP Dịch Vụ Trực Tuyến FPT

Tại Hà Nội:

Tầng 4-5, Tòa nhà FPT, Phố Duy Tân, P. Dịch Vọng Hậu, Quận Cầu Giấy, TP. Hà Nội.

Điện thoại:

(84-24) 7300 9999

Fax:

(84-24) 7300 9998

Tại TP HCM:

Tầng 6-7, Tòa nhà Exchange Tower, số 1 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, P. Nguyễn Thái Bình, Quận 1, TP. HCM

Điện thoại:

(84-24) 7300 9999

Fax:

(84-24) 7300 9998

Website:

<https://fptonline.net>

Công ty CP Công Nghệ Viễn thông FPT

Lô T2-5, Đường D1, Khu Công nghệ cao, P. Tân Nhơn Phú A, Q9, Tp. HCM

Điện thoại:

(84-28) 7300 2222

Fax:

(84-28) 7300 8889

Công ty TNHH Truyền Hình FPT

Tại Hà Nội:

Tầng 20, Tòa nhà FPT, số 10 Phạm Văn Bạch, Quận Cầu Giấy, TP. Hà Nội

Điện thoại:

(84-24) 7300 2222

Fax:

(84-28) 6297 1197

Tại TP HCM:

124 Sương Nguyệt Ánh, P.Bến Thành, Q1, Tp Hồ Chí Minh, Việt Nam

Điện thoại:

(84-28) 7300 2222

Fax:

(84-28) 7300 8889

Công ty TNHH MTV Viễn Thông FPT Thăng Long

Lô E-9, Khu công nghiệp Thăng Long Vĩnh Phúc, Xã Thiện Kế, Huyện Bình Xuyên, Tỉnh Vĩnh Phúc

Điện thoại:

84-24 73002222

Fax:

84-24 7950047

Khu vực Miền Bắc

Công ty CP Viễn thông FPT	Tầng 9, FPT Tower, Số 10 Phạm Văn Bạch, Phường Dịch Vọng, Quận Cầu Giấy, TP. Hà Nội
Bắc Ninh	Số 103 Lê Thành Tông, Phường Võ Cường, Tp Bắc Ninh, Bắc Ninh
Bắc Giang	ALK 36-06 Khu số 2, KĐT phía Nam, Xã Tân Tiến, Thành phố Bắc Giang, Bắc Giang
Lạng Sơn	Số 286A, Đường Hùng Vương, Xã Mai Pha, Thành phố Lạng Sơn, Lạng Sơn
Cao Bằng	Số 008 Kim Đồng, Tổ 15, Phường Hợp Giang, Thành phố Cao Bằng, Cao Bằng
Thái Nguyên	Số 66, Đường Bắc Sơn, tổ 11, Phường Hoàng Văn Thụ, TP. Thái Nguyên, Thái Nguyên
Tuyên Quang	Số 118 Đường Trần Phú, Tổ 35, Phường Tân Quang, TP. Tuyên Quang, Tuyên Quang
Yên Bái	Số LK-D04, tổ 8, Phường Minh Tân, TP. Yên Bái, Yên Bái
Lào Cai	Số nhà 228 Đường Hoàng Liên, tổ 36, Phường Cốc Lếu, TP. Lào Cai, Lào Cai
Phủ Thọ	Tổ 18A, Phố Minh Hà, Phường Tiên Cát, TP. Việt Trì, Phú Thọ
Vĩnh Phúc	Số 18 Đường Nguyễn Trãi, Phường Liên Bảo, TP. Vĩnh Yên, Vĩnh phúc
Quảng Ninh	Số 351-353 Nguyễn Văn Cừ, Tổ 11 Khu 3 Phường Hồng Hải, TP. Hạ Long, Quảng Ninh
Hung Yên	Số 1 Khu bến xe Mỹ Hào, Phường Nhân Hòa, Thị xã Mỹ Hào, Hưng Yên
Hải Dương	Số 16+18 Bà Triệu, Phường Phạm Ngũ Lão, TP. Hải Dương, Hải Dương
Hải Phòng	Thửa đất số 1, Tờ bản đồ số 01-2020, Tổ 19, Phường Vĩnh Niệm, Quận Lê Chân, Hải Phòng
Thái Bình	168 Nguyễn Thị Minh Khai, Tổ 46n Phường Bồ Xuyên, TP. Thái Bình, Thái Bình
Nam Định	Số 6 đường Đông A, KĐT Hòa Vượng, Phường Lộc Vượng, T. TP. Nam Định, Nam Định
Hà Nam	PG02-05 Khu nhà liền kề Vincom, Đường Châu Cầu, Phường Minh Khai, TP. Phú Lý, Hà Nam
Ninh Bình	Số 195 Đường Lê Đại Hành, Phố Thanh Sơn, Phường Thanh Bình, TP. Ninh Bình, Ninh Bình
Thanh Hóa	Lô04-05, MBQH2072, Đường Nguyễn Duy Hiệu, Phường Đông Hương, TP. Thanh Hoá
Nghệ An	Lô 01 BT05 Phạm Đình Toái, Xã Nghi Phú, TP. Vinh, Tỉnh Nghệ An
Hà Tĩnh	Số 115 Nguyễn Biểu, Phường Nam Hà, TP. Hà Tĩnh, Tỉnh Hà Tĩnh
Hòa Bình	Số 313 Đường Trần Hưng Đạo, Phường Quỳnh Lâm, TP. Hòa Bình, Tỉnh Hòa Bình.
Sơn La	Số 08 Nguyễn Lương Bằng, Tổ 4, Phường Quyết Thắng, Thành phố Sơn La, Tỉnh Sơn La
Điện Biên	SN 584 Đường Võ Nguyên Giáp, Tổ 1 Tân Thanh, Thành phố Điện Biên Phủ, Tỉnh Điện Biên

Khu vực Miền Trung	
Huế	72 Phạm Văn Đồng, Phường Vĩnh Dạ, TP. Huế, Thừa Thiên Huế
Đà Nẵng	182-184 Đường 2/9, Phường Hòa Cường Bắc, Quận Hải Châu, TP. Đà Nẵng
Bình Định	94 Phạm Hùng, Phường Lý Thường Kiệt, TP. Quy Nhơn, Bình Định
Khánh Hòa	Tầng 1, 2 Tòa Nhà 42 Lê Thành Phương, Phường Phương Sài, TP.Nha Trang, Khánh Hòa
Phú Yên	A11 KĐT Hưng Phú, Đường Trần Phú, Phường 5, TP.Tuy Hoà, Phú Yên
Quảng Trị	Số 20 Lê Lợi, Phường 5 TP. Đông Hà, Quảng Trị
Quảng Bình	Tổ dân phố 15, Đường Minh Mạng, Phường Bắc Lý, TP. Đồng Hới, Quảng Bình
Quảng Ngãi	Ngã 3 Trà Bồng, Xã Bình Long, Huyện Bình Sơn, Quảng Ngãi
Quảng Nam	53 Phan Bội Châu, Phường Tấn Thạnh, TP. Tam Kỳ, Quảng Nam.
Gia Lai	67 Tầng Bạt Hồ, Phường Yên Đỗ, TP. Pleiku, Gia Lai
Kon Tum	128 Phan Chu Trinh, Phường Quyết Thắng, TP. Kon Tum, Kon Tum
Đắk Lắk	Số 11 Trần Hưng Đạo, Phường Thống Lợi, TP. Buôn Ma Thuật, Đắk Lắk

Khu vực Miền Nam	
Chi nhánh Công ty CP Viễn thông FPT	Lô 37-39A, Đường 19, Khu chế xuất Tân Thuận, Phường Tân Thuận Đông, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh
Đồng Nai	791 Đường Đồng Khởi, Khu phố 8, Phường Tân Phong, TP. Biên Hòa, Đồng Nai
Bình Dương	Ô 9-10, Lô B1, Đường D9, KDC Chánh Nghĩa, Phường Chánh Nghĩa, TP.Thủ Dầu Một, Bình Dương
Bình Thuận	59 Thủ Khoa Huân, Phường Phú Thủy, TP. Phan Thiết, Bình Thuận
Bình Phước	498 Quốc Lộ 14, Khu phố Phú Thịnh, Phường Tân Phú, TP. Đồng Xoài, Bình Phước
Tây Ninh	Số 476 đường 30/4, Khu Phố 5, Phường 3, TP. Tây Ninh, Tây Ninh
Ninh Thuận	Số 352-354 Ngô Gia Tự, Phường Tấn Tài, TP. Phan Rang - Tháp Chàm, Ninh Thuận
Vũng Tàu	186 Trương Công Định, Phường 3, TP. Vũng Tàu, Bà Rịa - Vũng Tàu
Lâm Đồng	36 Pasteur, Phường 4, TP. Đà Lạt, Lâm Đồng.
Trà Vinh	45 Nguyễn Đăng, Khóm 6, Phường 7, TP. Trà Vinh, Trà Vinh
Vĩnh Long	68/11A Phạm Thái Bường, Phường 4, TP. Vĩnh Long, Vĩnh Long
Sóc Trăng	Số 76 Lê Duẩn, Phường 3, TP. Sóc Trăng, Sóc Trăng
Long An	142 Hùng Vương, Phường 2, TP. Tân An, Long An
Bạc Liêu	44-45 Ninh Bình, Phường 2, TP. Bạc Liêu, Bạc Liêu
Cà Mau	Số 135, Đường Trần Hưng Đạo, Khóm 8, Phường 5, TP. Cà Mau, Cà Mau
An Giang	132 Trần Hưng Đạo, Phường Mỹ Bình, TP. Long Xuyên, An Giang
Cần Thơ	Số 10 Phan Văn Trị, Phường An Phú, Quận Ninh Kiều, TP. Cần Thơ
Bến Tre	285K Khu phố 3 Phường Phú Tân, TP. Bến Tre, Bến Tre
Kiên Giang	259 Nguyễn Bình Khiêm, Phường Vĩnh Thành, TP. Rạch Giá, Kiên Giang
Tiền Giang	284 Ấp Bắc, Phường 10, TP. Mỹ Tho, Tiền Giang
Hậu Giang	193H, Trần Hưng Đạo, Khu Vực 3, Phường 5, TP. Vị Thanh, Hậu Giang
Đồng Tháp	4 Lý Thường Kiệt, Phường 1, TP. Cao Lãnh, Đồng Tháp

Nơi nhận:

XÁC NHẬN CỦA ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
CỦA CÔNG TY

(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)



CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
Hoàng Việt Anh

